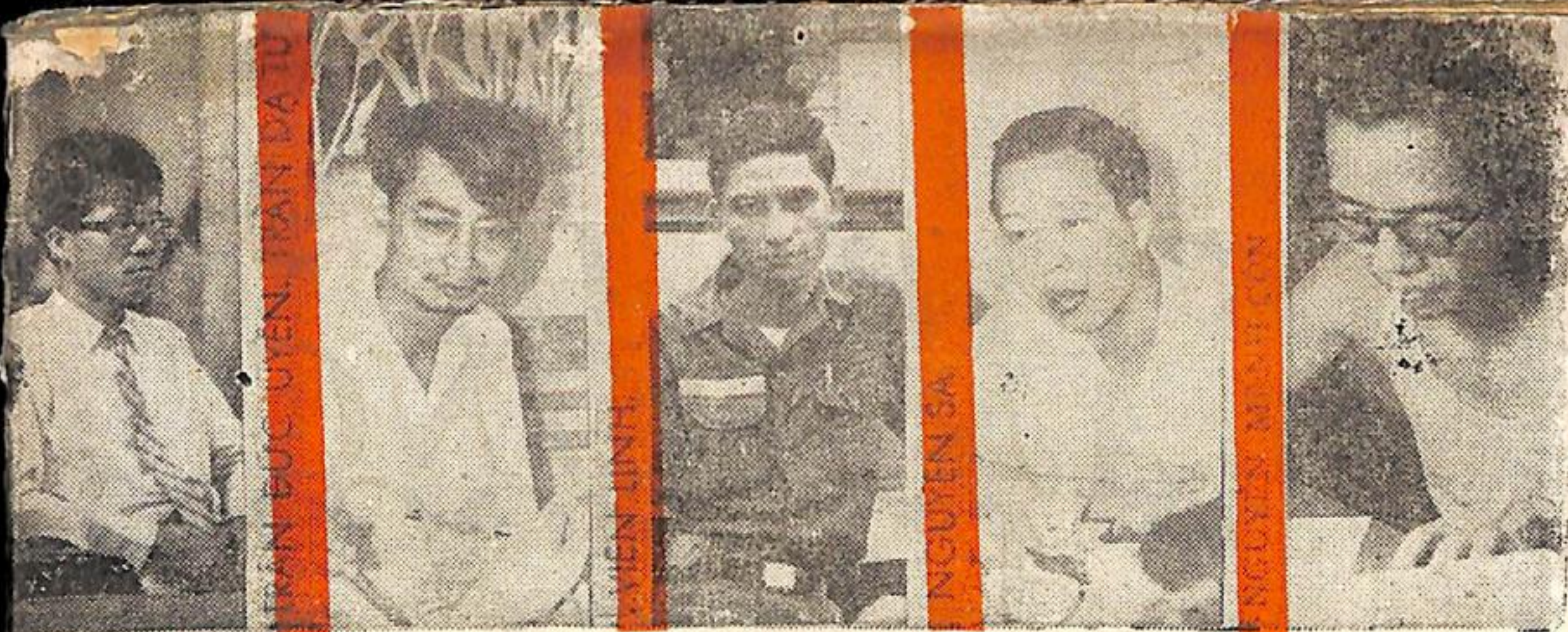




TRẦN DẬT TỪ

TRẦN ĐỨC CUYỀN

VIÊN LINH

NGUYỄN SA

NGUYỄN MẠNH CÔN

TIẾNG NÓI

TẬP CHI VAN DONG VAN HOC THAT LUC



TINH CANH NHAVAN
VIET NAM NHUNG N
AM NAM MUOI 60

số 1 tháng 4

TẠP CHÍ VĂN ĐỘNG VĂN HỌC THẬT LỰC

TIẾNG NÓI

Sẽ trình bày trong số tháng 5-1966

Chỗ đứng của văn học nghệ thuật trong tình thế hiện tại

NGUYỄN SA : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TA TRONG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THẾ GIỚI • NGUYỄN MẠNH CÔN : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TA TRONG TÌNH THẾ CHIA CẮT • ĐỖ QUÍ TOÀN : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TA TRONG NGHÈO ĐÓI, DỐT NÁT • NGUYỄN HỮU ĐÔNG : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRONG CHIẾN TRANH, BẤT ỔN ĐỊNH • TRẦN DẠ TỪ : VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TA TRƯỚC TƯƠNG LAI SẮP TỚI.

Và những sáng tác mới nhất của Đỗ Quý Toàn, Lý Hoàng Phong, Nguyễn nghiệp Nhượng, Nhã Ca, Viên Tĩnh, Dương nghiêm Mậu, Trần đức Uyển, Nguyễn Thụy Long.

PHÁT HÀNH: NGÀY 10 MỖI THÁNG

In tại nhà in THẾ GIỚI — 225-227 Phạm Ngũ Lão Saigon — ĐT : 25.863

TIẾNG NÓI



TIẾN TỚI
MỘT VĂN ĐỘNG
VĂN HỌC
THẬT LỰC

Trong sinh hoạt văn học nghệ thuật hiện tại, chúng ta không hề thiếu các tạp chí về văn học nghệ thuật. Tờ này nhằm phổ biến các kiến thức nghệ thuật phổ thông. Tờ kia nhằm tập hợp các nhà văn nhà thơ. Tờ nọ nhằm gom góp những tên tuổi quen thuộc ở đủ các giới. Tờ nọ nữa, nhằm nhập cảnh văn chương ngoại hóa. Nói chung, mỗi tờ có phần hữu ích riêng. Nhưng tạp chí Tiếng Nói, tờ báo mỏng manh mà các bạn đang cầm trên tay đây, không giống bất cứ một tạp san hay tạp chí nào, đang hoặc đã xuất bản. Nó, có quan niệm, chủ trương, và mục đích riêng biệt của nó.

Về quan niệm, với những người chủ trương tạp chí Tiếng Nói, Văn Học Nghệ thuật bắt buộc phải nhận lãnh cái trách nhiệm vinh quang và nặng nhọc của nó, là thể hiện cái tinh thần và ý thức của thời đại mà trong đó nó sống, đồng

thời, phải bảo vệ và thúc đẩy sự tiến bộ, cho những thứ ấy. Quan niệm này cho chúng ta nhìn rõ một thực trạng bi đát, là trong nhiều năm qua, văn học nghệ thuật của chúng ta chưa làm nổi, và cũng chưa hề được chuẩn bị để làm, trách nhiệm của nó. Chính vì thế, trong mọi biến cố lịch sử gần đây, chúng ta có thể nghe thấy tiếng nói và sức mạnh của những nhà tu hành, những tín đồ, những sinh viên học sinh, những người buôn thúng bán bưng, nhưng chưa hề được nghe rõ một tiếng nói, một sức mạnh nào, của một người làm văn học nghệ thuật. Sự bất lực ấy đưa văn học nghệ thuật hiện tại vào một tình trạng: 1) không tự bảo vệ nổi những giá trị tự tại của mình, trước những đe dọa của thực tại, 2) không tự đạt nổi một tiến bộ nào đáng kể, và 3) không tự đóng góp nổi một ý thức nào vào sinh hoạt tinh thần của dân tộc. Sự bất lực, ngoài ra, còn tạo những mặc cảm xum xuê đưa văn học nghệ thuật vào sâu những giả trá, vay mượn, phù phiếm.

Trong khi đó thì đời sống vẫn tiếp diễn thảm khốc: chiến tranh, chết chóc, đất đỏ, Cộng sản. Tất cả lôi kéo nhau, cuốn hút nhau trùn lầy hết đời sống. Và cái đời sống ấy, khi đã không còn được soi sáng bằng một ý thức nào, khi đã không còn được một cơ hội lui xa ra để chiêm nghiệm, sẽ càng ngày càng mù lòa hơn nữa, vô vọng hơn nữa. và như thế, liệu chúng ta sẽ mò mẫm về đâu.

Từ quan niệm và những ghi nhận trên, số anh chị em Tiếng Nói dứt khoát chủ trương: *phải tiến tới một vận động văn học nghệ thuật thật lực.*

Vận động thật lực, có nghĩa là làm với những sức lực thật sự. Thật sự của mình, của hoàn cảnh mình. Vận động thật lực, còn có nghĩa là làm hết sức mình, làm với tất cả sức lực, khả năng của mình, của tiếng nói mình. Một vận động văn học nghệ thuật thật lực, hiểu theo ý nghĩa ấy, bắt buộc sẽ phải là một vận động toàn diện, toàn thể, và liên tục. Toàn thể từ người viết tới người đọc. Toàn diện từ nhận thức tới ý thức. Và liên tục thực hiện, từ công việc viết, in, đến phổ biến.

Cuộc vận động toàn thể, toàn diện và liên tục ấy, với những thứ chúng ta—nói rõ hơn: chúng tôi, nhóm bằng hữu Tiếng Nói—đang có, chỉ có thể khởi lại từ những bước thứ nhất. Là kiểm điểm lại, ý thức lại, về chính hàng ngũ mình, hoàn-

cảnh mình, sức lực mình, bổn phận mình và, làm lại công việc mình. Chính với quan niệm và chủ trương nêu trên, trong những trang Tiếng Nói số một sau đây, qua chủ đề: «tình cảnh nhà văn Việt Nam trong những năm 50 và 60» chúng ta sẽ đặt những cái nhìn tổng quát vào sự có mặt của nhà văn Việt Nam, giữa những tương quan chung: nhà văn với nhà văn, nhà văn với xã hội, nhà văn giữa các hiệp hội và tổ chức văn hóa, nhà văn với độc giả, nhà văn với chính quyền, nhà văn với cuộc chiến hiện tại, và nhà văn với đề tài, tác phẩm, nghĩa là với chính công việc của hân. Kiểm điểm lại hàng ngũ mình, những tình cảnh mà trong đó nhà văn sống và làm việc rồi, trong chủ đề của Tiếng Nói số hai: «Chỗ đứng của nhà văn Việt Nam trong tình thế hiện tại» chúng ta sẽ xét về những việc mà nhà văn làm, tương quan giữa những vấn đề lớn của thời đại, như tôn giáo, chiến tranh, Cộng sản với văn nghệ. Chủ đề của Tiếng Nói số ba, sẽ là «Sự nghèo khó của văn học Việt Nam» Và từ số thứ tư, Tiếng Nói sẽ chính thức mở vào vấn đề lớn nhất của văn học nghệ thuật, là «Viết Để Làm Gì».

Nhóm bằng hữu Tiếng Nói, không phải là những người suy nghĩ về văn học nghệ thuật, mà là những người làm văn học nghệ thuật bằng chính sáng tác của mình. Như vậy, ngoài và trên phần chủ đề thường xuyên, với chủ trương khởi hành lại từ những bước thứ nhất, tờ tạp chí hàng tháng này sẽ là nơi đặt từng bước chân thí nghiệm mới nhất, qua các sáng tác, của những người chủ trương. Kèm theo đó, mỗi số báo, qua phần ghi nhận hàng tháng, mang tên chung là «Chúng Tôi Sống Nghĩ và Viết», mỗi tác giả trong nhóm chủ trương, sẽ đều đặn bày tỏ cùng các bạn những thái độ mà chúng tôi ghi nhận trước mọi sự kiện. Đó là sơ lược những công việc mà tạp chí này tự đặt ra cho nó.

Sinh hoạt văn học nghệ thuật, nhất là một vận động văn học nghệ thuật thật lực, không phải chỉ là sinh hoạt của tạp chí, ở một hay nhiều tạp chí, mà là của tác phẩm, ở trong phẩm và lượng của các tác phẩm. Một tạp chí chỉ là một diễn đàn trao đổi các nhận thức, ý thức, đề đơn đường cho việc làm tác phẩm. Tình trạng coi các tạp chí văn chương là cơ sở sáng tác chính, để rồi nhà văn trở thành những người viết theo sự dục bài từng kỳ, tạo thành những tác phẩm nghệ thuật loại văn-chương-tạp-chí, thường thấy lâu nay, sẽ không phải là

trạng của những người chủ trương tạp chí này. Trong những năm dài
ong được phép xuất bản một tạp chí nào, nhóm bằng hữu Tiếng Nói vẫn
nhau, vẫn suy nghĩ, vẫn viết. Một cơ sở xuất bản của Tiếng Nói cũng đã
việc. Cùng lúc với tờ tạp chí số một này, một thi phẩm của Nguyễn
và bảy tác phẩm khác gồm thơ văn, kịch của các tác giả trong Tiếng Nói là
Kieu, Nguyễn Thụy Long, Nhã Ca, Đỗ quý Toàn, Phan từng Nguyên, Trần dạ
cũng được tái phát hành. Công việc xuất bản ấy, song song với tạp chí,
còn được tiếp tục và mở rộng hơn nữa.

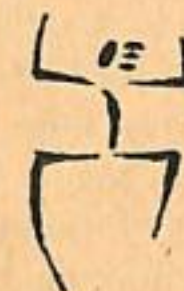
Tiếng Nói vốn là sợi dây ràng buộc vững chắc nhất cho một dân tộc : bằng
ng nói, dân tộc ta đã truyền bá và phát huy mọi cơ sở tinh thần. Tiếng
i còn là vũ khí duy nhất của người cầm bút : bằng tiếng nói, người cầm
t vận dụng mọi nhận thức, rung động của mình thành ý thức và đóng góp
o đời sống chung.

on Tiếng Nói làm tên chung cho tờ tạp chí này và các cơ sở sinh hoạt biên
p xuất bản cạnh nó, nhóm chủ trương muốn nhấn mạnh tới số phận chung,
oàn cảnh chung, mà trong đó tiếng nói là sợi dây bền bỉ và thân ái nhất
àng buộc chúng ta với nhau.

Trong tinh thần bền bỉ và thân ái ấy, Tiếng Nói xin nói lời chào mừng
đầu tiên của mình, với cả những người viết lẫn người đọc có chung
một ý thức : hãy đến cùng chúng tôi, tiếng nói quyết liệt tiến tới một vận động
văn học thật lực.

BAN CHỦ BIÊN

TÌNH CẢNH
NHÀ VĂN VIỆT NAM
NHỮNG NĂM
NĂM MƯƠI VÀ SÁU MƯƠI



NGUYỄN SA. TRẦN DẠ TỪ.
NGUYỄN HỮU ĐÔNG. PHẠM THÁI THỦY
TRẦN ĐỨC UYÊN

Mỗi nhà văn sống, nghĩ, viết, trong một hoàn cảnh riêng biệt. Đúng rồi. Không
thể giống được. Điều kiện sinh lý chẳng hạn, biến đổi theo mỗi cá nhân. Hãy
xách cổ chính 5 tên kê trên ra làm một thí dụ : Nguyễn Sa mập và bụng to,
Trần Dạ Từ mặt rỗ, Trần Đức Uyên rậm râu, Phạm Thái Thủy nhỏ con,
Nguyễn Hữu Đông cục mịch. Tình trạng hộ tịch khác nhau rõ quá. Những điểm
đị biệt, những điều kiện yếu tố cụ thể khác nhau của mỗi người cầm bút,
muốn kê thêm không khó. Đề sống, mỗi nhà văn thường có những nghề tay
trái khác nhau. Vũ Hoàng Chương, Đỗ Quý Toàn, Doãn Quốc Sỹ, dạy học đấy.
Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử, Duyên Anh, Nguyễn Thụy Long, ký giả đấy. Phục
vụ trong quân ngũ cũng lắm : Văn Quang, Thanh Tâm Tuyền, Thao Trường,
Tô Thủy Yên... Bác sỹ, Luật sư, Kinh tế gia, biên tập viên đài phát thanh. Đủ
hết. Sự khác nhau nhiều lắm. Lý do dễ hiểu quá : chẳng có cuộc đời nào giống
cuộc đời khác như hai giọt nước, hai sản phẩm của cùng một bộ máy tự động sản
xuất dây chuyền.

tình trạng của những người chủ trương tạp chí này. Trong những năm dài không được phép xuất bản một tạp chí nào, nhóm bằng hữu Tiếng Nói vẫn gặp nhau, vẫn suy nghĩ, vẫn viết. Một cơ sở xuất bản của Tiếng Nói cũng đã làm việc. Cùng lúc với tờ tạp chí số một này, một thi phẩm của Nguyên Sa, và bảy tác phẩm khác gồm thơ văn, kịch của các tác giả trong Tiếng Nói là Tú Kieu, Nguyễn Thụy Long, Nhã Ca, Đỗ quý Toàn, Phan từng Nguyên, Trần Dạ Từ cũng được tái phát hành. Công việc xuất bản ấy, song song với tạp chí, sẽ còn được tiếp tục và mở rộng hơn nữa.

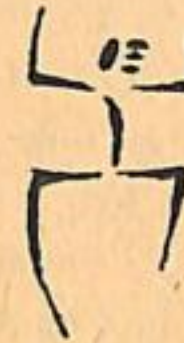
Tiếng Nói vốn là sợi dây ràng buộc vững chắc nhất cho một dân tộc : bằng tiếng nói, dân tộc ta đã truyền bá và phát huy mọi cơ sở tinh thần. Tiếng Nói còn là vũ khí duy nhất của người cầm bút : bằng tiếng nói, người cầm bút vận dụng mọi nhận thức, rung động của mình thành ý thức và đóng góp vào đời sống chung.

Chọn Tiếng Nói làm tên chung cho tờ tạp chí này và các cơ sở sinh hoạt biên tập xuất bản cạnh nó, nhóm chủ trương muốn nhấn mạnh tới số phận chung, hoàn cảnh chung, mà trong đó tiếng nói là sợi dây bền bỉ và thân ái nhất ràng buộc chúng ta với nhau.

Trong tinh thần bền bỉ và thân ái ấy, Tiếng Nói xin nói lời chào mừng đầu tiên của mình, với cả những người viết lẫn người đọc có chung một ý thức : hãy đến cùng chúng tôi, tiếng nói quyết liệt tiến tới một vận động văn học thật lực.

BAN CHỦ BIÊN

TÌNH CẢNH
NHÀ VĂN VIỆT NAM
NHỮNG NĂM
NĂM MƯƠI VÀ SÁU MƯƠI



NGUYỄN SA. TRẦN DẠ TỪ.
NGUYỄN HỮU ĐÔNG. PHẠM THÁI THỦY
TRẦN ĐỨC UYÊN

Mỗi nhà văn sống, nghĩ, viết, trong một hoàn cảnh riêng biệt. Đúng rồi. Không thể giống được. Điều kiện sinh lý chẳng hạn, biến đổi theo mỗi cá nhân. Hãy xách cổ chính 5 tên kẻ trên ra làm một thí dụ : Nguyên Sa mập và bụng to, Trần Dạ Từ mặt đỏ, Trần Đức Uyển rậm râu, Phạm Thái Thủy nhỏ con, Nguyễn Hữu Đông cục mịch. Tình trạng hộ tịch khác nhau rõ quá. Những điểm dị biệt, những điều kiện yếu tố cụ thể khác nhau của mỗi người cầm bút, muốn kể thêm không khó. Để sống, mỗi nhà văn thường có những nghề tay trái khác nhau. Vũ Hoàng Chương, Đỗ Quý Toàn, Doãn Quốc Sỹ, dạy học đấy. Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử, Duyên Anh, Nguyễn Thụy Long, ký giả đấy. Phục vụ trong quân ngũ cũng lắm : Văn Quang, Thanh Tâm Tuyền, Thao Trường, Tô Thủy Yên... Bác sỹ, Luật sư, Kinh tế gia, biên tập viên đài phát thanh. Đủ hết. Sự khác nhau nhiều lắm. Lý do dễ hiểu quá : chẳng có cuộc đời nào giống cuộc đời khác như hai giọt nước, hai sản phẩm của cùng một bộ máy tự động sản xuất dây chuyền.

Nhưng cũng chẳng ai đại dốt mà xác nhận rằng con người nói chung, nhà văn nói riêng, chẳng có điều tương đồng nào cả. Dĩ biệt có. Tương đồng cũng có chứ. Cái tương đồng này làm cho người chẳng phải là chó, mèo, khỉ. Cái tương đồng kia làm cho người Việt Nam khác với con cháu nữ thần Thái-Dương, với dân tộc xây tượng thần tự-do trên một vùng đất mới. Cái tương đồng nọ làm cho nhà-văn là nhà-văn. Chúng ta vẫn khác nhau, đúng rồi. Giống nhau thế nào được? Giống làm gì? Không thể đồng nhất hóa được? Đồng ý, đồng ý. Khác nhau có. Và có. Nhưng cũng có một hoàn cảnh chung. Một cái tương đồng. Một dấu chàm nào đó trên trán, một dấu ấn nào đó trên vai người nô-lệ. Nhờ đó phân biệt được nhà văn Việt Nam những năm Năm mươi và Sáu mươi với nhà-văn chỗ khác, thời khác. Với nhà-văn tiền chiến. Với Nam Phong và Tự lực. Với « Thế-hệ lạc lõng » và nhóm « Tiểu thuyết mới ». Với Hemingway, Camus và với tác-giả bài « situation de l'écrivain en 1947 » (1). Muốn nhìn ra những yếu tính của một người văn chương, cũng như một thể hệ văn chương, một nền văn chương, chúng ta không thể không tìm coi những dị biệt và tương đồng trong hoàn cảnh của nó.

Đó là lý do đề chủ đề này được đặt ra. Là lý do để tìm coi những dấu chàm dấu ấn trên số phận chung của nhà văn Việt Nam những năm Năm mươi và Sáu mươi ra sao. Ra sao giữa nhà văn với nhà văn, giữa nhà văn với xã hội, giữa nhà văn với độc giả, giữa nhà văn với chính quyền, với chiến tranh, và với đề tài và tác phẩm của hần, nghĩa là với chính công việc nhà văn mà hần làm,

1) Sartre — Situations II. p. 202.

NGUYỄN SA MỘT THẾ HỆ NHÀ VĂN KHÔNG ĐÀN ANH

Những cái tương đồng chung, không kể làm gì. Có lý trí, phải chết. Có xương sống, đẻ con. Hoặc : da vàng, mũi tẹt, tóc đen, con cháu Lạc-hồng, kinh tế nông nghiệp... Hoặc sát hơn nữa : đất nước chia đôi, nước chậm tiến, chiến tranh tàn phá, nội bộ rối loạn... Những cái tương đồng đó không kể làm gì. Lô yếu tố thứ nhất mới là cái « dấu chàm » của con người. Lô yếu tố thứ nhì : người Việt Nam nói chung. Người Việt Nam ở đây, bây giờ được phác họa bởi lô yếu tố thứ ba. Chưa phải là nhà văn Việt Nam những năm Năm Mươi, Sáu Mươi. Nó có những nét ấy. Có chứ. Nhưng những nét ấy chưa đủ. Tổng quát tính của chúng làm cho chúng mơ hồ.

Cũng không kể đến một lô yếu tố khác chỉ liên hệ đến nhà văn Việt Nam ở đây, bây giờ vì phụ thuộc. Chẳng hạn như điều kiện giải trí và nơi sinh hoạt. Không có những salons littéraires như nhà văn Pháp thế kỷ 19. Không ngồi viết ở quán café như các nhà văn Ba-lê. Không có những cuộc du lịch kỳ thú, những cuộc phiêu-lưu này lửa như các nhà văn Mỹ khi tham gia cuộc nội chiến hoặc cuộc đấu bò rừng ở Tây-Ban-Nha, khi săn thú ở Phi-Châu, khi kết hôn với minh-tinh màn bạc. Cũng không hát ả đào như thế-hệ Nguyễn-Công-Trừ, thế-hệ Tân-Đà. Á-phiện cũng chẳng có bao nhiêu. Vài người hút nhưng lại bỏ. Bởi thế, những tay thích làm văn học sử biết nghề, biết quan tâm đến mối tương quan đúng mức giữa cái sống và cái viết, sẽ nhận thấy một cách dễ dàng, trong tác phẩm cũng như trong cuộc đời của lớp người cầm bút những năm Năm mươi, và Sáu mươi sự đổi thay của môi trường sinh hoạt. Đôi cánh của nàng tiên nâu đã bay mất. Hay đúng hơn : chưa bao giờ xuất hiện trong thơ của Từ, Nhã Ca, Uyển, Tuấn hay Thủy. Những cuộc phiêu lưu không diễn ra trên núi tuyết Kilimanjaro mà vẫn giới hạn trong thành phố. Vũ-trường và vũ-nữ đến thay thế những ngôi nhà có tiếng phách tiếng sênh trong cái sống và cái viết. Mượn và hát nói nhường chỗ cho « giọng hát Bích Chiêu ». Rõ lắm. Rõ lắm. Nơi sinh hoạt, điều kiện giải trí của nhà văn thế hệ 54-66 không giống thế kỷ 19, tiền chiến, Âu Châu hay Mỹ Châu. Nhưng chúng ta không kể đến những điểm tương đồng đó. Không dừng lại ở đó. Thị trấn nhỏ bé của cuộc đời văn nghệ này có những nét quyến rũ, kỳ thú mà một cây viết tài hòa có thể sẽ tạo ra những bức tranh tuyệt diệu, ta phải nhắm mắt nhảy qua để đi thẳng tới trọng tâm của vấn đề. Điều kiện chung này và những hoàn cảnh chung khác vắt sang một bên. Không chối cãi về tầm quan trọng và vẻ đẹp, nhưng không thể dừng lại lâu hơn được vì phải nói đến ngay cái hoàn cảnh căn bản.

Tôi nói về sự cô đơn. Thế đấy, hoàn cảnh chung của nhà văn thế hệ Năm mươi Sáu mươi này là sự cô đơn đấy. Nó làm ta khác tiền chiến, khác Tự Lực, Nam Phong. Khác các nhà văn hiện sinh, khác những người lãnh giải Nobel, Goncour thay Pulitzer dù họ sống trên « sông Don trầm lặng », thắc mắc về « những bàn tay bẩn », sống trong tâm trạng « người lạ mặt » hay chán chường « già từ vũ khí ». Sự cô đơn đứng trước mặt, sau lưng, dưới chân, trên đầu, trong chiều nằm, trên bàn viết. Đe dọa và tàn phá, làm tê liệt và tan nát. Cào xé rách da, rách thịt. Đừng tưởng nhằm đến triết lý. Tôi không bàn đến niềm cô đơn trừu tượng của các triết gia chuyên nghiệp. Cái này không phải là một sản phẩm thuần lý, tiên nghiệm. Cái này chạy trong máu, nhảy múa trong mắt, trên tay, đi lại trong phế nang, sinh sản trong tế bào. Nhìn thấy không? Trước hết, đó là sự cô đơn của một thế-hệ không có đàn anh. Cái anh kia sẽ cười khoái trá : đúng rồi tâm hồn này là một tâm hồn yếu đuối. Còn gì nữa, khẳng định của nó phản ánh rõ rệt sự than tiếc, không có nơi nương tựa, không có

Nhưng cũng chẳng ai đại đột mà xác nhận rằng con người nói chung, nhà văn nói riêng, chẳng có điều tương đồng nào cả. Dĩ biệt có. Tương-dồng cũng có chứ. Cái tương-dồng này làm cho người chẳng phải là chó, mèo, khỉ. Cái tương-dồng kia làm cho người Việt Nam khác với con cháu nữ thần Thái-Dương, với dân tộc xây tượng thần tự-do trên một vùng đất mới. Cái tương-dồng nọ làm cho nhà-văn là nhà-văn. Chúng ta vẫn khác nhau, đúng rồi. Giống nhau thế nào được? Giống làm gì? Không thể đồng nhất hóa được? đồng ý, đồng ý. Khác nhau có. Và có. Nhưng cũng có một hoàn cảnh chung. Một cái tương-dồng. Một dấu chàm nào đó trên trán, một dấu ấn nào đó trên vai người nô-lệ. Nhờ đó phân biệt được nhà văn Việt Nam những năm Năm mươi và Sáu mươi với nhà-văn chỗ khác, thời khác. Với nhà-văn tiền chiến. Với Nam Phong và Tự lực. Với « Thế-hệ lạc lõng » và nhóm « Tiểu thuyết mới ». Với Hemingway, Camus và với tác-giả bài « situation de l'écrivain en 1947 » (1). Muốn nhìn ra những yếu tính của một người văn chương, cũng như một thể hệ văn chương, một nền văn chương, chúng ta không thể không tìm coi những dị biệt và tương đồng trong hoàn cảnh của nó.

Đó là lý do đề chủ đề này được đặt ra. Là lý do đề tìm coi những dấu chàm dấu ấn trên số phận chung của nhà văn Việt Nam những năm Năm mươi và Sáu mươi ra sao. Ra sao giữa nhà văn với nhà văn, giữa nhà văn với xã hội, giữa nhà văn với độc giả, giữa nhà văn với chính quyền, với chiến tranh, và với đề tài và tác phẩm của hắn, nghĩa là với chính công việc nhà văn mà hắn làm,

1) Sartre — Situations II. p. 202.

NGUYỄN SA MỘT THẾ HỆ NHÀ VĂN KHÔNG ĐÀN ANH

Những cái tương đồng chung, không kể làm gì. Có lý trí, phải chết. Có xương sống, đẻ con. Hoặc : da vàng, mũi tẹt, tóc đen, con cháu Lạc-hồng, kinh tế nông nghiệp... Hoặc sát hơn nữa : đất nước chia đôi, nước chàm tiến, chiến tranh tàn phá, nội bộ rối loạn... Những cái tương đồng đó không kể làm gì. Lô yếu tố thứ nhất mới là cái « dấu chàm » của con người. Lô yếu tố thứ nhì : người Việt Nam nói chung. Người Việt Nam ở đây, bây giờ được phác họa bởi lô yếu tố thứ ba. Chưa phải là nhà văn Việt Nam những năm Năm Mươi, Sáu Mươi. Nó có những nét ấy. Có chứ. Nhưng những nét ấy chưa đủ. Tổng quát tính của chúng làm cho chúng mơ hồ.

Cũng không kể đến một lô yếu tố khác chỉ liên hệ đến nhà văn Việt Nam ở đây, bây giờ vì phụ thuộc. Chẳng hạn như điều kiện giải trí và nơi sinh hoạt. Không có những salons littéraires như nhà văn Pháp thế kỷ 19. Không ngồi viết ở quán café như các nhà văn Ba-lê. Không có những cuộc du lịch kỳ thú, những cuộc phiêu-lưu nầy lửa như các nhà văn Mỹ khi tham gia cuộc nội chiến hoặc cuộc đấu bò rừng ở Tây-Ban-Nha, khi săn thú ở Phi-Châu, khi kết hôn với minh-tinh màn bạc. Cũng không hát ả đào như thế-hệ Nguyễn-Công-Trứ, thế-hệ Tấn-Đà. Á-phiện cũng chẳng có bao nhiêu. Vài người hút nhưng lại bỏ. Bởi thế, những tay thích làm văn học sử biết nghề, biết quan tâm đến mối tương quan đúng mức giữa cái sống và cái viết, sẽ nhận thấy một cách dễ dàng, trong tác phẩm cũng như trong cuộc đời của lớp người cầm bút những năm Năm mươi, và Sáu mươi sự đổi thay của môi trường sinh hoạt. Đôi cánh của nàng tiên nâu đã bay mất. Hay đúng hơn : chưa bao giờ xuất hiện trong thơ của Từ, Nhã Ca, Uyên, Tuấn hay Thủy. Những cuộc phiêu lưu không diễn ra trên núi tuyết Kilimanjaro mà vẫn giới hạn trong thành phố. Vũ-trường và vũ-nữ đến thay thế những ngôi nhà có tiếng phách tiếng sênh trong cái sống và cái viết. Mượu và hát nói nhường chỗ cho « giọng hát Bích Chiêu ». Rõ lắm. Rõ lắm. Nơi sinh hoạt, điều kiện giải trí của nhà văn thế hệ 54-66 không giống thế kỷ 19, tiền chiến, Âu Châu hay Mỹ Châu. Nhưng chúng ta không kể đến những điểm tương đồng đó. Không dừng lại ở đó. Thị trấn nhỏ bé của cuộc đời văn nghệ này có những nét quyến rũ, kỳ thú mà một cây viết tài hòa có thể sẽ tạo ra những bức tranh tuyệt diệu, ta phải nhắm mắt nhay qua để đi thẳng tới trọng tâm của vấn đề. Điều kiện chung này và những hoàn cảnh chung khác vắt sang một bên. Không chối cãi về tầm quan trọng và vẻ đẹp, nhưng không thể dừng lại lâu hơn được vì phải nói đến ngay cái hoàn cảnh căn bản.

Tôi nói về sự cô đơn. Thế đấy, hoàn cảnh chung của nhà văn thế hệ Năm mươi Sáu mươi này là sự cô đơn đấy. Nó làm ta khác tiền chiến, khác Tự Lực, Nam Phong. Khác các nhà văn hiện sinh, khác những người lãnh giải Nobel, Goncour thay Pulitzer dù họ sống trên « sông Don trầm lặng », thắc mắc về « những bàn tay bẩn », sống trong tâm trạng « người lạ mặt » hay chán chường « già từ vũ khí ». Sự cô đơn đứng trước mặt, sau lưng, dưới chân, trên đầu, trong chiều nằm, trên bàn viết. Đe dọa và tàn phá, làm tê liệt và tan nát. Cào xé rách da, rách thịt. Đừng tưởng nhầm đến triết lý. Tôi không bàn đến niềm cô đơn trừu tượng của các triết gia chuyên nghiệp. Cái này không phải là một sản phẩm thuần lý, tiên nghiệm. Cái này chạy trong máu, nhẩy múa trong mắt, trên tay, đi lại trong phế nang, sinh sản trong tế bào. Nhìn thấy không? Trước hết, đó là sự cô đơn của một thế-hệ không có đàn anh. Cái anh kia sẽ cười khoái trá : đúng rồi tâm hồn này là một tâm hồn yếu đuối. Còn gì nữa, khẳng định của nó phản ánh rõ rệt sự than tiếc, không có nơi nương tựa, không có

người hướng dẫn, không có người ra lệnh, cầm chịch. Đừng nghĩ thế. Đừng cho rằng sự xác định «nỗi cô đơn của một thể hệ không có đàn anh» nói lên niềm khát khao thần tượng để phục tòng, hay bằng ngôn ngữ phân tâm, sự xác định đó phản ánh một mặc cảm, một *huynh-hướng thích bị đô-hộ*, một *masochisme văn nghệ*. Tôi đã đùa với triết-học khá lâu để biết nhận diện những cái đó. Tôi vẫn nói là, trong văn-nghệ, không ai thực sự giúp đỡ ai được cả. Chỉ có tác-giả một mình trước tờ giấy trắng như lão ngư ông và biển cả, tay đấu bò và con bò rừng. Tiền bạc và uy quyền, bằng hữu và gia-đình, đàn anh và đàn em chẳng thể nào vỗ trang cánh tay nhà-văn để biến tập giấy trắng thành tác-phẩm lớn. Chỉ có nó và nó. Tôi vẫn nghĩ là người viết xứng danh có thể gia-nhập hay không gia-nhập vào một nhóm, một phái nào đó. Vào hay không vào chẳng quan hệ gì. Điều quan hệ là vào hay không vào bao giờ trong ý-thức của nó cũng phải có thường-trực tiếng nói đồng-dục, tiếng nói rất hách: Trường phái bè nhóm đều vô nghĩa. Mưu cơ, đòn phép, vô nghĩa. Những khen tặng đề cao có kế-hoạch là những hào quang giả và sự xưng tụng lẫn nhau chỉ lờ được những tâm hồn ấu-trĩ. Bao vây và xuyên tạc, đe dọa và chụp mũ dù tinh-vi đến đâu dù hủy-diệt được thân thể, hãm hại được chính ta, chẳng làm sứt mẻ được tác-phẩm ta. Hãy nghe lời đề cao bằng một tai thoi. Hãy nhìn sự lãng mạ bằng cặp mắt khoan dung. Tất cả đều ở *phía dưới*. Cái trên chẳng đứng được tác-phẩm, cái dưới không vật nó ngã được. Tinh thần độc-lập, nỗi cô đơn khi sáng tác, tôi nghĩ rằng đã có, đang có và có mãi trong tâm hồn người làm văn-nghệ thật.

Và tôi nói: *Chúng ta là một thể-hệ không có đàn anh không phải đề kêu gọi nơi nương tựa mà đề bày rõ một thực tại chi-phối cuộc đời văn-nghệ từ mười mấy năm nay, vạch rõ một yếu tính của thể-hệ Năm mươi, Sáu mươi.*

«Không có đàn anh» không phải là *nihilisme văn-nghệ*, không phải là đáp đồ hết. Những đao to búa lớn «trước ta không có ai» những *nihilisme văn nghệ* chỉ là những bộ mặt cũ như trái đất mà tâm lý học gọi là trạng-thái tự kỷ trung-tâm, tôi gọi là sự hoảng hốt của đam mê khởi đầu. Vấn đề không phải thế. Nó khác. Vấn đề là, trong *trạng-thái bình thường*, người bắt đầu bước vào thế-giới văn-nghệ, cuộc phiêu-lưu dài, mệt và đáng bao giờ cũng gặp ngay một dãy núi lớn cản đường. Đàn anh đấy. Nó đi trước ta một giáp, một cuộc chiến-tranh, một cuộc nội loạn, một cuộc khủng-hoảng kinh-tế. Làm thế nào vượt qua? Bằng cách tiếp tục đào sâu hay làm khác đi, đi ngược lại. Tiếp tục hay chống đối đều nói lên sự có mặt của dãy núi. Những Xuân-Diệu, Huy-Cận, Vũ-Hoàng-Chương, ngàng đầu lên thấy những Tản-Đà, Tản-Đà sáng chói trong cơn say đứng đấy, trước mặt. Dãy núi của những Sartre, Camus tên là Gide, Proust và những Michel Butor, Nathalie Sarraute không thể quên sự có mặt của Sartre, S. de Beauvoir. Sự có mặt của thể-hệ đàn anh, bình thường là một nghiệp dĩ, căn phần hay hoàn cảnh văn-nghệ, khó chịu

lắm. Nó làm cho người bắt đầu làm văn-nghệ có cái *ý-thức bị nhìn ngấm*. Sartre triết-lý không quên được những Alain, Bergson, Heidegger. Sartre kịch, Sartre-tiêu thuyết không quên được Gide, Giraudoux. Bước chân vào thế giới văn-học nghệ-thuật khi còn những tạp-chí Đông-Dương và Nam-Phong, tay biên khảo này chẳng thể quên được rằng nó sẽ được đọc bởi những Phan-Kế-Binh, Phạm Quỳnh, Trần-Trọng-Kim. Đăng thơ khi cuộc đệ nhị thế chiến đang khai diễn, tay làm thơ biết rằng nó sẽ được đọc bởi «con chim đến từ núi lạ», bởi những linh hồn mà «sầu đã chín». Và tay tùy bút sẽ bị nhìn bởi nụ cười khinh bạc của họ Nguyễn, tay phóng sự gặp ngay tác giả Số Đỏ. Đi vào thế giới văn-nghệ bình thường bao giờ cũng có các tay đàn anh đang sống, sinh hoạt, còn sinh hoạt, tiếp tục sáng tác, ta chẳng thể quên được sự hiện diện của họ. Họ nhìn ta đi vào thế-giới-còn-đang-của-họ khởi đầu một cuộc thay thế. Và ta biết rằng bị nhìn. Bị nhìn và ý thức được bị nhìn ngấm, bước đi của ta sẽ đổi khác, diện mạo của ta sẽ đổi khác, thái-độ của ta sẽ đổi khác. Trông người đàn bà thì biết. Biết là bị nhìn ngấm, nó điệu hơn nhiều. Đề cho cái dăng hiến quý, giá hơn hay đề cho sự chinh-phục tinh-vi hơn, không biết. Nhưng chắc chắn sẽ đổi khác. Một người kịch cỡm sẽ nói: sao kém thế. Nhìn, mặc kệ. Không cần biết đến sự có mặt của bọn đàn anh. Thái-độ cố ý không quan tâm đến cặp mắt theo dõi của tha nhân, càng nói lên sự có mặt nặng nề của tha nhân. Càng phủ nhận, họ càng có mặt. Càng quên đi, họ càng hiện ra rõ rệt. Sự gia nhập vào thế-giới văn-nghệ, bình thường nó như thế đấy. Và chúng ta không ở trong tình-trạng bình thường đó.

Chúng ta bước vào một ngôi nhà trống rỗng, một khu vườn bỏ hoang, một vũ trụ không người, chẳng có ai trước mặt thật. Chúng ta rút ra mỗi đứa một cây gậy và múa loạn lên. Chúng ta khen tặng và sỉ-vả lẫn nhau. Đến một lúc, ta sỉ-vả cả những người đi trước, lớp đàn anh sát nút. Không thấy ai trả lời, khoái quá. Nhưng niềm khoái trá tan đi làm tấm màn chủ quan rơi xuống để lộ rõ ngôi nhà trống rỗng, khu vườn hoang vắng. Bọn họ đâu cả rồi? Câu trả lời tìm thấy không khó. Chiến tranh hai mươi năm, đất nước chia đôi là thực tại đứng đó, sờ mó thấy. Cũng như đồng bào ta, nhà-văn lớp trước đã gánh trên vai những trái đen của thần Mars. Chiến tranh đã trở ra trăm cánh tay móng nhọn trăm đầu miệng rộng rằng to để cướp mất người này bằng cánh tay vũ-khí, xoá mất người kia bằng hàm răng chính-trị. Người bị thủ tiêu, Khải-Hưng đấy. Người phiêu bạt rừng núi, ở quê người chẳng về, đứng lại tê liệt ở bên kia vĩ-tuyến, lặng lẽ rút khỏi thế-giới văn-nghệ hoặc khoác lên vai chiếc áo chính uỷ cũng như những tác-giả lửa-thiên, vang bóng một thời, gửi hương cho gió. Mất cả, mất cả. Ở quanh ta còn một vài ngôi sao. Có chứ. Đông-Hồ, Vi-Huyền-Đắc, Trần-Tuấn-Khai. Gần ta hơn: Vũ-Hoàng-Chương, Đình-Hùng. Nhưng giòng Ngân-Hà đã bị phân-hóa, trái núi đã vỡ tung vì chất nổ ghê gớm. Những ngôi sao ấy

trở thành lẻ loi. Những đàn anh còn đây không đủ để kết hợp thành một thế-hệ, một lớp người có một sinh-hoạt văn-nghệ thuần nhất để những kẻ đến sau đặt thành đối tượng tranh thủ, chống đối hoặc gia nhập. Đứng thế, có những đàn anh còn đây; nhưng gần như đã rút khỏi cuộc sinh-hoạt văn-nghệ thường-trực. Thỉnh thoảng khuôn mặt đáng yêu của Đông-Hồ, Trần-Tuấn-Khai.. xuất hiện trong một số báo Xuân, trong một cuộc phỏng vấn, đề nhắc lại dĩ-vãng nghĩa là đề nói lên sự rút khỏi cuộc sống văn-nghệ cháy nóng. Họ đã thật sự rút khỏi văn-nghệ. Tác phẩm lớn của họ đã làm xong và họ đã trở thành khách lạ. Những đàn anh gần ta hơn có người còn viết khoẻ. Nhưng không có một lớp người để ta phải ngẩng đầu nhìn lên phản kháng hay dơ tay xin nhập hội. Trái lại, có sự gia-nập miễn cưỡng ngược chiều. Vũ-Hoàng-Chương, Đinh-Hùng đăng thơ ở các tạp-chí của bọn nhi-đồng đại loại như Hiện-Đại, Văn-Học. Giọng sông không một mảy Nhất-Linh làm báo làm chi với những nhi đồng khác. Những kẻ ghét tôi và yêu tôi đừng bận tâm về hai tiếng nhi-đồng. Các anh hãy tưởng tượng tác giả Đoàn-Tuyệt đứng giữa bia báo bao bọc bởi những Khái-Hưng, Thạch-Lam, Hoàng-Đạo, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Hồ-Dzếnh, Vũ-Hoàng-Chương, Đinh-Hùng, Nguyễn-Tuân thì khuôn mặt văn-nghệ những năm Năm mươi, Sáu mươi sẽ khác đi không biết thế nào. Các anh thử nghĩ đi.

Nghĩ về chính mình, tôi còn nhớ một buổi sáng đẹp trời nhìn đông nhìn tây không thấy các tay biên khảo họ Đặng, họ Đào, họ Trần đâu cả. Khoái quá, tôi ném vào thế-giới văn-học nghệ-thuật mấy bài khảo-cứu. Sau đó, nhìn Nam nhìn Bắc không thấy các tác giả « Gửi hương cho gió », « Lửa thiêng », khoái hơn tôi chia ra vài bài thơ. Văn xuôi và văn vần được đăng ngay vào chỗ tốt của những tờ báo văn nghệ được coi là tốt. Thế là hào quang bay lượn trên đầu. Bây giờ, nghĩ lại thấy không được. Anh này đừng nói với tôi rằng làm gì mà mất tự tin đến thế. Anh kia đừng hoài nghi nó đang chơi cái củ tự sỉ nhục đề ra cái điều khiêm tốn... Tôi chỉ muốn các anh cùng nhìn vào khoảng đất trống vắng, nhìn vào niềm cô đơn đã bao vây chúng ta bao nhiêu năm. Chúng ta bước vào ngôi nhà trống rỗng, mảnh đất hoang vu và cắm lên đó ngọn cờ nguyên súy vẽ lên đó phù hiệu đế vương. Vài bóng người còn lại lẻ loi chẳng nói năng gì. Họ im lặng niềm đau của chết chóc, tan hoang. Bốn phía toàn những tay cùng lứa tuổi với ta. Hợp thành một bọn xâm chiếm đất đai. Chúng ta công nhận lẫn nhau, phân chia với nhau. Rồi thời gian và tập quán, sức mạnh của số đông, hợp lực với thời cơ kỳ lạ làm thành luật pháp. Các người trẻ tuổi hơn chúng ta chỉ còn nhìn thấy chúng ta. Khoái lắm, khoái lắm. Nhưng cơn khoái này, mà thời-gian dựng lên, cũng do thời-gian xóa bỏ. Bối cảnh xụp đổ, trong nội tâm mỗi đứa, như những thành phố dựng bằng bìa trong phim trường. Hòn đá ném đi không có hòn ném lại. Cũng chẳng có tiếng vang động nào. Phát súng bắn không có mục tiêu. Sự chiếm đóng không có sức kháng cự vì thành phố bỏ ngõ. Tôi đã nhìn thấy sự trống

rỗng ấy rất sớm. Nhà văn đến sau chống lại kẻ đến trước. Thường lắm. Chỉ có một trong những con đường ấy: tiếp tục, làm khác, hay chống lại. Tượng trưng chống lãng mạn cũng như lãng mạn chống cổ điển. Victor Hugo không chấp nhận luật vàng gọi là ba đơn vị đã làm nghiêng ngả Corneille. Verlaine, Rimbaud, Gautier, đập đập ngăn giòng nước mắt Lamartine, Hugo, hay Musset. Dễ hiểu lắm. Nhóm « tiểu thuyết mới » bây giờ nói không với nền văn nghệ triết-học của những Sartre, Camus. Dấu hiệu của sự sinh-hoạt văn-nghệ sống thật bắt đầu bằng tiếng không đó. Tất nhiên tiếng không phải kèm theo « tác phẩm đây này », « đời mới đây này » chứ không phải là niềm khao khát bất lực, sự huênh-hoang vô lối của các tay nhảy vào văn-nghệ vì sành rượu, vì biết tạo ra một cái vẻ kịch nửa lăm li, nửa khinh bạc, vì biết « sinh hoạt » với anh em, biết kín kín hở hở ra cái điều có một hậu-thuần anh em đông, ra cái điều có một lý tưởng ghê gớm còn bí mật chưa nói ra được. Chống lại, tốt lắm. Và chúng ta chống lại, anh chống lại, tôi chống lại. Còn nhớ trong một tuần báo do Thái Thủy chủ trương tôi nói về địa vị của Tự Lực Văn Đoàn. Tôi đã viết đại khái là nhóm này đang chiếm một địa vị lớn hơn cái chỗ ngồi mà nó đáng có trong văn học cũng như trong tâm hồn thanh niên vì chương trình giáo dục trung học đã đặt nó vào chỗ chính thức. Cái bài ấy viết xong, đăng lên, thích thú lắm. Lăn khác. Trên tờ báo khác, tôi viết về thơ tự do. Cũng khoái lắm. Nhưng niềm thích thú cơn khoái tan đi, nổi đau khổ, mà động lực là sự cô đơn, kể tiếp càng to lớn gấp bội. Tôi chợt nhận thấy những ném lại. Trống vắng và lặng im. Sa mạc và chết chóc. Chỉ có tiếng gậy cọ sát với không khí, không có sự va chạm với vật cứng khác gọi là binh khí. Không thấy Nhất Linh nói gì cả. Không thấy Vũ Hoàng Chương. Đinh Hùng nói gì cả. Đinh Hùng tôi có nghe một lần. Anh nói. Nói nhưng không viết lên cái nói. Lần ấy cách đây khoảng 8 năm hình như ở nhà Thanh Nam khi còn ở Bàn Cờ, văn và không văn của thơ được tác giả Đường vào tình sử đặt vào giữa hai hộp rượu. Nhưng không có sự viết lên. Không có thảo luận, không có bút chiến. Sự lặng im đồng nhất của các tác giả Bướm Trắng và Đường vào Tình sử này thoát đầu, với tôi, mở ra nghi vấn: có phải đây là các tay văn phiệt, thi phiệt. Tôi không biết lời kết án của họ Phan với họ Phạm có đúng không nhưng ngay sau khi nêu câu hỏi tôi biết là tôi lầm. Dãy núi lớn tan tác sau cơn địa chấn kinh hoàng và bây giờ những trái núi lẻ loi còn lại chẳng còn muốn nói gì. Nghĩa là, như đã viết, những đàn anh lớp trước còn lại đây một người, kia một người nhưng không hợp thành một lớp người để đòi hỏi chúng tôi phải tận lực chống, vượt qua hay xin gia-nập. Những phản ứng chống đối để nói lên ý muốn làm mới nghệ thuật rơi vào khoảng không. Thỉnh thoảng có một người xưng là bạn Nguyễn-Tuân, nhận là đã được Thế-Lữ đề tựa cất tiếng lên, sỉ vả chúng tôi nhưng chúng tôi nhìn thấy ngay đó chỉ là những vệ tinh châu rìa của những giòng ngân-hà tiền chiến. Ủy nhiệm thư của họ là ủy-nhiệm thư giả. Và lời sỉ-vả chẳng làm kích

động mà chỉ làm tôi thêm chán chường, làm tôi càng nhận thấy sự im lặng to lớn, sự vắng mặt chết-chóc của lớp đàn anh. Đạn bắn đi nhằm những mục tiêu vu vơ, gây múa trong khoảng không. Thế hệ chúng tôi đấy. Nổi cô độc ấy tiền chiến không gặp, « nhóm tiền thuyết mới » không gặp, « thể-hệ lạc lõng » không gặp. Những năm đầu tiên thấy lợi quá. Bước vào một thế giới trống rỗng, đàn anh tan tác cả, chiếm được thắng lợi dễ dàng cho nên tự tin, lạc quan ghê lắm Thơ văn viết ra nổi ngay, khoái lắm. Thắng lợi thâu hoạt được có thể trở thành bàn đạp đầy mạnh trăm nghìn khai phá mới.

Rồi vốn liếng ấy nhân lên, nghĩ mà ham. Nhưng thời gian cho thấy rằng phải cố gắng lắm mới giữ được ngọn lửa lạc quan không tắt ngấm trong cơn gió chán nản thổi đến từ xứ sở cô đơn. Chạy đua toàn với những người thấp bé hơn ta, ta dễ thấy mình chạy mau quá. Vừa leo lên ngọn đồi thấp đã thấy mình cao nhất. Do đó, hãnh tiến và ngủ quên. Móng vuốt của cô độc như thế đấy. Không có ai để đối thoại, để phản kháng, để chống lại, để vượt lên. Chúng tôi chạy một mình leo một mình chẳng có ai đằng trước mặt để tranh thủ. Móng vuốt của cô độc các anh đã nhìn thấy chưa? Cuộc sinh-hoạt văn-nghệ của chúng tôi là phải đối-thoại với chính mình, phản kháng chính mình, tranh đua với bản thân. Chúng tôi phải nhìn cây cỏ bốn phía để trả lời câu hỏi: đã chạy đủ mau chưa. Phải nhìn mây trên đầu, núi trước mặt để xét xem leo đủ cao chưa? Không có ai chạy trước mặt để tôi căn đo tốc độ, liệu đường nước rút. Không có nhà thám hiểm nào đang cắm ngọn cờ ở núi non chung quanh để tôi nhìn thấy rằng ngọn núi của tôi chỉ là một đụn cát, một ngọn đồi thấp bé. Chúng tôi đã tìm ra được những miếng võ ghê gớm hay chỉ mùa may hỗn loạn? Chúng tôi đã có những đường gầy của một môn phái xứng danh hay chỉ đủ sức hạ được những con giun, con kiến? Chúng tôi là một thể-hệ hách hay chỉ là dấu đen nghèo nàn trong lịch sử văn nghệ. Chúng tôi ra làm sao? Vấn-đề không phải là thành bại, được thua, nhưng là sự cấu xé, dẫn vật của những móng vuốt cô đơn ấy. Chúng tôi muốn nói to lên: các người đi trước kia hãy khen hay chê chúng tôi. Khen cũng được, chê cũng được. Nhưng không có khen, không có chê, chỉ có sự im lặng của cô đơn. Còn sự xưng tụng và lảng mạ? Có chứ. Trong thế giới khép kín của thể hệ chúng tôi, chúng tôi cũng ca tụng lẫn nhau sỉ vả lẫn nhau. Chửi bới những thằng không hạp nhãn, ca ngợi anh em. Hơn nữa, thế kỷ này đã luyện cho chúng tôi ca ngợi có kế hoạch, chửi bới bằng chụp mũ. Nhưng mỗi đũa dần dần thấy rằng khen cũng chẳng thú, chửi cũng chẳng cần bởi vì đã nhìn thấy mặt kia của quần bài. Không bằng thì chửi, không bạn thì hạ nhục chơi, anh em thì nay gài một câu khen, mai một câu đũa lên. Lảng mạ và xưng tụng chỉ là hình thức khác của im lặng. Chẳng phải là văn nghệ. Đến nỗi người bạn này bảo tôi: Một năm nay chẳng thấy chúng nó chửi mình phát nào cả. Xuống rồi chẳng? Tiền giả nó như thế đấy. Không bị chửi lại nhìn thấy dấu hiệu của sự sa sút. Còn anh em khen tôi bởi, đưa lên bằng thích lại chính là dấu hiệu

của yếu kém của sự cần thiết được chứng minh, biện bạch. Địa ngục cô đơn như thế càng ngọt ngào hơn nữa vì giam cầm trong ấy mà chúng tôi cũng chẳng gặt bỏ được những cái nhỏ nhen, thấp bé.

Và bây giờ, những sự chửi bới hay xưng tụng của những kẻ đồng thời, dưới mắt mỗi đũa, nhạt lắm rồi; chẳng còn làm thắc mắc gì nữa, có khi còn gây ra hậu quả ngược chiều, chúng tôi càng nhìn rõ hoang vắng, càng nghe rõ lời nói ghê gớm: trước mặt ta không có ai, phải căn lấy tốc độ mà chạy, đo lấy độ cao mà leo. Mây hoàn toàn cô độc, vĩnh viễn cô độc. Đó là điều-kiện, là hoàn cảnh văn nghệ của mày. Phải đánh cờ một mình. Phải xông xáo trong đấu trường rỗng. Mà vẫn phải chiến đấu với khoảng không để chứng tỏ với chính mình rằng mình thật sự là một tay đấu bò tài ba, một *el major*.

TRẦN DẠ TỪ NHÀ VĂN GIỮA CÁC HIỆP HỘI VÀ TỔ CHỨC VĂN HÓA

Một anh bạn, vừa là họa sỹ vừa là văn sỹ nổi danh, hội viên của hội văn nghệ nọ, hôm kia có buồn miệng kể với tôi một chuyện. Chuyện rằng: trong một phiên họp thường niên của hội nọ—thời, nọ nọ kia kia hoài lũng củng quá, nói phớt ra cho rồi: hội Bút Việt đấy; — các vị hội viên sau khi nhận nhệ xong, phút ra cho rồi: hội Bút Việt đấy; — các vị hội viên sau khi nhận nhệ xong, cao hứng, bèn bàn chuyện làm báo. Cuộc bàn luận tất nhiên phải hào hứng: Bởi vì ai nấy đều thấy rõ sự cần thiết của một diễn đàn đối với các hoạt động của hội. Việc xin giấy phép ra báo, và xin cả bông giấy, với ai kia thì khó, chứ với một Hội có tư cách pháp nhân như Bút Việt, phải dễ. Vốn liếng cũng vậy: nguồn tài trợ của Hội thừa sức. Tên tuổi người viết thì khỏi nói: Hội thừa những tác giả đầy uy tín. Vấn đề như thế thật giản dị. Chỉ cần quyết định xong, lập dự án, chuẩn chi, là xong. Nhưng mà rồi, cuộc bàn luận rút lui dần từ dự định ra tuần báo xuống bán nguyệt san, từ bán nguyệt san xuống tạp chí hàng tháng, từ tạp chí hàng tháng xuống tam cá nguyệt san, và cuối cùng, từ tam cá nguyệt san đến ý kiến chín chắn sau đây: Hội

mình là Hội lớn, ra báo thì được, nhưng làm hay thì khó, mà lỡ dở thì mang tiếng cho Hội». Và tờ báo không bao giờ được ra.

Câu chuyện mà anh bạn họa sỹ kiêm văn sỹ kể lại trên đây, vì chưa có dịp vào Hội Bút Việt, tôi không biết đúng được bao nhiêu phần trăm. Nhưng có một chuyện khác, cũng liên quan tới sinh hoạt của các hiệp hội văn hóa nước ta, mà tôi dám cam đoan là sự thật, vì chính tôi đã có dự phần chút đỉnh.

Đó là chuyện xảy ra đã lâu, cách đây đã 4, 5 năm, thời còn cụ Ngô và cụ Ngô còn sủng ái bác sỹ Trần Kim Tuyến. Lúc ấy, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đứng ra lập thành Hội Liên Lạc Văn Hóa Á Châu. Mục đích của Hội, theo đúng dự án được chấp thuận tài trợ, là « liên lạc trao đổi văn hóa giữa các nước Á Châu với nhau, và liên lạc trao đổi văn hóa giữa Á Châu với các lục địa khác ». Thời gian kể trên, tuổi tôi còn vị thành niên, không thể ngồi châu rìa các vị tiền bối và do đó, không thể là Hội Viên Hội này, nên chỉ hiểu mơ hồ các thành tích của Hội. Chuyện mà tôi nói hiểu rõ, chỉ là một phần nhỏ của thành tích ấy. Đó là việc Hội này cho xuất bản hàng tháng một tạp chí lấy tên là « Văn Hóa Á Châu », Tạp chí này được giao cho một vị chuyên áp phe văn nghệ bao thầu. Vị này kêu lại những tay vô danh tiểu tốt — trong đó có kẻ viết bài này — viết đủ các loại bài, ký đủ những bút hiệu do vị ấy muốn, với một số nhuận bút rẻ mạt, gọi là đề « nâng đỡ chú ». Và tờ báo, cứ như thế, hàng tháng, liên tục được xuất bản với những khoản chi tiêu khổng lồ, nhân danh việc đầu tư cho tương lai văn hóa dân tộc.

Nói những chuyện không đẹp về người khác, nhất là khi những người ấy không có trước mặt mình, là thói quen « ngồi lê đôi mách » của đàn bà, khi vô công rồi việc. Thói quen này, trong những năm gần đây, có lẽ phần nào do buồn rầu và cô đơn như anh Nguyễn Sa vừa phân tích ở phần trên, rất thịnh hành trong sinh hoạt văn nghệ thủ đô, khi anh em trà dư tửu hậu. Và tôi khi ngồi viết đây — đêm mưa trái mùa, trong tiếng dục đã của máy in — mặc dù không có trà, cũng chẳng có tửu đề mà dư với hạp, rõ ràng chính tôi cũng đã vừa « ngồi lê đôi mách » khi đem chuyện liên quan tới người khác

ra kể. Tôi xin nhận sự nhầm ấy về mình, Và xin chuộc tội lại, bằng cách thử phân tích xuất xứ chính thức của hai chuyện nhầm tôi vừa kể, tức là chính thức bàn vào cái đề tài mà tôi được anh em phân công : nhà văn giữa các hiệp hội và tổ chức văn hóa.

Hiệp hội và tổ chức văn hóa ư? Kệ xác chúng. Ăn thua gì đến mình đâu nào ! Đó là điều các nhà văn của chúng ta thường nhún vai và nói. Điều này có phần đúng. Đồng thời, có phần sai của nó.

Phần đúng: công việc của nhà văn là một việc cá nhân. Hẳn tự tìm tòi lấy, tự ghi nhận lấy, tự rung động lấy, tự ý thức lấy. Và sau hết vẫn chỉ một mình hẩn, và chỉ được quyền một mà thôi—trước tập giấy trắng—đúng như anh Lan — ấy quên, như anh Nguyễn Sa chứ — đã so sánh ở bài trên : nhà văn trước tập giấy trắng như lão ngư ông trước biển cả, như tay đấu bò trước con bò rừng trong đấu trường. Và như vậy, hội này hội kia, tổ chức này tổ chức nọ, thật chả ăn thua gì đến công việc sáng tác của hẩn lúc ấy. Nhưng công việc của một nhà văn, không ở mãi phạm vi một cá nhân cô đơn. Khi tác phẩm được hoàn thành, tác phẩm ấy trở thành một trong những gia sản chung của một xã hội. Nó đòi sự trao đổi, sự phổ biến, sự cân nhắc. Khi một ý thức của nhà văn được công bố, ý thức ấy trở thành một trong những đề nghị chung vào nếp sống tập thể. Nó đòi sự suy xét, trao đổi, đối thoại, khai triển. Nhà văn, từ phút này, không tách rời sự liên hệ giữa hẩn với tập thể nữa. Phần sai trong cái nhún vai bất cần sự có mặt của các hiệp hội văn hóa là đó.

Không kể thứ lợi ích hiểu hỉ của các hội ái hữu tương tế. Những hiệp hội, những nghiệp đoàn, tóm lại là những tổ chức tập thể, đã thủ những vai trò hết sức quan trọng đối với mọi nghề, mọi ngành trong việc thúc đẩy sự tiến bộ chung cho xã hội (những tinh thần nghiệp đoàn, sức mạnh tập thể trong các quyết định, lên tiếng, đình công v.v...). Sự ăn thua tới nhà văn của các vai trò hiệp hội, tổ chức văn hóa cũng vậy. Một vài cá nhân không đủ tư cách để làm công việc liên lạc trao đổi văn hóa với các nước bạn. Một sự lên tiếng, một thái độ, nếu được bày tỏ bởi một Hội các nhà văn có thực lực, bao gồm nhiều tên tuổi được quần chúng tin cậy, nhất định phải có giá trị hơn, mạnh hơn một bản lên tiếng, dù này lửa đến đâu đi nữa, của riêng Trần Dạ Từ.

Vấn đề nhà văn giữa các hiệp hội và tổ chức văn hóa vậy là đã được nhập đề. Bây giờ, xin bắt đầu thân bài.

Đầu thì tôi không biết, chớ ở xứ Việt Nam chúng ta, có lẽ bất cứ dĩ vãng của một nhà văn nào, đều có một thời giống nhau: thời kết bạn, lập nhóm. Văn đoàn này, bút đoàn nọ, tập đoàn kia, thường thấy ghi dưới bút hiệu của các tay viết trẻ, là những bằng cớ.

Khi anh em Tiếng nói họp nhau để phân công viết phần chủ đề này, nhắc tới tình trạng hiệp hội văn hóa hiện nay, rồi nhớ tới thời lập nhóm kể trên, anh Nguyễn Hữu Đông đã ngạc nhiên hỏi tôi: « Quái, sao tinh thần tập thể của người mình có sớm vậy, mà khi lớn, cái tinh thần ấy chẳng nhúc nhích cục kịch gì ráo? »

Tôi không nhớ khi anh Đông hỏi vậy, tôi đã viện ra bao nhiêu lý do để trả lời tiếng « tại sao » của anh. Nhưng chắc bạn cũng đọc thấy như tôi, là trong câu hỏi trên, người bạn tôi đã ngụ theo một ý than tiếc: « sao mà cái tình trạng hiệp hội, tinh thần tập thể của nhà văn chúng ta lại quá bết như thế ». Tình trạng ấy, tinh thần ấy, quả thật có bết. Nó bết vì nhiều lẽ. Trước hết, ở chính các nhà văn. Ở tinh thần phe nhóm. Do các quan niệm chung khắp thế giới: hội này hội kia chỉ là chỗ ngồi của các nhà văn bàn nhĩ. Phần khác, quan trọng hơn, nếp sống chung của cả dân tộc ta chưa có những quan niệm chính xác về tương quan cộng đồng: Ông chủ tịch hội kia, nhân danh các nhà văn, xin được của cơ quan nọ một số tiền ketch xù đem đi xài riêng. Tôi là một nhà văn. Rõ ràng trong số người mà ông X nhân danh để làm cái việc ăn mày kia có tôi. Nhưng thôi, không sao, hãy chửi sau lưng ông một câu thôi, rồi bỏ qua. Chẳng cần đây vấn đề tới nơi tới chốn làm gì. Bởi tôi chỉ không có lợi thôi, chứ nào thiệt gì cụ thể đâu. Lo chuyện đó mà làm gì. Trong khi còn biết bao nhiêu mối lo khác: mua sữa chợ đen cho con, viết bài trả nợ cho chủ báo... Đó. Cái tinh thần « chín bỏ làm mười ấy » dung túng sự đồn mạt.

Và sự đồn mạt, khi được dung túng, nó sẽ không đại gì mà không đồn mạt hơn. Đa số các hiệp hội văn hóa chúng ta đang có, đều không phải xuất phát từ nhu cầu tập họp, phụng sự của tập thể. Chỗ xuất phát của nó, nói cho rõ: từ một ngân quỹ tài trợ nào đó và bởi một con mắt làm ăn chuyên nghiệp nào đó, có tài lập dự kế, có đủ khôn ngoan đưa ra những con số thứ tự, và có đủ tinh thần nhậm lệ để tưởng tượng đúng một vài

mục tiêu cho hợp với « ông anh chi tiền » Loại hiệp hội có xuất xứ như thế, tất nhiên, sẽ chỉ có thể nằm trong tay những kẻ có tài làm áp phe. Những tên tuổi nào dính đến nó, sớm muộn sẽ trở thành những bình phong đại đột. Đó là một loại.

Loại hiệp hội còn lại, dù có may mắn được trao vào tay những người lương thiện hơn đi nữa thì số người này lại quá nhút nhát, thu nhỏ. Những khoản tài trợ có đó. Ở Hoa Thịnh Đốn. Ở Giơ Neo. Nhưng vị điều khiển hiệp hội kia không dám làm gì, không dám chịu trách nhiệm việc gì. Và thôi. Kết quả của tình trạng còn lại này còn tai hại hơn loại hiệp hội áp phe kể trên. Vì không những không mang lại cái đáng lẽ phải có cho việc nó nhân danh, loại hiệp hội này lại còn chắt đem lại lợi lộc gì đáng kể cho chính bản thân những người trông coi nó.

Cái vòng luẩn quẩn giữa nhà văn và hiệp hội, giữa hiệp hội và nhà văn trên đây, hàng chục năm nay vẫn và vẫn còn tiếp diễn. Cứ nhìn lại thực tế thì biết. Với các hiệp hội văn hóa có vai trò quốc tế, từng tiêu hàng chục triệu bạc trong những năm qua, thế giới biết gì về văn hóa chúng ta? Chúng ta nhận được gì từ các tặng phẩm của thế giới.

Nhà văn Việt nam, như những tình cảnh mà các bài trong phần chủ đề này trình bày, đã cô đơn ghê lắm. Sự cô đơn ấy, khi đặt vào tình trạng bết bết của các hiệp hội và tổ chức văn hóa hiện tại, lại càng nổi rõ hơn, nhiều khi đến tui thân.

Tôi xin kể một câu chuyện nhỏ, xảy ra từ lâu: Vào dịp mà nhà thơ Vũ hoàng Chương đi dự một đại hội thi ca ở ngoại quốc, trong một buổi họp mặt, tôi có nghe thấy một người văn nghệ nói: « thấy không, ông ấy vào hội vào hè là để hưởng cái đặc quyền đi ngoại quốc đấy ». Câu bình phẩm này, mới nghe có vẻ hợp lý lắm. Nhưng nghĩ kỹ lại coi, tui thân lắm. Không tui thân riêng cho người nói, người nghe, hoặc người bị nói đến đâu, mà tui thân cho cả một thể hệ văn chương. Đây nhé: nhà thơ Vũ hoàng Chương là một nhà thơ lớn, được chúng ta, dù họp dù không họp, đều phải kính trọng biết ơn. Việc những người văn nghệ chưa nói tới một nhà thơ lớn, một chủ tịch hiệp hội đi đây, đi đó, với sứ mạng văn hóa của họ, để trao đổi tình cảm giữa các dân tộc, là một chuyện rất thường ở tất cả các nước. Vậy mà ở xứ ta, một chuyến đi tầm thường ấy, cũng trở thành một đặc quyền để rồi bị ghen tị. Tại sao có sự ghen tị ấy? Bởi tình cảnh sống, tình cảnh mơ ước, của nhà văn Việt nam, nó khốn nạn quá, chật hẹp quá. Vai trò của hiệp hội, những tổ chức văn hóa đúng mức, là phải thay đổi sự khốn nạn ấy. Không nói đâu xa, hãy nhìn ngay chế độ thù nghịch của chúng ta là miền Bắc Cộng Sản. Họ có viện văn học, có hội liên hiệp văn học nghệ thuật, có hội riêng của các nhà văn, các nhà thơ, các họa sĩ các nhạc sĩ. Những tổ chức hiệp hội ấy có sự sanh hoạt thật, lo in

Vấn đề nhà văn giữa các hiệp hội và tổ chức văn hóa vậy là đã được nhập đề. Bây giờ, xin bắt đầu thân bài.

Đầu thì tôi không biết, chớ ở xứ Việt Nam chúng ta, có lẽ bất cứ dĩ vãng của một nhà văn nào, đều có một thời giống nhau: thời kết bạn, lập nhóm. Văn đoàn này, bút đoàn nọ, tập đoàn kia, thường thấy ghi dưới bút hiệu của các tay viết trẻ, là những bằng cớ.

Khi anh em Tiếng nói họp nhau để phân công viết phần chủ đề này, nhắc tới tình trạng hiệp hội văn hóa hiện nay, rồi nhớ tới thời lập nhóm kể trên, anh Nguyễn Hữu Đông đã ngạc nhiên hỏi tôi: « Quái, sao tinh thần tập thể của người mình có sớm vậy, mà khi lớn, cái tinh thần ấy chẳng nhúc nhích cục kịch gì ráo? »

Tôi không nhớ khi anh Đông hỏi vậy, tôi đã viện ra bao nhiêu lý do để trả lời tiếng « tại sao » của anh. Nhưng chắc bạn cũng đọc thấy như tôi, là trong câu hỏi trên, người bạn tôi đã ngụ theo một ý than tiếc: « sao mà cái tình trạng hiệp hội, tinh thần tập thể của nhà văn chúng ta lại quá bất như thế ». Tình trạng ấy, tinh thần ấy, quả thật có bất. Nó bất vì nhiều lẽ. Trước hết, ở chính các nhà văn. Ở tinh thần phe nhóm. Do các quan niệm chung khắp thế giới: hội này hội kia chỉ là chỗ ngồi của các nhà văn bàn nhĩ. Phần khác, quan trọng hơn, nếp sống chung của cả dân tộc ta chưa có những quan niệm chính xác về tương quan cộng đồng: Ông chủ tịch hội kia, nhân danh các nhà văn, xin được của cơ quan nọ một số tiền ketch xù đem đi xài riêng. Tôi là một nhà văn. Rõ ràng trong số người mà ông X nhân danh để làm cái việc ăn mày kia có tôi. Nhưng thôi, không sao, hãy chửi sau lưng ông một câu thôi, rồi bỏ qua. Chẳng cần đây vấn đề tới nơi tới chốn làm gì. Bởi tôi chỉ không có lợi thôi, chứ nào thiệt gì cụ thể đâu. Lo chuyện đó mà làm gì. Trong khi còn biết bao nhiêu mối lo khác: mua sữa chợ đen cho con, viết bài trả nợ cho chủ báo... Đó. Cái tinh thần « chín bỏ làm mười ấy » dung túng sự đốn mạt.

Và sự đốn mạt, khi được dung túng, nó sẽ không đại gì mà không đốn mạt hơn. Đa số các hiệp hội văn hóa chúng ta đang có, đều không phải xuất phát từ nhu cầu tập hợp, phụng sự của tập thể. Chỗ xuất phát của nó, nói cho rõ: từ một ngàn quỹ tài trợ nào đó và bởi một con mắt chuyên nghiệp nào đó, có tài lập dự kế, có đủ khôn ngoan đưa ra những con số thứ tự, và có đủ tinh thần nhăm lẹ để tưởng tượng đúng một vài

mục tiêu cho hợp với « ông anh chi tiền » Loại hiệp hội có xuất xứ như thế, tất nhiên, sẽ chỉ có thể nằm trong tay những kẻ có tài làm áp phe. Những tên tuổi nào dính đến nó, sớm muộn sẽ trở thành những bình phong đại đột. Đó là một loại.

Loại hiệp hội còn lại, dù có may mắn được trao vào tay những người lương thiện hơn đi nữa thì số người này lại quá nhút nhát, thu nhỏ. Những khoản tài trợ có đó. Ở Hoa Thịnh Đốn. Ở Gio Neo. Nhưng vì điều khiển hiệp hội kia không dám làm gì, không dám chịu trách nhiệm việc gì. Và thôi. Kết quả của tình trạng còn lại này còn tai hại hơn loại hiệp hội áp phe kể trên. Vì không những không mang lại cái đáng lẽ phải có cho việc nó nhân danh, loại hiệp hội này lại còn chĩa đem lại lợi lộc gì đáng kể cho chính bản thân những người trông coi nó.

Cái vòng luẩn quẩn giữa nhà văn và hiệp hội, giữa hiệp hội và nhà văn trên đây, hàng chục năm nay vẫn và vẫn còn tiếp diễn. Cứ nhìn lại thực tế thì biết. Với các hiệp hội văn hóa có vai trò quốc tế, từng tiêu hàng chục triệu bạc trong những năm qua, thế giới biết gì về văn hóa chúng ta? Chúng ta nhận được gì từ các tặng phẩm của thế giới.

Nhà văn Việt nam, như những tình cảnh mà các bài trong phần chủ đề này trình bày, đã cô đơn ghê lắm. Sự cô đơn ấy, khi đặt vào tình trạng bẽ bết của các hiệp hội và tổ chức văn hóa hiện tại, lại càng nổi rõ hơn, nhiều khi đến tui thân.

Tôi xin kể một câu chuyện nhỏ, xảy ra từ lâu: Vào dịp mà nhà thơ Vũ hoàng Chương đi dự một đại hội thi ca ở ngoại quốc, trong một buổi họp mặt, tôi có nghe thấy một người văn nghệ nói: « thấy không, ông ấy vào hội vào hè là để hưởng cái đặc quyền đi ngoại quốc đấy ». Câu bình phẩm này, mới nghe có vẻ hợp lý lắm. Nhưng nghĩ kỹ lại coi, tui thân lắm. Không tui thân riêng cho người nói, người nghe, hoặc người bị nói đến đâu, mà tui thân cho cả một thể hệ văn chương. Đây nhé: nhà thơ Vũ hoàng Chương là một nhà thơ lớn, được chúng ta, dù họp dù không họp, đều phải kính trọng biết ơn. Việc những người văn nghệ chưa nói tới một nhà thơ lớn, một chủ tịch hiệp hội đi đây, đi đó, với sứ mạng văn hóa của họ, để trao đổi tình cảm giữa các dân tộc, là một chuyện rất thường ở tất cả các nước. Vậy mà ở xứ ta, một chuyến đi tầm thường ấy, cũng trở thành một đặc quyền để rồi bị ghen tị. Tại sao có sự ghen tị ấy? Bởi tình cảnh sống, tình cảnh mơ ước, của nhà văn Việt nam, nó khổ nạn quá, chật hẹp quá. Vai trò của hiệp hội, những tổ chức văn hóa đúng mức, là phải thay đổi sự khổ nạn ấy. Không nói đâu xa, hãy nhìn ngay chế độ thù nghịch của chúng ta là miền Bắc Cộng Sản. Họ có viện văn học, có hội liên hiệp văn học nghệ thuật, có hội riêng của các nhà văn, các nhà thơ, các họa sĩ, các nhạc sĩ. Những tổ chức hiệp hội ấy có sự sanh hoạt thật, lo in

Sách của họ, thơ Tể Hanh chẳng hạn, được dịch ra hàng chục thứ tiếng. Chúng ta biết, để đổi lại những phương tiện làm việc ấy, nhà văn trong vùng Cộng Sản mất nhiều tự do lắm. Họ đã trở thành một đơn vị chấp hành chính sách đảng. Chúng ta cũng biết, các tổ chức văn hóa kia của Cộng Sản, sở dĩ nó hay ho, chu đáo, là vì nó là những cơ quan cai trị văn học nghệ thuật, của đảng, của nhà nước. Chúng ta chẳng ham gì cái lẽ lối hiệp hội, tổ chức ấy đâu. Nhờ cái «bết» của hiệp hội văn hóa ở đây, mà từ thời ông Ngô Đình Nhu đến nay, chưa có một nhà cầm quyền nào thực sự kiểm soát nổi văn học nghệ thuật. Nhờ cái biết ấy, các tỉnh nhân hôm nay đây mới có thơ của Nguyên Sa, của Đỗ quý Toàn mà đọc. Chúng ta biết thế chứ, phải không. Nhưng ai đâu không rõ, riêng tôi, tôi xấu hổ ghê lắm, về cả cái xấu lẫn cái tốt của tình trạng hiệp hội và tổ chức văn hóa mà chúng ta đang phải chịu đựng.

Cô đơn trong tập-thể văn-nghe vì sự liên tục lịch sử, bởi sự tan tác của thế hệ đàn anh, bị gián đoạn, nhà-văn những năm Năm Mươi, Sáu Mươi càng cô đơn hơn nữa trong tập thể rộng lớn là Xã-Hội. Chúng tôi ăn ngủ ở trong đó, chọn lọc từ đó chất liệu thiết giá để viết và, khi cái viết đã hoàn-thành, gửi đến đó. Không có vấn đề tách rời nhà-văn và Xã-Hội. Nhưng cũng còn lâu lắm mới có sự hòa đồng, sự cảm thông đồng điệu. Bức trường-thành cao lắm và chúng tôi đứng riêng một phía. Biển lớn lắm và chúng tôi ở trên hòn đảo nhìn vào thành phố đất liền.

Anh này gọi sự bao vây ngăn cách là sự nghèo đói. Đúng quá. Có cần nói gì về sự thực chói mắt này không? Cái chết của Quách-Thoại và Lê-văn-Trương đã nói cạn ý, đã đầy đủ như một bản thống kê về bản quyền tác giả, tình trạng tài-chính, đời sống vật-chất. Chẳng cần nhắc lại sự kiện đa số người viết không sống nổi bằng ngòi bút nên phải có một nghề tay trái như viết báo, dạy học, thầy cãi, thầy thuốc, chính-trị. Chẳng cần nói thêm rằng sự nghèo khổ ấy cùng cực đến nỗi kẻ nào có một tý tiền, lập tức khó tránh

được sự hành hạ của một mặc cảm phạm tội, khó tránh được cái nhìn phán xét của bạn hữu thiếu bao dung. Anh kia nói đến niềm cô đơn của lớp người *không giai cấp*. Cũng được lắm. Nghĩ thử mà xem! Nhà văn đáng liệt vào thành phần xã hội nào? Nghèo mặt rệp, những tên bị bóc lột rất kỹ đó vẫn tiếp tục là những nhà tư bản, hay hơn nữa những tay *quý tộc* của thời-đại dân-chủ. Tôi muốn nói: vô sản trong bình diện tài-chính, nhà văn thế-hệ này có phong thái của những nhà tư bản, những tay *quý-tộc*. Ở những nơi đèn tắt muộn nhất, anh em có mặt ở đấy. Ở những chốn có những trận cười điên loạn nhất, có họ. Vua của vũ-trường hoàng tử của phòng trà, quán rượu, trường đua không phải là những công tử con nhà giàu, chủ Ngân Hàng, chính khách giàu mau, mà vẫn là nhà thơ có dáng dấp của Frank Sinatra, nhà văn mười một năm Thượng sĩ hiền như đất đai quê hương. Chẳng kiếm được bao nhiêu nhưng chi rất hách, phát tích kè như điên. Cho đến đồng xu cuối cùng, cho đến đồng bạc đáy túi. Cho nên họ biết đứng vào đầu lúc đợi xe về hơi rượu whisky tan trong gió đêm. Tư bản không nhận họ vì họ nghèo quá. Vô sản làm gì có những tay *quý tộc* đó? Không có mầu rệp trong một thành phần xã hội nào cả, niềm cô đơn dễ nhìn thấy lắm. Tôi đã nghĩ đến những nỗi cô đơn, đến từ nghèo đói, đến từ những mầu rệp bị chặt đứt mà các anh đã nói tới. Những lối vây hãm đó có thực. Nhưng niềm ám ảnh có một khuôn mặt khác. Nói luôn là hệ thống giá trị của xã hội này và vị trí của nhà văn trong đó. Trong một cuộc nói chuyện về thơ với tuần báo nghệ thuật truyền thanh đài Saigon, tôi đã nói sơ lược. Bây giờ đào sâu chút nữa. Nhà văn, nhà thơ thời đại này, xã hội này: quê hương của Nguyễn-Du, bị xếp ở bậc thang cuối cùng của cái thang giá-trị. Chứng cứ? Dễ lắm. Đi hỏi vợ, thi sĩ có nhiều hy vọng thua tiến-sĩ, bác-sĩ, kỹ-sư. Đến yết kiến một Bộ-Trưởng; tay khoa bảng chắc chắn được tiếp, nhà thơ khó lắm. Dễ hiểu quá: dưới mắt vị nhạc phụ tương-lai, thi-sĩ chẳng là cái nghề ngỗng gì cả, dưới mắt tay cầm quyền nhà thơ là một thằng vô dụng. Nó chẳng thể làm công việc nghiêm chỉnh của một ông giám-đốc, chẳng có vẻ đạo mạo của một nhân-sĩ. Hơn nữa nó còn không đứng đắn, ăn mặc lôi thôi, thỉnh thoảng cao hứng nói láo, nói lếu như đòi « chép thơ lên đá ». Tiếp nó làm gì? Kể thử dân, tên cùng đinh của xã hội này sẽ không nhìn thấy mầu thuẫn nào cả, không thắc mắc gì nếu không có mấy sự kiện làm nó quan tâm. Dĩ vãng ở đây và hiện tại ở chỗ khác, đã và đang đặt những kẻ hao hao giống nó ở những bậc thang cao hơn. Người làm văn làm thơ cùng thời với Nguyễn-Công-Trứ, Cao-thang hay Nguyễn-Du chắc chắn cũng không giàu có hơn các người viết bá-Quát hay thường xuyên họ nhận được sự kính trọng mà dân gian, vua quan dành cho kẻ sĩ. Đứng trong một tao đàn bảo trợ bởi triều đình hay nơi làng nhỏ, người biết đùa với âm thanh của lục bát, dạy học ở một trường thi, người viết được một bài hịch, thảo được một văn tế, không bao giờ bị coi là một tên nhố nhăng, không nghề ngỗng đứng đắn hay đáng nghi.

Còn bây giờ ở bốn phía, Ba lệ này và Nữ Ước kia, Anh Cát Lợi và Thụy Điển, những xã hội cơ giới ấy, lạ thay, vẫn đặt các tay làm văn thơ ở những bậc thang xã-hội trang trọng. Không nói đến tiền bản quyền lớn lao do số ấn loát phẩm lượng lớn mang lại, cho phép một Sagan thay xe đua hàng tháng hàng năm, cưỡi diên trong hộp đêm, cho phép một Hemingway khi thì săn sư tử ở chân núi Kilimanjaro, khi thì hò hét trên khán đài những đấu trường Tây-Ban-Nha. Nhưng gạt ra ngoài những ưu đãi vật chất đó. Hãy chỉ nói đến sự tôn kính tinh thần đã biểu lộ qua sự đãi ngộ người làm văn-nghe thuật như *những hoàng tử*. Tiếng nói của họ cất lên về Algérie, Budapest liền được lắng nghe, với người này, như lời truyền giảng, với người khác, như sự đe dọa mà vũ-khí trở thành bất lực. Cái ăn cái ngủ, cái yêu, cái di chuyển, cái sinh sống của họ được viết lên bởi báo chí vẽ ra bởi các đài truyền thanh, truyền hình, được đọc được nghe được nhìn bởi những cặp mắt yêu mến, bao dung và hãnh-diện. Paris hãnh diện không phải chỉ vì có Moulin Rouge, Quartier Latin hay Champs Elysées mà vì có những Gide, những Cocteau, Valéry... Con cháu chú Sam không phải chỉ hãnh diện vì tài tháo vát óc khai phá, về mỏ dầu hỏa và hỏa tiễn mà còn vì những người đoạt giải Pulitzer và sau đó, Nobel. Chúng ta, có lúc tôi nghĩ rằng, thời thì ta ngồi ở bậc thang cuối cùng ấy sống trong xã hội mà văn nghệ không phải là hoàng tử mà chỉ là những tên lão lếu cũng chẳng sao. Những xã hội cơ giới kia nó biết hãnh diện về những kẻ sáng tạo của nó, biết dành cho kẻ này quốc tước, biết mời kẻ khác đến làm danh dự cho buổi khoản đãi của vị nguyên thủ, danh dự còn lớn lao hơn cái hãnh diện của ngoại giao đoàn hay các nhà tư bản, xét kỹ ra cũng chẳng có gì đáng kêu ca. Nước ta còn lo cơm lo áo cho dân, lo cho dân khỏi chết đập chết vui, làm sao còn lo kết những vòng hoa đẹp cho thị sĩ. Còn cái thang giá trị kia nhất thời lắm. Kẻ ngồi trên rồi sẽ xuống dưới, lữ ở dưới sẽ lên trên. Lịch sử cũng như tôn giáo, thế đấy. Chúng ta hãnh diện vì đã có Nguyễn-Du, đã có Cao bá Quát, Nguyễn Khuyến hay Tản Đà chứ có nhớ gì về các Ông Nghè, Ông Bổng đâu? Những người của tương lai, cũng vậy, sẽ kiêu hãnh về những người làm thơ làm văn bây giờ, sẽ gọi họ là tinh hoa, là ý thức của thời đại, sẽ dành cho họ những vòng hoa tưởng nhớ những kẻ đóng góp vào cái giá tài văn hóa của dân tộc.

Có nghĩ như thế chứ. Nhưng cái vũ về này chẳng xoa dịu được cô đơn. Chúng tôi càng thấy mâu-thuẫn, càng thấy cô đơn trong hiện tại. Tại sao cái chỗ ngồi sau này của ta sáng thế, đẹp thế mà cái chỗ ngồi hiện tại khổ nạn? Vả lại còn nghĩ rằng lịch sử đứng ở xa lắm, còn lâu lắm mới tới. Có nhìn thấy nó bao giờ đâu? Khi nó đến, ta tiêu ma thành đất thành bùn rồi còn gì? « Kỷ nguyên hoài nghi » này tai hại như thế đấy. Bao nhiêu cột trụ chống đỡ cái mái yên tĩnh của tâm hồn sụp đổ mất cả rồi. Thần thánh

và lịch sử. Giá trị này và giá trị kia. Có thể có lắm chứ. Sự hiện hữu của thế giới bên kia, sự phân xét của lịch sử. Có thể lắm chứ. Nhưng chúng tôi chỉ có một đời sống. Chúng tôi chỉ có một niềm cô đơn này. Thần thánh và lịch sử còn làm được gì khi tất cả, vui sướng và tủi nhục, thống khổ và hân hoan, đã cùng với thân thể nặng nề này nằm xuống?

NHÀ VĂN TRONG CUỘC CHIẾN HIỆN TẠI

Cô đơn trong tập thể văn nghệ vì sự gián đoạn bất bình thường giữa các thế hệ, cô đơn trong tập thể rộng lớn hơn xã hội này vì sự đãi ngộ, vì vị trí xã hội, vì hệ thống thang xã hội, các nhà văn nhà thơ những năm Năm Mươi, Sáu Mươi cũng cô đơn trong chiến tranh. Những người đang đổ mồ hôi ở thao trường và những người đang đổ máu ở chiến trường sẽ nói lên lời phản nộ: Chỗ đứng của các anh đây. Ở thao trường này và chiến trường này. Vào đây đổ mồ hôi. Ra đây trả cái phần xương máu. Mặc bộ ka ki này vào các anh. Sẽ biết rõ chỗ đứng. Con phần nộ này đúng. Lời sỉ vả này không thể cãi được. Tôi nói rõ: Lời phản nộ của những người đang đổ mồ hôi ở thao trường và đổ máu ở chiến trường. Chớ không phải những lời nói tương tự đến từ các nhà cầm quyền mười mấy năm nay. Tri thức phòng trà, tri thức thành phố, tri thức salon, những thành ngữ tri thức rửa một lớp người, trong đó có thể xếp các người nói lên sự nguyên rủa một lớp người, thật ra chẳng có giá trị gì cả làm văn học nghệ thuật lên hàng đầu, thật ra chẳng có giá trị gì cả nếu phát xuất từ nhà cầm quyền, vì đó chỉ là những « cái mũ » được ném ra nhằm mục đích bóp chết mọi tiếng nói đối kháng. Chúng tôi quá quen thuộc với các chất ma túy như thuốc lá, cà phê cho nên các ma túy mới gọi là khâu hiệu, diên văn, tố cáo, lẳng mạ chẳng ớn làm xúc động gì. Bị chửi bới hay bị dụ khị, thằng này cười hề hề, thằng kia kêu lên tốt lắm.

Đó cũng là điểm khác biệt giữa văn nghệ và tri thức khoa bảng vốn quan tâm đến sĩ diện, được coi như một phương tiện để sinh sống. Văn nghệ chẳng cần các cái đó. Nhưng lời phản nộ, sự sỉ vả đó, khi đến từ những người thực sự chiến đấu mà không có ghê cao nhà lớn nào cả, đã và đang làm chúng tôi lắng nghe. Và tôi nghĩ: đúng lắm. Chỗ của ta đây. Ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và Trường Thủ Đức. Ở Quân Đoàn này và vùng chiến thuật kia. Và có những nhà thơ đã đứng ở đây, sống ở đây. Những hào sảng Trần

Như Liên Phụng [đấy.

Nhưng vượt lên trên cơn giận dữ như các anh đã vượt những hào sâu rừng thẳm mìn chông, chúng ta hãy nhìn vào câu hỏi này : các anh muốn nhà văn, nhà thơ chiến đấu với tư cách người hay tư cách văn nghệ. Nếu quan niệm rằng chỉ cần cầm được súng, văn nghệ không cần, thì mọi cuộc thảo luận đều chấm dứt, ~~chàng~~ ~~ta~~ không còn gì để nói và chào thua.

Nếu nói rằng thơ văn chẳng được cái tích sự gì cả, chẳng chặn được cuộc tấn công này, chẳng mở được chiến dịch kia, đó chỉ là những xa hoa, những đồ trang sức thời bình để ve vuốt tâm hồn đàn bà thì hết, không còn gì để nói. Chỉ còn đồng ý và đồng ý. Nhưng ngược lại, nếu quan niệm rằng cuộc chiến đấu mà mọi người thường gọi là toàn diện thì văn nghệ là một mặt trận. Người làm thơ viết văn trở thành *Chiến Hữu*. Quan niệm đứng đắn này những năm Năm Mươi Sáu Mươi chưa hề có. Cho nên chúng tôi không biết đứng ở đâu. Nhà cầm quyền của vùng dĩ vãng xa và gần đó đã coi Văn nghệ là phương tiện, là cái cần nắm lấy. Năm mãi chẳng được, người ta chỉ còn than rách : Văn nghệ của mình chẳng có lập trường gì cả.

Chúng ta đều nhớ kỹ rằng các chánh quyền dĩ vãng đã nhiều lần đến với văn nghệ. Tiền đây, báo đây làm đi. Nhiều người trong chúng ta, có tôi, đã nhận tiền trực tiếp hay gián tiếp, tiền bao thầu hay tiền bài. Rồi để cho cái tình cảm tội lỗi nằm im, chúng tôi làm láo làm lếu cho tiền bạc không sáng sửa kia được tiêu đi mau lẹ, ngõ hầu có thể phân vua với anh em : cho thì lấy mà đốt, trả tiền thì viết nhưng ta cứ viết cái lơ mơ chẳng dính dấp gì đến cuộc đời này, cuộc chiến tranh này, chẳng lợi lộc gì cho người chi tiền. Cái lối chơi sỗ của nhà nho các anh còn lạ gì. Cho nên các cuộc hôn phối gượng ép này đã hơn một lần đưa đến đổ vỡ. Sự phân hóa trầm trọng hơn : chính quyền và văn-nghệ vẫn đứng ở hai phía mặt trời và hơn nữa, người cầm tiền và kẻ không có cơ-hội, thẳng cầm nhiều và tay cầm ít sỉ-vả và lờm nguýt lẫn nhau như quân thù quân hãn.

Và niềm cô đơn dầy đặc thêm lên như sương mù như cỏ lan vào thành phố bỏ hoang. Người làm văn thơ muốn đóng vai trò của cái có thể gọi là *ý thức của một cuộc sống này và cái chết kia*. Nó muốn nói lên cái nó mong nó đợi, cái nó yêu, cái nó ghét. Tham gia vào cuộc chiến đấu với tư cách văn-nghệ, vũ-khí của nó là cái ý-thức sáng chói đó. Có nói lên được cái yêu và cái ghét đến nơi đến chốn dưới mắt người cầm bút, mới làm cho ta khỏe dịch yếu. Nhưng dưới mắt nhà cầm quyền thì lại không được. Những người đã đến với văn-nghệ có thể có thiện chí lắm, khéo léo lắm. Họ đều nói đại loại : chúng tôi không làm áp-lực nào cả, chỉ giúp đỡ anh em về tinh-thần và vật-chất. Tiền đây, báo đây, cầm lấy cho vui vẻ cả. Phải chân-thành mà nhận rằng với các chính-quyền như thế

còn hơn là những cái tát đe dọa của sự độc-tài : Không theo đường lối thì phóng tỏa kinh-tế, thì đi nông trường. Những cuộc thảo luận bắt đầu như thế lễ phép lắm, đẹp lắm, cần lắm nhưng chưa đủ. Đám băng hoại nghi cần được làm cho tan rã. Sự lễ phép làm cho nhà văn nghĩ rằng nó nằm từ từ đây. Thuốc độc học đường đây. Và cuộc chơi ú tim cứ thế tiếp diễn : cầm tiền và viết lơ mơ thôi. Ngoài tiền, ngoài giao - tế lịch - sự cần phải nói rõ vào mặt nhau: Chúng ta đừng vuốt ve nhau. Chúng tôi điều-hành guồng máy nặng nề tê-liệt và chiến tranh này, các anh là ý-thức. Hãy nói lên thống-khổ và hân-hoan của đồng-bào ta mà các anh là những tấm gương nhảy cảm. Hãy nói lên tất cả, mặt phải và mặt trái. Chúng ta, văn-nghệ và chính-quyền, hãy sỉ-vả nhau, đấm đá nhau. *Đấm đá và sỉ-vả như những chiến hữu*.

Hào khí văn-nghệ sẽ bốc lên khi đám băng tan rã. Lúc ấy, biết rõ rằng không còn thắc mắc ai nắm ai, ai xỏ xiên ai. Nếu biết rằng thực sự trong cuộc chiến đấu ghê gớm này ngòi bút đã được đặt đúng chỗ châu mai dành riêng cho nó, sẽ chẳng cần đến chuyển máy bay đưa anh em ra mặt trận coi chơi.

Mặt trận chưa bao giờ không nằm trong mạch máu chúng tôi. Chúng tôi cũng biết nghe tiếng súng, biết khóc, biết đau. Nhưng niềm cô đơn vẫn có. Vẫn không biết đứng vào đâu, vì thường xuyên e ngại bị đặt vào chỗ đứng bất tiện, chỗ đứng của phương-tiện chứ không phải của ý-thức.

PHẠM THÁI THỦY NHÀ VĂN VÀ CHÍNH QUYỀN

Vào những ngày đầu năm 1960, có ba tờ tạp chí văn học nghệ thuật lần lượt xuất hiện. Đầu tiên là tờ *Thế-Kỷ Hai Mươi*, tiếp theo là tờ *Hiện Đại* và cuối cùng là *Sáng Tạo* tục bản, sau một thời gian im hơi lặng tiếng. Lúc đó, tôi đang làm biên tập viên cho đài tiếng nói Quân Đội và giúp anh Đinh Hùng phụ trách mục *Tao Đàn* ở đài phát thanh Saigon mỗi tuần lễ ba lần. Công việc tương đối nhàn rỗi nên tối nào chúng tôi cũng tụ họp ở quán Hòa Bình do Ngọc Bích phụ trách phần ca nhạc, đề đầu láo, uống bia và hoan hô một nữ ca sĩ vừa mới nổi, người yêu của một anh bạn. Chính trong cái không khí đó, chúng tôi đã bàn soạn và họp nhau lại để làm tờ tạp chí *Hiện-Đại*. Nguyên Sa cho biết, có một số tiền trợ cấp để anh em làm báo, cốt ý gây một sinh hoạt hào hứng cho ngành văn học nghệ thuật ở đây. Thanh Nam được mời làm chủ bút. Mấy số đầu, tôi chỉ là một biên tập viên lơ lơ

ở ngoài. Cho đến số 4 thì tờ báo cải tổ, Nguyên Sa và Thanh Nam rủ tôi về làm thường trực cho tờ Hiện Đại và trông nom luôn phần quản trị cho tờ báo này. Từ đấy, tôi mới biết rõ hiện trạng của tờ báo và sự liên hệ của chính quyền với nó. Thời gian này cũng là thời gian tái xuất hiện tờ Sáng Tạo do Mai Thảo chủ trương.

Tôi được biết rõ rằng sự giúp đỡ cho 3 tờ tạp chí văn học (và đồng thời cho hàng chục nhật, tuần báo, hàng trăm cơ sở văn hóa xã hội khác nữa) là do ngân khoản vĩ đại rút từ một cơ quan có tính cách quốc tế. Và chính quyền lúc ấy nắm vai trung gian giữ phần lớn việc chọn lọc và giới thiệu số người và việc đáng được tài trợ. Giờ xin kể tiếp về công việc mà tôi nhận lúc ấy. Tòa soạn Hiện Đại đặt tại một phòng trên lầu hai của building Mai Loan đường Trương công Định và in ở đường Nguyễn an Ninh gần đó. Số lương của tôi được ấn định là 4.000 đồng. Một số anh em biên tập viên thường trực khác và kể cả Thanh Nam, Nguyên Sa cũng lãnh số tiền như vậy. Mỗi tháng sau khi in báo xong, tiền lương anh em tòa soạn, tiền bài, tiền nhà và chi phí văn phòng trợ cấp là 30.000 đồng. Mỗi tháng nhân viên chính quyền lấy biên lai của nhà Thống Nhất nhận phát hành báo rồi đi lĩnh lấy tiền trả nhà in, thiếu thì bù vào. Suốt trong thời gian làm tờ Hiện Đại, tôi thay mặt Nguyên Sa giao dịch về chuyện tiền bạc. Người độc nhất giao dịch với tôi là người thầu việc phát tiền, trả tiền nhà in và đi lĩnh tiền ở Thống Nhất. Người này không bao giờ chuyển tới chúng tôi một ý kiến nào về nội dung tờ báo, về quan điểm của ông ta đối với các vấn đề văn học nghệ thuật. Mà thực ra, có lẽ chẳng có gì để nói. Bởi vì tờ báo đã phải đưa kiểm duyệt chặt chẽ trước khi in, và chúng tôi đã gặp khá nhiều khó khăn trong vấn đề này. Tôi nhớ có một kịch dài của anh Doãn quốc Sĩ, đã sắp chữ, in được một khuôn rồi mà phải bỏ đi vì kiểm duyệt không bằng lòng. Đó là vở Tiếng hú tâm linh. Truyện của Thanh Nam, nói về 1 buổi tối chơi bởi cũng bị làm khó dễ, phải đi xin và «thông cảm» với kiểm duyệt hoài. Trong cách làm việc đó, chúng tôi tiếp tục hoạt động cho đến khi tờ báo ra được số chín, tức là vào tháng 12 năm 1960, thì đình bản. Lý do: Cơ quan tài trợ nọ, có lẽ theo ý tôi, không giúp tiền nữa. Đó là sau khi xảy ra cuộc đảo chính do Trung Tá Thi cầm đầu vào ngày 11-11-1960.

Sau đấy tờ Sáng Tạo cũng tự đình bản với lý do trên. Còn tờ Thế Kỷ Hai Mươi thì hình như đình bản trước tờ Hiện Đại, rồi sau đó đổi tên thành tờ Văn Nghệ do anh Lý Hoàng Phong chủ biên và sống tự túc, lay lắt mãi đến sau này. Hồi đó, có người nói sở dĩ chính quyền ngưng sự tài trợ, là vì có một số công chức của phủ Tổng Thống cũng chủ trương một văn đoàn và một tờ tuần báo của ông Phạm Đình Tân đấy — công khai đã kích chúng tôi là làm văn nghệ đòi truy, phổ biến chủ nghĩa hiện sinh để đầu độc thanh niên, chẳng giúp ích gì thiết thực cho con đường tiến hóa của văn nghệ dân tộc. Người ta cũng cho biết rằng sự thực là tờ báo của mấy ông đó, cũng như cái văn đoàn đó, đòi quá vì không

Có độc giả hưởng ứng, nên đã muốn phồng tay trên của chúng tôi số tiền tài trợ kia.

Về sau này, nghĩ lại những chuyện đã xảy ra, tôi cho rằng đó không phải là lý do chính khiến chính quyền ngưng tài trợ hay nói rõ hơn: ngưng việc làm trung gian tài trợ cho mấy tờ báo văn học nghệ thuật như Thế Kỷ Hai Mươi, Sáng Tạo, Hiện Đại. Lẽ dĩ nhiên thì cái ác ý đối với chúng tôi, chắc chắn mấy ông ở cái văn đoàn và tờ tuần báo kia có nhiều và luôn mong muốn chúng tôi không có phương tiện hoạt động. Lẽ dĩ nhiên nữa là khi đã độc quyền về số tiền kia thì các ông đó đồng ý lắm. Nhưng tôi cho rằng việc ngưng tài trợ cho chúng tôi hồi đó, không phải do ảnh hưởng của tờ báo kia, mà lý do khác.

Khoảng năm 1959 và đầu năm 1960 là những năm tình thế tương đối ổn định đối với chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Lẽ dĩ nhiên, một chế độ ổn định dù là ổn định giả tạo, thì người lãnh đạo vẫn phải tìm cách làm đẹp thêm chế độ của mình. Chế độ đó, với quan niệm hết sức giản dị và sai lầm, đã coi văn nghệ như một thứ trang trí cho đẹp, nên mới có chuyện các tạp chí nói trên được giúp đỡ. Cũng như một gia đình làm ăn khá giả bèn nghĩ đến chuyện mua hoa về cắm ở phòng khách cho có vẻ sang trọng.

Cho đến khi xảy ra cuộc đảo chính 11-11-60, chính quyền lo ngại về những vấn đề khác, lo củng cố địa vị, lo thanh toán đối lập, nên không thấy cần thiết phải trang trí bằng một số hoạt động văn nghệ mà họ không nhìn thấy một lợi ích thực tiễn nào. Cái gia đình học làm sang mua hoa về bày phòng khách đã gặp biến cố và lo chạy áp phe để kiếm tiền hơn là làm công việc trang trí.

Tôi đã kể lại hơi chi tiết về trường hợp một công việc nghệ thuật có liên quan đến chính quyền. Tờ Hiện Đại đã chết. Tờ Sáng Tạo, tờ Thế Kỷ Hai Mươi, và một số các cơ sở nghệ thuật khác có cùng một xuất xứ, cũng đã chết. Chết theo một hay nhiều biến cố thời cuộc.

Tình trạng này, trong nhiều ngày, có làm tôi suy nghĩ. Mực chi tiêu của một tạp chí, như tôi vừa kể, không phải là quá đáng. Chủ nhiệm, chủ bút, quản lý, mỗi tháng lãnh tỷ lương còn 4000 đồng bạc, đâu phải nhiều nhận gì. Tiền nhuận bút bài vở cũng thế, 1000 đồng một bài thơ của anh Đình Hùng, chẳng hạn, đâu phải là ghê gớm. Cái mắc cảm tội lỗi về tiền bạc vậy là đã được thanh toán. Nhưng có một sự kiện rõ nhất, là cái cơ sở ấy, ngay sau khi không còn nhận được sự tài trợ, nó đã chấm hết. Sự chấm hết ngang xương vậy, rõ ràng là một thất bại. Cái nguyên nhân sâu xa của sự thất bại ấy, không nằm ở trong những lỗi lầm về tổ chức, chi tiêu. Nó nằm ngay trong cái quan niệm khởi đầu cuộc hợp tác: tổ chức tài trợ không thật sự thiết tha tới việc tạo những cơ sở văn hóa tốt. Người nhận tiền, do sự không minh bạch, không hề coi đó là một tài sản thật sự của cơ sở, nên cùng lắm, chỉ có thể tiêu một cách lương thiện, chứ không thể để hết tâm huyết vào việc bảo vệ và phát triển số vốn ấy. Ý nghĩa của tình trạng này, trong đoạn viết về nhà

với cuộc chiến hôm nay, anh Nguyễn Sa đã có phân tích, nên ở đây tôi sẽ không bàn kỹ.

Từ câu chuyện đã quên kể trên, nhân chủ đề của tờ Tiếng Nói số một này, rút kinh nghiệm từ bản thân, tôi nghĩ nên đặt luôn vấn đề là xem chính quyền có cần thiết phải giúp đỡ văn nghệ phương tiện hoạt động không? Và ngược lại văn nghệ có nên nhận sự giúp đỡ của chính quyền không?

Theo ý kiến riêng và rất chủ quan của tôi, câu trả lời chẳng thể chỉ thu gọn trong một chữ có hoặc không, bởi vì còn có nhiều vấn đề phức tạp phải nói đến. Cổ nhiên là trong hoàn cảnh chung của anh em nghệ sĩ sáng tác cũng như trình diễn ở đây, phương tiện hoạt động là điều tôi cần thiết. Trong nhiều năm qua, Văn nghệ nơi đây không thể khởi sắc, không thể có những sinh hoạt lớn liên tục, chính tại vì văn nghệ thiếu phương tiện hoạt động. Một nhà văn tương đối nổi tiếng cũng chẳng thể nào trông vào ngòi viết mà sống. Hầu hết các tác giả đều phải có hai nghề, một nghề bình thường để kiếm ăn và một nghề viết. Nói ngay chuyện trong nhà, anh em trong tòa soạn Tiếng Nói, ai là người chỉ chuyên làm văn nghệ đâu. Nguyễn Sa đi dạy học. Từ, Uyên, Nhã làm cho đài Tự-Do, tôi làm cho đài Saigon và trong việc xuất bản tờ Tiếng Nói này chúng tôi quả đã rất chật vật trong việc dành dụm hoặc đi vay nợ để đóng góp mỗi người số tiền trên một vạn đồng trong một thời kỳ 3 tháng cho tờ báo ra mắt. Nói chi đến những anh em văn nghệ khác ở ngành trình diễn, tỷ dụ như một anh bạn viết kịch chẳng hạn. Làm sao anh ta có thể xoay được một khoản tiền để thuê rạp, làm décor, trả cho một số diễn viên ăn tập hàng tháng ít nhất cũng hàng trăm ngàn đồng, khiến anh có thể trình diễn kịch phẩm trước công chúng.

Cho nên, chính quyền cần giúp văn nghệ và văn nghệ có nhận sự trợ giúp đó với một vài điều kiện cần thiết và tiên quyết về tinh thần. Về phía chính quyền, trước hết, người lãnh đạo phải nhận chân sự cần thiết và tính cách hữu dụng của văn nghệ trong xã hội, dù thời chiến hay thời bình. Chính quyền phải quan niệm rằng văn nghệ là một mặt trận, và tác phẩm là những thứ vũ khí tinh thần lợi hại hỗ trợ đắc dụng cho chính trị, kinh tế, xã hội, trong việc chiến thắng kẻ thù hay xây dựng dân chủ. Chính quyền cần phải công bố rõ ràng một chính sách văn nghệ hợp lý. Phải đặt mục tiêu rõ ràng cho việc giúp đỡ văn nghệ nếu coi là cần thiết. Mục tiêu của sự giúp đỡ đó, xa: phải nhằm vào một sự phát triển của văn nghệ dân tộc, gần, nhìn vào một sinh hoạt đông vui trong đó người văn nghệ có cơ hội và phương tiện để làm công tác văn học nghệ thuật hữu ích. Cũng cần quan niệm rằng sự giúp đỡ đó chẳng thể có ích lợi ngay trong vòng một tháng, nửa năm. Sự giúp đỡ cần đặt trên căn bản thành khẩn, bất vụ lợi và liên tục. Về phía người văn nghệ thì trước khi nhận sự giúp đỡ nên cân nhắc và nghiên cứu xem mình có thể đồng ý với quan niệm của chính quyền về văn nghệ được không? Cũng phải tránh hai thứ mặc cảm tự tôn và tự ty đã từng xảy ra

trong những công cuộc hợp tác từ trước tới nay. Với mặc cảm tự tôn, người văn nghệ nghĩ bây giờ chính quyền cần mình, phải đưa phương tiện cho mình hoạt động, mình giúp đỡ họ vậy mình có quyền đòi hỏi cũng như muốn làm những gì mình muốn. Mặc cảm tự ty người văn nghệ sẽ nghĩ rằng cần phải biết ơn một nhân vật có trách nhiệm trong chính quyền đã giúp mình phương tiện hoạt động, trong khi những anh em khác kém may mắn hơn. Vậy mình đôi khi cũng phải tìm cách ca ngợi lại các vị đó, bỏ qua những lầm lỗi do cá nhân các vị đó gây nên. Tất cả những thứ đó cần bỏ. Từ trước tới giờ, mọi sự cộng tác giữa văn nghệ và chính quyền đều gián đoạn trong một thời kỳ không lâu, tôi quan niệm rằng do hai mặc cảm đó, cũng như do thái độ lơ mờ của chính quyền đối với công việc, thiếu hẳn 1 chính sách văn nghệ.

Sự đồng ý về quan điểm chung nối kết chính quyền văn nghệ cũng vì như tình cảm liên kết hai người yêu nhau. Yêu nhau là phải cùng nhìn về một phía, tương lai đây cùng nghĩ đến lợi ích chung, chứ không phải yêu nhau là nhìn nhau đề hoặc găm ghè giữ miếng hoặc ca ngợi nhau về những đức tính cả hai bên đều không có.

TRẦN ĐỨC UYÊN

NHÀ VĂN

VÀ NGƯỜI ĐỌC NHỮNG NĂM 50 VÀ 60

Tiếng nói mà chúng ta, cái ngôn ngữ mà văn chương chúng ta đang sử dụng, là một ngôn ngữ nhỏ, chật. Nước Việt Nam chia ra làm 3 phần, dân số 25 triệu. Bài địa lý phổ thông đã dạy thế. Nhưng con số 25 triệu người ít ỏi ấy, trong những năm 50 và 60, cũng không được toàn vẹn. Đất nước chia đôi, một nửa, hay nói cho đúng hơn, gần nửa, đã kẹt lại bên kia giới tuyến. Đó chỉ mới là sơ lược vài nét về tình cảnh ngôn ngữ. Ngôn ngữ đã vậy, đời sống vật chất và tinh thần của số người sử dụng ngôn ngữ ấy còn tan hoang, chia năm sẻ bảy hơn nữa. Hãy chỉ nói riêng ở miền Nam: năm 1963, số lương tối thiểu của một công nhân ở Saigon là 70 đồng một ngày. Trong khi đó, ở các vùng thôn quê miền Trung, tới 7 giờ tối, trưa ăn cơm nắm và hút thuốc Lào ngoài đồng, lương mỗi ngày chỉ có 12 đồng. Khoảng cách vật chất đó, trong hiện tại, so sánh giữa các nghề nghiệp, các địa phương, còn cách biệt gấp bội. Nhưng sự chật hẹp đó chưa lấy gì to tát bằng sự chật hẹp tinh thần: ở Saigon và các thành phố, chúng ta được đọc những cuốn sách mới nhất từ khắp thế giới, chọn kiểu tóc, kiểu áo vừa xuất phát từ Paris, xem vô tuyến truyền hình, Myfair Lady và nghe kịch động nhạc. Trong khi đó, ở thôn quê, trường học không có, sách báo không có.

Sự chật đút về tinh thần này, cộng chung với hoàn cảnh đất nước: đường xá bị phá hủy, lưu thông gián đoạn, tình trạng an ninh vùn vụt, càng có lập ngôn ngữ của văn học nghệ thuật hơn nữa. Và sự thật không còn đáng ngạc nhiên gì nữa, khi mà tuy có 10 triệu dân ở miền Nam, một tờ báo Văn Học Nghệ Thuật giỏi nhất, cũng chỉ dám hy vọng bán lấy 7,8 ngàn số. Một cuốn sách nổi tiếng nhất, cũng chỉ dám hy vọng bán lấy 2,3 ngàn cuốn. Đó, số người đọc của nhà văn Việt Nam hiện nay.

Và đây, tôi khởi sự nói về cái khoảng cách từ nhà văn Việt Nam những năm 50 và 60 đến người đọc của hần.

Tinh tôi nôm na, nôm na là cha mách què, nên tôi gọi cái khoảng cách từ nhà văn tới người đọc là khoảng cách chó đẻ. Vậy không có gì lạ hết. Bởi chính cái khoảng cách này đã làm cho văn học nghệ thuật của chúng ta trở thành đui mù, què quặt, làm cho người viết đến với người đọc cực kỳ khó khăn. Hần phải qua một chặng đường đầy chướng ngại vật. Chông gai, hầm hố và ụ đất. Những chướng ngại vô lý và thối nát. Khoảng cách chó đẻ, đúng thế, thật chó đẻ này ngoài sức tưởng tượng của tôi. Cả người đọc nữa, cũng không thể hình dung nổi sự vất vả, cơ cực của người viết như thế nào, khi hần phải băng qua cái khoảng cách chó đẻ ấy.

Một tác phẩm không kể những cực nhọc, quần quai khi viết, viết xong làm cách nào để phổ biến, đó là vấn đề. Thi in ra phát hành rồi bán. Vâng, đúng thế. Nhưng in bằng gì, tiền đâu, chưa kể lúc này có tiền cũng chưa chắc đã có giấy có mực để in. Mà dù đủ hết, sẵn sàng cả, thì từ lúc đưa tác phẩm đi kiểm duyệt tới lúc thành một cuốn sách bán cho người đọc, công phu cũng còn nhiều. Nhà văn phải có đủ «mười hai thành công lực» mới chịu đựng nổi hàng trăm thứ «chướng» lúc nào cũng chăm chăm phóng vào mặt.

Tờ tạp chí nhỏ, mỏng manh mà các bạn đang cầm trên tay đây là một điển hình. Muốn hoàn thành nó, để gửi tới người đọc, những người chủ trương nó đã phải trải qua những giai đoạn có đủ hỷ, nộ, ái, ố, lạc. Bắt đầu: đi xin giấy phép. Việc đầu tiên: làm đơn. Đơn xin giấy phép tờ tạp chí này, ngay từ sau 1-11-63 tôi và Trần Dạ Từ đã làm và đã ba lần đưa lên bộ Thông Tin. Mọi thủ tục đều đầy đủ. Có cả cảnh sát gọi lên quận điều tra. Nhưng qua mấy chiếc không biết xó nào, trong ngăn kéo của một cô thư ký hay xếp ve một xó. Không biết ngoài hành lang của bộ. Chúng tôi chờ đợi. Nhưng càng chờ hy vọng càng dài ra như cao su. Và tôi đã quên, quên cả những tờ khai lý lịch của mình có đủ tên cha tên mẹ, tình trạng gia đình, ngày sinh, nơi sinh v.v... Nhưng rồi bây giờ, nhờ một số bạn hữu có lòng tin đứng ra bảo lãnh, giấy phép đã có, sau 5 năm chờ đợi. Giấy phép có đó. Nhưng có

chưa phải là có báo. Còn vốn. Còn bài vở. Còn nhà in. Còn bông giấy. Còn kiểm duyệt. Còn phát hành. Đủ thứ.

Thứ nhất về vốn, mỗi tháng tờ tạp chí này in 10.000 số. Mỗi số chưa kể bài vở, công anh em, giá in đã lên đến 4 đồng. Báo bán ra, đề giá 12 đồng, trừ tiền hoa hồng phát hành, chỉ còn được 7. Một trăm số báo gửi đi, giới lắm bán chỉ được một nửa. Nửa bán được ấy, giới lắm, 3, 4 tháng (và có khi không bao giờ) mới về được đến tay trị sự. Vấn đề vốn nó như thế đấy, nhưng những anh em của Tiếng Nói đã giải quyết được. Giải quyết được bằng cách những anh em có việc làm rồi, mỗi tháng, mỗi người bỏ ra mấy ngàn đồng góp lại. Số vốn hàng tháng ấy được trao cho người trị sự lo các phí khoản in. Với quyết tâm sẽ cố gắng trong một thời gian, tờ báo có thể thu về đủ số nó cần có để sống.

Đó là tạm yên vấn đề vốn. Bây giờ đến vấn đề nhà in: nhà in có máy, có chữ, có mực, có điện, có thợ. Chữ trước đây hai chục đồng một ký lô, bây giờ 70. Công thợ sắp chữ trước 25 đồng một trang. Bây giờ 50 đồng. Thợ sắp chữ, thợ in, trước đây thừa. Bây giờ thiếu, bởi anh em còn có mặt ở các quân trường, các tiền đồn, hơn là có mặt trong phòng chữ. Điện thì lúc này đây, bị cúp cách nhật.

Vấn đề in vậy đó, còn giấy. Muốn mua giấy đúng giá, phải có bông giấy. Bông giấy không phải là thứ được phân phối đồng đều như sữa, đường, vải. Mà là một đặc ân, một phần thưởng, chỉ các nhật báo mới được quyền có. Tạp chí, sách văn nghệ đâu có làm lợi gì cho thời thế này, thời thế kia. Vậy muốn có bông giấy, phải có sự cậy cựa đặc biệt. Nhưng có bông giấy rồi, chưa xong đâu. Quyền phân phối giấy, trước đây, ở trong tay mấy anh anh bạn Việt gốc Hoa, họ có xe đưa giấy đến tận nhà in cho tòa báo chịu tiền giấy ít nhiều. Bây giờ để lạnh mạnh hóa thị trường giấy, việc phân phối được Bộ Kinh Tế làm luôn. Muốn mua giấy phải xĩa tiền mặt. Lại phải có xe chở lấy giấy. Anh em Tiếng Nói tên giàu nhất, chỉ có xe xi cút tơ. Vậy mỗi ram 500 tờ giấy, lại phải chi thêm mấy trăm đồng để thuê mấy anh bạn Việt gốc Hoa chở giúp.

Có tiền có giấy, có nhà in, có bài rồi. Bây giờ đến vấn đề kiểm duyệt. Muốn kiểm duyệt một bài phải có ba bản đưa cho nhân viên kiểm duyệt. Phải có người theo rồi, để thông cảm từng chữ, từng câu, với người kiểm duyệt. Chỗ này có nhiều chuyện khó kể nên hãy tạm coi như thế là đã xong tờ báo.

Nhưng báo in xong rồi, đóng xong rồi, chưa phải đã đến tay người đọc. Muốn đến, phải phát hành. Tình trạng chiến tranh, tình trạng giao thông đã đủ để cho biết việc phát hành hiện nay đang ở mức nào. Tạp chí bán ít, lời ít, không phải là món mà phát hành, chuộng. Nhiều tờ báo, nhiều cuốn sách, giao cho nhà phát hành hai năm sau hỏi đến tìm mãi trong kho mới thấy. Và thấy nó vẫn còn nguyên vẹn đầy gói. Vậy thì nhà báo phải tự phát hành lấy. Ở Saigon thì thôi, còn được đi. Nhưng làm cách nào về đến các tỉnh. Tàu thủy thì ít

có. Xe hơi thì vua chậm và không thèm nhận. Phi cơ thì ưu tiên cho mắ, cho gạo, cho thuốc men, cho hành khách.

Lại phải công phu châu chực, những nư cười cầu tài, những gửi gắm khéo léo, mong gói báo được nhận chuyển. Tình trạng đi đã vậy. Tình trạng trả về, tất nhiên còn khó khăn hơn nhiều. Trong khi đó thì ở phía người đọc, tình trạng sống của đa số như hiện nay, tờ tạp chí này, so với sữa với gạo, với đường, cái nào quan trọng hơn. Câu trả lời có lẽ khỏi cần nghĩ. Hàng tháng, ở Saigon lúc này, có những người ôm từng chồng sách, đi từng nhà sách, từng sạp báo, năn nỉ để bán sách, năn nỉ để đòi tiền. Đó là Doãn quốc Sỹ, người trông nhà xuất bản Sáng Tạo. Đó là Võ Phiến, người trông nhà xuất bản Thời Mới. Đó là Trần Phong Giao, người trông nhà xuất bản Văn, Giao Điểm, và đó cũng là Nguyễn khắc Giảng, là Trần đức Uyển, là Trần dạ Từ của tạp chí và nhà xuất bản Tiếng Nói. Đó, một vài chuyện trên khoảng cách từ nhà văn, từ một tác phẩm văn nghệ, tới người đọc, Các bạn đã hình dung ra chưa.

Chắc đưa đầu. Bởi vì tôi mới vạch một gấu áo, mời bạn xem một mảnh sườn, chứ chưa để các bạn xem hết cái lưng đâu. Cái lưng bần lắm. Nghề nghiệp của chúng tôi nó như thế đấy. Nó kỳ cục như vậy. Thê thảm nhưng cũng vinh quang. Và trong tình trạng này, trong cái loạn ly của đất nước, chúng tôi, những người chỉ biết cầm bút, sẽ còn gặp nhiều các khó khăn chồng chất, gặp nhiều những trường hợp không khóc không cười nổi. Các bạn làm sao tưởng tượng ra một tên chủ nhiệm như tôi, oai đấy chứ, thế mà vẫn phải tới nhà in ngồi sửa «mò rât» có khi 12 giờ khuya mới mò về. Lúc này lại đang giới nghiêm, nguy lắm, đi khuya quá đầu được. Vậy mà từ khi bắt đầu xếp chữ tờ Tiếng Nói, tôi vẫn thường mạn phép nhà cầm quyền đi quá giờ, quên hẳn cái tu huyết của mấy ông cảnh sát. Mời hay viết văn làm thơ ở xứ mình vất vả thật.

Cái khoảng cách, nói nôm na là khoảng cách chó đẻ, vượt qua nó, quả đã mệt ngất. Nhưng đó mới chỉ là những thứ trông thấy rõ ràng, nhìn được tính được. Nghĩa là có thể vượt qua được phần nào, nếu những người làm tạp chí, làm sách văn nghệ cố gắng. Nhưng cố gắng thôi, không đủ. Còn sự cách biệt về mức độ ý thức, sự cách biệt tinh thần, giữa cái tiến bộ và những thành kiến, giữa sự cố gắng với thói quen ưóc lệ, và sau hết, giữa sự suy sụp trong thấy của tinh thần trước những hồi thúc cấp bách quá mức của thực tế. Sự cách biệt ấy, là cái hố to nhất giữa nhà Văn với quần chúng Việt

Nam trong những năm Năm mươi Sáu mươi, nhất là trong hiện tại. Muốn vượt nó, lấp bỏ nó, phải có một sự chung sức bền chặt của cả người viết lẫn người đọc, phải có sự kêu gọi từng người một cạnh mọi chúng ta, trong việc đọc và nghĩ. Phải có nhiều thứ khác nữa. Nhưng thôi, những thứ phải có ấy chúng ta sẽ cùng nhau bàn tới trong một chủ đề khác.

NGUYỄN HỮU ĐÔNG
NHÀ VĂN
VỚI
ĐỀ TÀI VÀ TÁC PHẨM

Cô Gái Đồ Long không còn đơn thuần là một truyện kiếm hiệp nữa, dù một truyện kiếm hiệp hay, mà đã thành một phong trào. Cái phong trào *cô gái đồ long*, bắt đầu từ một chuyện kiếm hiệp, rồi đến hai, ba, và không biết bao nhiêu truyện khác, dính dấp ít nhiều đến cái *cô gái đồ long*. Nay nhé, ngoài *cô gái đồ long* đã có thêm tiền, rồi hậu *cô gái đồ long* và một lô những truyện con con cháu cháu của nó nữa, khó mà kể cho hết được. Đó mới chỉ trong phạm vi truyện thôi, mà cái chữ *cô gái đồ long* đã mãnh liệt như thế, sang đến phim ảnh, sân khấu, thì cái sức xâm chiếm chinh phục và hốt bạc của nó càng dữ dội ghê gớm.

Nguyên nhân thì đơn giản chỉ vì nó hay,

Và nó hay vì nó không dở.

Và nó không dở vì...

Phải. Nó không dở vì nó... Chẳng lẽ tôi lại lặp thêm lần nữa rằng là nó hay?

Vậy tôi xin thêm vài nguyên nhân của cái sự hay và của cái sự không dở của nó.

Nó hay nằng, hay *cô gái đồ long* là một chuyện thật có duyên, thật phong phú, thật súc tích, thật hấp dẫn. Nó đứng vững trong cái cơn lốc xoáy dữ dội của một cuộc thay đổi lớn trên Trung Hoa: Tống Mạt Minh sơ. Giấc mộng vàng của một lớp sĩ phu ươn hèn được thể hiện thật đầy đủ: khi gột bỏ được cái đốn mạt, tham lam, bần thủ của bọn một sách, đẽo chữ gọt câu, lớp sĩ phu mơ ước biến thành những Vô Kỵ đại lượng tài ba, những Sư Vương Tạ Tồn tàn ác hung bạo, những Triệu Minh chân thật si tình và cương quyết. Dĩ nhiên giấc mộng không chỉ thành hình trong một truyện hoang đường, và bùng lên trong cuộc hưng khởi của lớp khai quốc công thần nhà Minh mà thôi. Nó còn vương vấn đến (tuy rất xa) một đổi thay kinh tế xã hội và nhân sinh: những ảnh hưởng tôn giáo ngoại lai bắt đầu vào Trung quốc (Minh giáo từ Ba tư mà

Vô ky là Giáo chủ). Tất cả những sự kiện to lớn ấy không thành luận thuyết hay lịch sử, mà thành một huyền thoại hoang đường, một bộ truyện bao gồm cái hay của trinh thám, của võ hiệp kỳ tình, của khoa học giả tưởng, với tất cả những cái quá lỗ, quá cỡ của khối óc tưởng tượng phong phú và phi lý của con người Á đông, dính hơi thuốc phiện, dính triết lý Lão giáo, dính sự khúc chiết mạch lạc của Khổng Mạnh.

Tôi vừa tán một chuyện lông bông, chả ăn nhậu gì lắm đến chủ đề mà tôi phải viết. Đề tài lỗi với những bạn đã chịu khó đọc tôi đến đoạn này, như làm một cử chỉ bố thí (khi chính quyền ta chưa lập trại cải sinh và chưa bỏ hết ăn mày vào những trại cải sinh đẹp đẽ ấy). Bây giờ, tôi xin trở về với thời đại chúng ta, trở về những năm Năm Mươi và Sáu Mươi của nước Việt Nam Cộng Hòa, và xin bắt đầu vào đề tài một cách long trọng hơn.

Cơn lốc xoáy dữ dội của thời đại, của đất nước chúng ta, ai trong chúng ta có thể đóng kín cửa ý thức và đời sống để đứng nhìn từ được, thì tôi phục sát đất và tôn lên làm tổ sư. Người thì là nạn nhân — có lẽ tất cả là nạn nhân, dù không tự biết như thế, dù chối bỏ và phủ nhận suốt một cuộc đời — có kẻ thủ lợi đầu cơ. Nhưng tất cả hẳn có dính líu đến.

Cơn lốc xoáy bắt đầu bằng sự sáng chế thuốc súng và máy hơi nước, và máy dệt, và giấy trắng, và máy in, và nguyên tử, và vô tuyến, và truyền hình, để phiêu lưu không biết đến đâu, không biết ngừng ở đâu. Nhưng đã dẫn đến những thay đổi kinh tế xã hội lớn. Tư bản biến thế. Cộng sản ra đời dò dẫm và lan tràn. Giao thông từ chỗ tám mươi ngày vòng quanh thế giới chưa xong, đến vài phút vệ tinh bay mười vòng trái đất. Từ giấc mơ lên thêm chị Hằng, đến là cờ Nga trên phần thân thể nào đó của chị Hằng.

Cơn lốc xoáy với đội phi pháo tàn khốc của Phát xít Đức, với đoàn quân thứ năm, với Trân châu cảng, với Hiroshima, với sông Áp Lục, với chiến thuật vũ bão chớp nhoáng của tướng chốt qua Gaza, với Cuba, với Congo, với Đại Mã Lai Á, với cái gọi là Đập Tan Đại Mã Lai Á. Và gần gũi với đất nước này, dân tộc này: Điện biên phủ, Genève, Bến Hải, Pleimê, Dầu Tiếng, Bồng Sơn. Cơn lốc xoáy dữ dội đó cuốn hút đất nước này, dân tộc này, chúng ta đây. Nhưng chúng ta đáng bị lời nguyên rủa của Giêsu: có mắt không thấy, có tai không nghe, có mũi không ngửi, có chân không chạy, có tay không làm, có óc không nghĩ. Chết tôi rồi. Tôi đã thêm thất quá nhiều sau lời vĩ thanh lớn kia. Nhưng mong ngài tha tội, vì ý ngài muốn nói có lẽ cũng là ý tôi.

Phải.

Trước cơn lốc xoáy dữ dội đang cuốn hút thời đại, đất nước, dân tộc chúng ta, chúng ta dù có thấy mơ hồ, có nghe chủ định mà không nói ra được, viết ra được, vẽ ra được, la lên được. Chúng ta không biết chủ định to lớn cái cảm thù. Không biết than vãn nỗi đau thương. Không ca tụng được

cái cao cả. Không họa được cái đẹp đẽ. Hay là những mặt trái của những thứ đó. Như thế bảo rằng chúng ta đã nhìn được, nghe được hiểu được, thấm được những xoáy lốc của thời đại và đất nước thì thẹn đến chết mất. Những bài diễn văn, thuyết pháp, giảng đạo, dạy dỗ, bàn luận, tán láo, chỉ chấp và sự vay mượn danh từ và ý nghĩ. Tôi nói chấp và mà không dám nói sắp xếp, vì có sự xa cách giữa hai việc làm đó.

Ở đất nước người ta, bằng tiếng nói người ta, trong sách sử người ta, thì người ta nói đến cơn lốc xoáy của nước mình dân mình nhiều và thấm thía hơn. Người ta còn quyết định bằng súng đạn, bằng cán bộ, bằng hội nghị, bằng vận động ngoại giao, bằng hành động đen tối và ngấm ngấm. Nhưng nước mình, chúng ta nhìn kỹ, thật kỹ xem đã có được những gì. Những đồng tiền, những tài nguyên, những sinh mạng của mình, và của người ở đất mình đã bị phí phạm như thế nào? Ai thấy được và nói được, viết được, vẽ được những gì chưa? Tôi đã vào đề cho cái tit to lớn của tôi rồi đó.

Bây giờ tôi xin khai. Khai nghĩa là mở. Khai nghĩa là cung xưng. Khai nghĩa là lấy ông tôi chịu hết..

Đề tài đó. Những đề tài đó. Lớn. Nhỏ. Vừa vừa. Tầm thường. Phi thường. Sâu. Nông. Rộng. Hẹp. Cũ. Mới. Quen. Lạ. Gần. Xa. Thấy được gì. Hiểu được gì. Nói được gì. Vẽ lên được gì. Thành nhạc được gì. Vào sân khấu được gì. Lên màn ảnh được gì. Thẹn chết đi được.

Không còn có thể nói là không có đề tài, thiếu đề tài, nghèo đề tài, khan đề tài, cạn đề tài. Đừng có nói vậy nữa. Nếu có nhớ nói đại thì về nhà trùm mền thật kỹ, đóng cửa thật kỹ, nằm với vợ hay với gái thật kỹ, ăn thật kỹ, uống thật kỹ, hút thật kỹ, làm tiền thật kỹ. Nhưng đừng nói đại như thế, và đừng rỉ tai với ai như thế mà tội cho người phải nghe. Đề tài muôn thừa. Có sự giận hờn, yêu ghét, oán thù, oán khuất, áp bức, ghen tương. Có thượng đế. Có linh hồn. Có Thích Ca. Có tổ quốc. Có con người. Và những phản ứng của con người trước những trường hợp, trong những hoàn cảnh thường thường. Một tình yêu bề bàng hay tội lỗi. Những đam mê và hận quả đam mê và diễn biến đam mê. Đó là đề tài cò điển, tân cổ điển. Lãng mạn và tân lãng mạn.

Ngàn ấy những đề tài thông thường dù chúng ta đã có Kiều, Lục vân tiên, trăm bài thơ của thế kỷ mười chín, vài chục tiểu thuyết của đầu thế kỷ hai mươi vẫn chưa thể gọi là giàu to được. Còn nghèo nàn lắm. Rồi với những ý, góp sức của Tây, của Tàu, của Mỹ ta để một lô thơ tự do, một mở bài tạp chí, và những thư dành cho bạn đọc sáng tác ở nhật báo, tuần báo, tạp chí, tạp san, cũng vẫn còn rất nghèo. Với những sự gợi ý góp sức từ văn học thuật nước ngoài, chúng ta có thể làm được khá nhiều việc hay. Nhưng làm chưa? Nếu tự biết mình non kém, chấp chững, chưa dám bước một bước một mình, thì theo gót đàn anh không ai dám chê. Dù không thỏa mãn, k

hạnh diện nhiều được, cũng đỡ buồn tình đôi chút. Nhưng chúng ta đã làm được gì nhờ vào sự góp ý góp sức của những đàn anh văn hóa nghệ thuật nước ngoài?

Người anh em đến truyền lệnh cho tôi viết bài chỉ cho phép viết năm trang đánh máy mà thôi. Vậy mà tôi kê cả sang trang đánh máy thứ ba rồi, bằng sự tự vấn lương tâm mình, lương tâm chúng mình ở những việc thường thường có chỗ làm được mà mình mà chúng mình không làm. Bây giờ thì tôi phải nói đến những cái khác hơn một chút.

Cơn gió lốc dữ dội cuốn hút thời đại chúng ta, nhân loại chúng ta, có thể có kẻ cho là xa xôi. Tôi không nói đến đâu. Ít ra là mấy trang này. Bạn đừng lo sớm. Tôi nói đến cái gì thật gần. Hai mươi lăm năm chiến tranh. Chúng ta làm chiến tranh hay chỉ chịu đựng chiến tranh. Chúng ta làm chiến tranh để được gì. Con tôi chết, chồng tôi chết, cha tôi chết, anh em tôi chết. Chết dưới lá cờ này. Chết dưới lá cờ kia. Để làm gì. Để được gì. Những danh từ dùng ở đây hay ở kia có an ủi được những cái chết đó, có biện hộ được sự tàn sát, có xoa dịu được những đau thương không. Nếu chịu đựng chiến tranh mà thôi thì chúng ta có bao giờ tình chuyện giảm bớt, giới hạn, chấm dứt sự chịu đựng đó không. Và bao giờ, và bằng cách nào. Nếu chúng ta làm chiến tranh thì chúng ta có tinh kỹ, thật kỹ là làm chiến tranh để làm gì, bao giờ thì làm hết chiến tranh. Người ta dám nói nếu hẳn đừng đánh tôi thì tôi không đánh hẳn. Lý luận hay quá, hay đến nỗi thằng bé Trục nhà tôi đôi lúc nó cũng nói như vậy đó. Mà năm nay nó được năm tuổi. Thằng Tâm lên tám thì lại khác. Có lẽ nó chạy trốn, hay nó choảng cho thằng kia ngã kèn nhác và chịu thua.

Nhưng ai nghĩ ra được, tình đến được, và nói lên được cái cách chấm dứt sự chịu đựng chiến tranh, hay là cái cách thắng đối thủ? Các ông tướng sao? Các vị giáo chủ sao? Các tay làm chính trị sao? Các tay chạy áp phe sao? Những vị đó đã làm theo cách của họ. Và cho đến hôm nay, năm nay, chiến tranh chưa thấy hết ở đâu cả. Chiến tranh vẫn còn trong rừng rậm, vẫn còn nơi thôn quê, vẫn còn giữa thành phố. Tạ Vinh lên pháp trường cát. Sứa ba mươi hai đồng. Con anh Tư chạy mua không ra hộp sữa Guigoz. Xe gắn máy bán chợ đen. Xi măng chưa biết phải phân phối như thế nào.

Người ta không thể chấm dứt chiến tranh bằng cách giết nhiều hay giết ít, cũng không thể bằng cách giết như thế này hay thế khác. Mình đừng muốn đánh nhau nữa, rồi làm cho đối thủ hết ham đánh nhau nữa. Lúc đó sân đấu vật vắng đối thủ, và cuộc đấm đá tất nhiên phải hết. Nhưng nghĩ ra cách, và gieo cái cách hết ham đánh nhau khắp nơi? Ai?

Người biết suy nghĩ và diễn tả được sự suy nghĩ có thể làm được. Làm không phải một buổi một năm. Cũng không chắc trong một đời sống. Có thể lâu dài. Nhưng có thể làm được. Và người đó, những người đó, là những kẻ làm văn hóa. Chỉ huy văn hóa theo lối thao diễn cơ bản quân sự ư? Một. Hai. Phải

Trái. Nhưng đó là văn hóa sao? Không. Đó là sự méo mó của văn hóa. Làm thứ văn hóa truyền giáo ư? Ích lợi lắm. Văn chưa là văn hóa. Những tay trùm chính trị làm văn hóa như thế nào? Mein keimf, Tư bản luận, là những tác phẩm văn hóa đó, là những di tích lịch sử của một phong trào đó, là chứng tích cho phân tâm học và tâm lý xã hội học đó, nhưng không là văn hóa đâu. Các tay chạy áp phe làm văn hóa ư? Họ có thể đóng góp lớn lao cho văn hóa, Họ nhìn được cái gì bán chạy, cái gì kiếm ra tiền và họ biết cách tung ra thị trường tiêu thụ biết thu hút được khách hàng. Nhưng xin đừng trông mong họ làm văn hóa, cũng đừng giao trách nhiệm văn hóa cho họ.

Vậy thì ai làm văn hóa, và làm văn hóa như thế nào?

Anh có thấy cơn gió xoáy của chúng ta không? Anh thấy thế nào? Từ khía cạnh nào? Và anh diễn tả ra được bằng cách nào, hình thù nào. Anh đã làm văn hóa rồi. Anh là nhà văn hóa. Vì anh có, anh thấy, anh biết đề tài. Và anh nắm được những đề tài thực, sống, động.

Tôi đã khai ra khá nhiều rồi đó. Bây giờ tôi thu đây, tôi thu trở lại cái tit của tôi: *nhà văn với đề tài và tác phẩm*.

Tôi trở lại lý luận nhà trường. Từ cộng trừ nhân chia, chính tả và tập hành văn. Trong cái đề tài của tôi có năm vế chính: *nhà văn với, đề tài, tác phẩm*. Ai là nhà văn. Thế nào là nhà văn. Mấy em biết đọc biết viết ôm cuốn truyện mùi mẫn thì gọi tác giả của những cuốn truyện đó là nhà văn. Mấy vị thư ký nhàn rỗi nghiền ngẫm bộ kiếm hiệp đình ninh tác giả (và cả dịch giả) của nó là nhà văn. Mấy anh mấy chị học gần hết, và đã qua chương trình trung học thì lại xem những cụ viết những thiên khảo luận đạo mạo là nhà văn. Vậy thì ai cũng có thể là nhà văn được, nếu nhìn bằng con mắt ti hí. Viết một cuốn sách là nhà văn. Viết một bài báo là nhà văn. Nhật tin hằng ngày là nhà văn. Làm được một bài thơ trao tay đọc, hay được đăng ở *mục thơ bạn đọc* nổi rộng cũng là nhà văn.

Nhưng nhà văn không phải chỉ có vậy thôi. Nếu chỉ có vậy thì còn có thể gọi là thợ văn. Nhà văn không phải chỉ cần có cây viết, hay máy chữ (đôi khi thật nhiều máy chữ, như một vị dịch tiểu thuyết kiếm hiệp ở đây, một lúc đọc cho trên ba thư ký chép ba bộ truyện khác nhau). Nhà văn phải có suy tư, rung cảm, và thật chân thành, thật độc đáo. Rồi biết diễn tả. Dĩ nhiên là sau khi đã thấy, hiểu, thấu một đề tài, hay một tổng hợp đề tài, *Với*, trong cái tit của tôi, diễn tả một liên hệ. Cái liên hệ, cái tương quan kỳ diệu giữa nhà văn và cái được thấy, được hiểu, được thấu và muốn được diễn tả thành. Cái tương quan đó không thể diễn tả một cách phạm phư tục từ như vật lý học diễn tả sự thụ thai của cha mẹ đối với con: sau khi giao hợp cái

trứng được gặp cái trứng cái, đánh bạo chui vào, nảy nở thành bào thai, đủ ngày đủ tháng đẻ ra đứa nhỏ. Diễn tả như thế đúng thật đó, nhưng không đủ, không thấu được cái huyền diệu của sự sinh tồn.

Và đề tài thì dễ hiểu và dễ nói hơn. Có nhà văn, là con người. Bây giờ trước nhà văn, trước con người, những diễn biến đang thành, những vốn liếng áp ủ, những dự đoán và ước mơ. Đó là đề tài. Phản ứng của con người (người viết, và người trong tác phẩm) đối với những vốn liếng đã có, những diễn biến đang thành, và những dự đoán ước mơ, cũng là đề tài. Diễn tả được đề tài đó để cho một đề tam nhân cùng thấy, cùng hiểu, cùng thấu được như mình, hay bằng một phần nào như mình, là đã thành tác phẩm rồi.

Cái và thì tôi không nói làm gì nữa. Nó là sự liên hệ tất nhiên giữa đề tài và tác phẩm.

Và tác phẩm thì tôi đã định nghĩa, là sự diễn tả được đề tài thành lời (văn khẩu truyền) hay thành chữ nghĩa (văn viết), truyền đạt đến nhiều đề tam nhân.

Bây giờ tôi rời lý luận nhà trường, và tán láo một chút để kết thúc. Xứ sở chúng mình thơm mồm khá nhiều nhà văn. Những mẩu truyện, những thể văn thỉnh thoảng bắt gặp đó đây trong những năm gần gũi làm cho chúng ta hy vọng thật nhiều. Kỹ thuật diễn tả, bố cục không có chỗ chê.

Và đề tài, thì chúng ta đã thấy, ở thời đại này, xứ sở này thật sẵn có, thật phong phú. Ở đâu cũng gặp được. Từ khía cạnh nào nhìn đến cũng thấy được. Nhưng tại sao nhà văn không tạo được tác phẩm. Cái gì còn thiếu trên con đường từ nhà văn đến tác phẩm? Hẳn không là đề tài rồi? Vậy thì cái gì. Thực ra chúng ta có tác phẩm. Nếu dễ dãi hiểu rằng in được sách là đã có tác phẩm. Nhưng tôi muốn dùng tiếng tác phẩm cho những thành quả mỹ mãn, tốt đẹp hơn, khơi động được một cái gì, mở đầu được một cái gì, hay kết thúc được một cái gì trong cơn xoáy lốc dữ dội chúng ta đang trải qua. Cuộc vật lộn gian khổ hai mươi lăm năm nay vẫn còn nằm ngoài lề văn hóa nghệ thuật. Khung cảnh tang tóc của đồng ruộng của núi rừng, sự nảy nở quái đản của thị trấn, cuộc sống cơ cực trong cái tang tóc của thôn quê và sự nảy nở quái đản của thành thị, chưa thấy nhóm bước vào văn hóa nghệ thuật. Sách thì viết về những tình yên hiền lành, thơ mộng, hay lơ bước sang ngang, thêm với tình tiết mê ly gay gắt. Kịch thì phóng chường tôi bời. Nhạc thì rù rì hoa cải hoa cà. Và họa... Nhưng tôi bước xa nhà văn rồi.

Nhà văn của chúng ta vì vô ý thức, hay vì cố tình nhắm mắt, không chịu nhìn, không chịu thấy rõ cơn cơ cực này, cuộc xoáy lốc này. Họ sợ. Họ ngợp. Vì biết mình yếu đuối sẽ choáng váng trước những đề tài quá dữ dội, quá mãnh liệt? Hay vì thiếu một sức thúc đẩy thiết thực và hợp thời như danh

vọng, tiền bạc? Cái sự cách biệt giữa những đề tài quá lớn và những nhà văn của chúng ta thật cao rộng nên chưa ai cả dám băng vượt qua? Và họ trở lại những đề tài cổ điển với một tâm trạng uể oải, tài tử, cầu vui, dễ tính, nên họ không bằng được cổ điển, không tạo được tác phẩm đẹp và lớn.

Cần phải có một sức thúc đẩy để cho nhà văn can đảm nhìn thẳng những đề tài thật, dữ dội và mãnh liệt. Sức thúc đẩy đó không hẳn là danh vọng hay tiền bạc. Sức thúc đẩy đó có khi chỉ cần là một không khí sôi động của đời sống văn hóa trong xứ. Có thể là những khuyến khích, cổ vũ của một nhóm người hiểu biết. Cũng có thể là sự thông cảm và giúp đỡ của một chính sách chân thành với văn hóa và với nhà văn, chân thành thì phải đại lượng, đừng bòn xén, đừng bắt bẻ, đừng nhảm lẩn. Vì một trong những cơn sợ ngày nay của nhà văn là sợ bị hiểu lầm sợ bị gán những nhãn hiệu đáng ghê tởm, sợ bị chụp mũ thiên tả thiên hữu và thiên lung tung.

Nếu tôi không chấm hết ngay bài này, thế nào ông thư ký toàn soạn cũng nhân tôi. Tôi đã hiệp số trang của bạn bè. Xin cho thêm vài giòng để kết. Tôi muốn tự hỏi: tôi có nên làm nhà văn không, tôi có muốn làm nhà văn không, tôi làm được nhà văn không. Có lẽ các bạn cũng nhiều lần đã tự đặt ra những câu hỏi như thế. Và chúng ta cùng trả lời đây; chúng ta đã biết viết, biết đặt câu, biết sắp chữ, có nhiều nhà in, có nhiều báo chí, có nhiều cơ quan phát hành, có nhiều nơi bán sách, và chúng ta không thiếu đề tài, vậy có gì mạo hiểm thử làm nhà văn và sinh thành tác phẩm không, trong tình cảnh và tinh thần của nhà văn Việt nam, như chủ đề số báo này bàn tới.

TẠM KẾT

Nhà văn với nhà văn: một thể hệ trợ vơ, không bàn giao, không chuyển tiếp không mẩu chốt, bởi sự tan hoang của những thể hệ trước. Nhà văn với những hiệp hội và tổ chức văn hóa: một tình trạng suy sụp thảm hại không kém gì các hình thức đảng phái chính trị. Nhà văn trên thang giá trị xã hội: những kẻ lạ mặt giữa mọi giai cấp, giữa mọi tập quán. Nhà văn với quần chúng thường ngoạn: sự cách biệt chồng chất, những chặt đứt chẳng chặt, không kém tình trạng giao thông của đất nước. Nhà văn với chính quyền: những mặc cảm đầy đặc ở cả 2 phía chưa ai dám phá bỏ. Nhà văn với chiến tranh: những kẻ bên lề, ngoài lề. Và sau hết, nhà văn với đề tài và tác phẩm nghĩa là với chính bản thân: một sự tự thẹn. Đó, tình cảnh chung của nhà văn Việt nam trong những năm 1950 và những năm 60.

Trong 20 năm đã qua gần hết đó, nhìn lại kỹ hơn, còn có thể tìm thấy không thiếu những tình cảnh đặc biệt. Sự băng hoại dần của đa số nhà văn đứng

tuổi. Sự đập phá tan tác của lớp nhà văn trẻ hơn. Từ cái chết, nghèo đói bệnh hoạn tàn tạ của một Lê văn Trương, Quách Thoại. Những cái chết, khác vội vã dửng dưng của Trần Như Liên Phụng, Hoài Lữ, những nhà văn nhà thơ chưa kịp hoàn thành mình. Từ những điều gọi ra ấy, cất lên coi, thấy ngay sự bốc hơi quen thuộc của chiến tranh, của nghèo đói, của đốt nát. Tóm lại, của chính đất nước.

Một dân tộc chỉ có số phận mà nó đáng có. Nhiều người đã nói thế. Chúng ta hãy nói thêm: *nhà văn, nhà thơ chỉ có số phận mà dân tộc nó có.* Và trong cảnh chết chóc, tan nát của dân tộc như hiện nay, thật không có gì đáng kêu ca, trách móc, nếu đàn anh của chúng ta tan tác, nếu chúng ta phải căn lấy tốc độ mà đi nếu chúng ta phải sờ soạng, mù lòa mà tìm kiếm, và nếu chúng ta bị bỏ quên ở đây, ở đó.

Trong tình cảnh chung của dân tộc cũng như của văn học nghệ thuật, không ai chối cãi là ngoài những tên ăn cắp, những tên sa địch, vẫn còn những người thực tâm muốn phấn đấu, muốn đổi khác. Phấn đấu đổi khác cho số phận dân tộc, số phận văn học nghệ thuật.

Và vấn đề của văn học nghệ thuật, cũng như của đất nước, như vậy, không phải là làm lơ những tình cảnh chán quá, cũng không phải chỉ than thở đau xót về những tình cảnh ấy, mà là, bắt buộc phải là: can đảm chấp nhận sự thật của những tình cảnh ấy, thấu triệt nó, ý thức về nó, đề vượt lên, đề khắc phục. Đó là ý nghĩa chính của những điều chúng tôi đã sống nghĩ và viết; cho chủ đề số này.

NGUYỄN SA. TRẦN DẠ TỪ
TRẦN ĐỨC UYÊN. PHẠM THÁI THỦY
NGUYỄN HỮU ĐÔNG

THƠ ĐỒ QUÍ TOÀN. VIÊN LINH TRẦN TUẤN KIẾT



THƠ VÌ SỰ CÓ MẶT EM

Anh muốn viết những bài thơ trong đó có em
Có mặt trời đỏ hiện sớm mai
Gió thổi qua run rẩy những biển sóng xanh
Run rẩy bất tận trên hàng cây

Anh muốn viết những bài thơ vì sự có mặt em
Như mặt trời có mặt trong không khí
tạo nên một không gian ấm
đầy hơi thở ánh sáng

Vì sự có mặt em
Nên những tiếng nói mơn mõi trên môi anh
Bỗng trở nên khích động
mới tinh khôi
Nên hành tinh xanh rợp mát bóng cây
thành nơi hẹn về của tưởng nhớ

Anh muốn viết những bài thơ trong đó
Em đi chợ buổi sớm mai
Em đi qua những gian hàng lầy lội
những ồn ào vang động sự sống
chảy ngập đầy huyết quản nhân loại

Anh muốn viết những bài thơ trong đó.
Em im lặng trang trọng
Như đoạn cuối của một bài thánh ca
Đoạn cuối của một bài điệu tang
Đưa hạnh phúc tản mát ngoài không gian

Anh muốn viết những bài thơ trong đó có em
Em bơ vơ như tượng đá trên non cao
Em khổ ải như quê hương
Trơ trọi như thân thể
Đau đớn như bom đạn

Anh muốn viết vì em trong buổi trưa nắng cháy
Trong những chuyến xe công cộng ngắc ngư
Những cơ cực kết tinh thành bụi khói
Vì em trong những đêm khắc khoải
Khi tiếng nổ ùng ùng đại bác liên hồi
Thay mưa nhỏ giọt để cặm canh
Vì em khi những tiếng máy sắt không lồ
Xé rách trời xanh
Em là chim nhỏ bé núp trong cây
Chim chiêm chiêm kêu nào ai nghe thấy

Anh muốn viết về em khi anh đi qua
Những chiều dài thê thảm quê hương
Nơi mỗi ngọn núi xám mỗi lũy tre xiêu
đều rung rung những sợi tóc em
xõa ngất ngư trong gió núi

Anh sẽ hẹn gặp em trong cơn mưa bão
Như giông tố vẫn phủ ngập chúng ta
Hai mươi năm

Hãy mang theo trong hành lý của em
Những xác chết đã gặp
Những người sống đã quên
Những tội lỗi như sâu bọ trong hồn
Những vinh hiển chan hòa như nước mắt

Hãy đốt cháy chàng bằng những khát vọng em
Những giận dữ say mê như vực biển
Hãy thắp sáng chàng bằng nỗi đau khổ
Niềm kiêu hãnh vô biên

Hãy sống sống mãi trên trần gian
Như sông không nguồn luân lưu bất tận
Như trẻ thơ sẽ nở ra đời
Trong một mùa mưa mới
Cùng cây cỏ hồi sinh

Hãy đi qua hết những chặng đường đơn đau
Trên thân thể em và quê hương
Nơi sự sống và sự chết bí hiểm
Vẫn dừng cảm tiếp diễn

Đêm sẽ xuống đêm xóa nhòa chúng ta
Xóa nhòa những nét mặt linh động
Những chớp mắt và mỉm cười

Đêm sẽ xuống đêm xóa nhòa
Những thì thầm vắng lặng

• dĩ quý toàn

SINH THỜI

Tôi nhìn thấy tôi đi
Đúng giờ chuông báo chết
Tay mang theo vốn đời
Tôi từ đây khánh kiệt

Kể vắng mặt hôm nay
Lúc sinh thời có đó
Tuy dấu vết mỗi ngày
Phai nét cùng bia mộ

Ai cúi xuống nhìn tôi
Chân tay như đã thú
Địa phủ cũng làm người
Lia đời tôi vẫn sợ

Sống như loài bò sát
Nhìn lệch hướng thiên đường
Niềm vui tôi dấu thấp
Nhưng lưng vốn nằm ngang

Vậy mỗi khối thịt xương
Mấy linh hồn ẩn trú
Chuông lễ đã reo inh
Hồn cúi và thân lú

Tôi vừa kể quãng đời
Một người khi đã chết
Nhưng có khác gì tôi
Khác gì anh đối lốt.

● viên linh

ĐOẢN CA MỘT ĐÊM

Khi ta mở bừng mắt dậy khu rừng đêm và tiếng động âm u vừa biến mất.
Chưa biết gì ta thở phào bằng hơi mát trong buổi sớm tinh khiết. Bên tai ta
tiếng sóng vỗ long bong xô đẩy nỗi buồn ngàn năm cùng giấc ngủ miên man.
Ta nghe mơ hồ vẳng đưa tiếng hát lão chài vói bầy cá ngoài khơi. Ôi tiếng sóng
thăm lan ra mây nổi lan ra trong không gian khác muôn ngàn tình tú khổ sầu.
Nở nụ cười trẻ thơ bên cạnh hoa búp đỏ. Rồi từ đó bên giàn hoa lửa, ta và
đàn chiên con nhảy múa trên đồng cỏ thanh xuân.

Vị thần sông một ngày giông tố theo gót chân ta vẽ thành những giông rạch
trong ngàn như bóng gương bên cánh đồng xanh đỏ.
Làn nước trong sạch nuôi đời đời đàn bò con và loài người bên bờ Cửu Long
Chúng bạn ta đàn tiên đồng nhỏ bắt đầu hiểu mình là dân nước Việt.
Bờ Cửu Long hiểu mình đã băng qua hải đảo thần tiên này và uốn khúc hình
rồng. Một nguồn suối đỏ xuống tự trời cao, đỏ xuống muôn nghìn năm, đỏ
xuống đầy tràn trên bờ Cửu Long Giang.

Buổi chiều có sấm sét, đó là lời chúc tụng ngày sinh nhật của ta.
Ban đêm có mưa gió là những điệu vũ về giáo dục khổ đau
Trời và đất đã một lần giao hợp mây đã vẽ núi rừng cuồng phong và thác đổ
Ôi những mùa xuân thanh bình báo hiệu bão giông phần nộ
Ta mang lũ trẻ thơ đi dài theo bờ Cửu Long Giang đến một ghềnh đất lở
Nhìn ra khơi lão chài của tuổi thơ đã biến mất
Giàn hoa đẹp tan nhòa trong sương khói mùa thu.
Con chim én không bay về đỗ trên sông này nữa.
Những bà mẹ phơi lưng trần trên giàn hoa gai lửa, nhìn đàn con rồi ngửa cổ
mong trời.

Hãy dọn cho ta một cỗ bàn đầy mật rắn, hãy hát cho ta những lời sấm sét
hãy vỗ tay vang rền âm hưởng thần linh.
Vị thần có vuốt nanh của đàn voi già, có tình yêu của đàn quạ khoang, có
tiếng đùa reo của bão tố ngoài bể cả, có bàn tay hái được sao bắc đầu đem
nhập cùng chuỗi Nam Tào rồi kết vòng bạch ngọc đeo vào cườm căng trẻ thơ
Hãy đàn hát và dâng rượu hời Sơn tinh vẽ thành tranh thủy mặc vơi sông núi
muôn trùng.
Mùa hạ mùa đông hãy mang loài sơn dương kéo đàn xe tuyết trắng về ăn tiệc
mùa thu.
Cây bàng cổ sơ rỏ từng giọt thất huyền trên phim đá xanh của người đạo sĩ già
Ta đã nghe tất cả. Ta đã thấy trong đêm này tất cả. Và sao ta cũng tê điên hồn
phách này, vô nghĩa

Ở trong trăng sao có tiếng vân thạch rơi khiến loài trùng hoang lo âu dưới lòng đất nê.

Bên bờ Cửu Long Giang sóng giăng muôn trùng.

Ta với đàn chiên bé ngồi ung dung

Đàn hát vừa nầy bậc. Những thế kỷ vừa sủi bọt mù tằm

Ta gọi một tiếng : hỡi người thân yêu.

Hỡi cỏ cây hỡi sinh vật cùng ta đang sống

Hãy ném đá. Hãy ngắt hoa. Hãy lửa hương khói ra khơi một lần.

Hãy ra khơi với thần Hercule đi tìm mê cung

Hãy ra khơi với loài thủy quái hợp xương người trên bờ sông vắng vẻ.

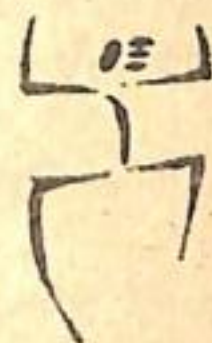
Và đàn chiên của ta sẽ quý đây khăn nguyện.

Quý đây như tượng đá khô dần. Quý đây để nhật nguyệt soi quanh ngày tháng.

Đề bày gương mặt trần gian với đêm dài ngo ngác. Ôi, một đêm vô tận của đời ta.

● *trần tuấn kiệt*

BUỒN RẦU VÀ CẢNH VẬT



NGUYỄN NGHIỆP NHƯỠNG

Bãi cát không rõ các hình thù. Ở xa, một ít ánh sáng rải rác. Tiếng động ỉ ầm như thể có những đàn máy không lồ và tốt chạy dai dẳng đầu đó. Luồng bụi mỏng dần dần tan trong đó và trên đường nhựa có hai ba người đi chậm chậm, một kẻ huýt sáo điệu nhạc nào, lơ lơ và thiếu hơi. Con đường ở giữa bãi cát và những cây cối xanh đen ven bờ biển. Gió thổi nhẹ, mùi bùn theo đó thoang thoang. Trong cái chòi dựng kế đường lộ, bằng tôn và các thanh sắt, một người đàn ông và một người đàn bà đang ngồi. Họ đứng lên, người đàn bà cười khúc khích đi xuống bãi cỏ ngồi, mặt hướng về phía bãi cát. Bọn người đi trên đường dừng lại trước cái chòi, một người rẽ vào ngồi trên chiếc ghế độc nhất, hai người tiếp tục bước. Tiếng huýt sáo miệng của một trong hai người tiếp tục vang lên lơ lơ.

Người đàn bà, nghiêng sang phía người đàn ông, một tay giữ trước ngực cho mái tóc khỏi xỏa xuống, nói nhỏ nhỏ :
— Anh ta ngồi che mắt cái cây của em.
Người đàn ông cũng nói nhỏ nhỏ :

— Ừ. Trời có vẻ tối tăm quá. Anh thấy cây nghiêng như sắp gãy vậy. Cái cây đổ quá. Người đàn ông quay sang hai bên, như thể chờ đợi gì đó. Diều thuốc của anh lóe sáng, tàn lửa dài. Mặt anh gầy xương, lông mày và tóc rậm rịt.

Người đàn bà nói :

— Ở đây rộng thật. Đi bộ chắc phải mất lâu lắm anh nhỉ ? Em chưa hề tới một vùng có khung cảnh bao la như vùng này.

Người đàn ông ừ ừ.

— Em thấy ở đây mình rộng rãi hẳn ra. Không ai làm rộn mình hết.

Người đàn ông cười phì :

— Em thật trẻ con. Bãi cát này đâu có rộng. Em thử lấy xe đạp chạy coi. Một giờ là hết đất.

— Tự dưng em có cảm tưởng mai mốt mình phải đi vào bãi cát này.

Người đàn ông cười. Anh đặt tay lên vai nàng. Anh đặt yên rồi vuốt ve chậm rãi. Đôi lúc anh bóp bóp như để nắn xem vai nàng thật nhiều ít.

— Yêu em quá. Yêu em quá. Không lúc nào em yên thân được. Thương em quá. Nàng không nói gì rồi bất thình lình hỏi :

— Anh ta ngồi đó làm gì anh ?

— Ai ? Người đó hả ? Anh làm sao biết.

— Nhột em. Anh ta ngồi như nhọc lắm vậy. Chắc vừa ở trong mấy cái nhà máy đó ra.

— Không phải nhà máy. Người ta đang xây nhà thì có. Tiếng ỉ ỉ em nghe đó là tiếng xe chở gạch.

— Anh biết hả ?

— Biết. Hồi sáng, anh lấy ống nhòm coi rồi.

— Sao anh không cho em coi với. Có gì hay không anh ?

— Không. Chỗ cách mình bốn năm cây số có một công trường đang xây dở.

đang. Chung quanh có nhiều xe sắp hàng.

Anh đưa tay chỉ một hướng trong bãi cát :
— Xa hơn có một cái sân máy bay đấy. Anh thấy một chiếc máy bay nhỏ sơn đỏ.

Anh chỉ sang chỗ khác :

— Chỗ này không có gì. Hình như chỉ có một lối mòn. Chỉ có vài ba tốp những người đi. Họ đi vào phía núi.

— Thế mà anh nói đi xe hơi. Phải đi bộ. Anh này, anh có nhìn ra biển không ?

— Biển thì có gì. Có nhìn. Có nhìn. Không có gì. Anh thấy cái tàu thủy ở xa lắm. Nhưng mà nó cũng chạy mất rồi chứ.

Lúc này người đàn ông ngồi trong chòi đang ngả lưng trên thành ghế, hai tay duỗi thẳng ôm lấy mép gỗ, mặt hướng về phía những người bạn của anh vừa đi. Lát sau, anh lúi lúi trong túi áo ra một bộ râu gắn vào tai. Bộ râu quai nón tua tủa đen rậm. Anh hơi hất cằm lên như thể đang soi gương. Anh lại lúi lúi trong túi áo ra một con vật nhỏ. Con vật kêu meo meo yếu ớt.

Một người từ phía xa đi tới rẽ vào chòi. Anh, không nói gì ngồi cạnh người đàn

ông và dơ tay bắt. Hai cánh tay đều có vẻ uể oải ít linh động.

Người mang râu quai nón cúi xuống đất thả con mèo, con vật đi ngược ngắc. Anh nắm tai nó xách lên rồi để xuống, rồi lại xách lên. Anh cọ bộ râu vào mõm con mèo. Đột nhiên, trong khoảng im lặng. Anh cất tiếng cười hả hả. Anh cong bàn tay trái vuốt bộ râu quai nón và dừng lại dưới cằm.

Người đàn bà đứng dậy nói :

— Thôi anh đi đi. Tới giờ rồi.

— Ừ. Để anh tới đó rồi về đón em.

Trong chòi bây giờ có thêm người đàn bà. Nàng ngồi ở một đầu ghế không nói gì, mặt hướng về bãi cát, hai đầu gối hơi chụm lại, tay đặt lên đùi. Một chiếc xe ba bánh chạy rề rề lóc cóc có lẽ vì không chở gì nặng.

Hai người đàn ông nói chuyện vừa đủ nghe nhưng không có gì tâm sự hoặc bí mật. Người râu quai nón hai tay ôm con mèo con, nghịch với cái đầu của nó và thỉnh thoảng nhìn về phía người đàn bà. Trong những lúc như thế, mắt anh như thể mình mộng hơn, nhưng mặt anh không thay đổi gì. Câu chuyện giữa hai người đều đặn một lúc rồi bỗng một người như biến mất. Anh quay cái đầu, bộ râu quai nón hất tới phía trước nói với người đàn bà :

— Cô thấy đó không ai nhận ra tôi hết.

Nàng đáp lại bằng một nụ cười mỉm, có vẻ lơ đãng nhưng không lạnh lùng lắm, người hơi quay lại một chút về kẻ đối thoại :

— Hẳn tưởng tôi mới tới vùng này kiếm việc làm hay mới tới làm ăn. Ủa cô cũng mới tới sao ?

— Dạ, vâng.

— Đúng lắm. Cô thấy không, tôi đeo bộ râu giả mà không ai biết.

Người đàn bà cười nhẹ, nói :

— Tôi thấy lúc này ông mang ra đeo.

— Cô thì không kê — Anh đưa tay gỡ một cái móc ở tai phải và kéo cái râu quai nón xuống. — Tôi đang bôi thuốc cho mọc thật nhưng chưa được tốt.

— Ông thích như thế lắm nhỉ.

— Cũng hơi hơi thích. Nhưng mà, cũng vì một chuyện khác.

Người đàn ông không có râu quai nón chợt ho một tiếng đứng dậy, bước ra đường lộ và huýt sáo. Anh đứng nhìn dõi xuống đầu đường phía nam, quần áo bay lật phật. Một lát anh đi chậm chậm.

— Cô ngồi đây chờ ông bạn về phải không ?

— Phải ạ. Nhưng sao ông biết chỉ là bạn ? Chúng tôi sắp kết hôn.

— Tôi đoán thế. Hóa ra sai bét. Cô đừng giận. Để tôi kể tiếp cho cô nghe về bộ râu.

Nàng cười nhẹ một cái nói :

— Tức cười thật.

— A. Tức cười lắm. Sau khi tôi bôi thuốc được gần một tháng, tự nhiên tôi thấy buồn bã lạ lùng — Anh đeo cái móc thép trở lại vành tai, bỏ tay xuống giữ con mèo — Mỗi ngày tôi soi gương nhiều bận xem thuốc công hiệu thế nào. Tôi muốn không ai nhận ra tôi nữa hết.

— Có được không ?

— Tôi không đi ra ngoài bao giờ. Trong gần một tháng, tôi rút trong phòng kín, thỉnh thoảng buổi tối tôi đạp xe ra chợ uống rượu và hút thuốc.

— Có ai nhận ra ông không ?

— Tôi đeo râu này chứ. Không ai nhận ra hết. Tôi còn mang kính đen nữa cái to, che gần một phần năm khuôn mặt — Anh lấy trong túi ra cái bao kính mở bao và lấy kính đeo — Cô thấy không, lạ hẳn đi.

— Mặt anh trở thành vuông và ngắn nhiều.

— Đó, cô thấy không. Không ai nhận ra tôi hết.

Nàng ngó anh và cười nhẹ nhẹ. Anh cũng cười nói tiếp :

— Có một hôm cầm chai thuốc, định bôi luôn lên cả trán với má. Hả hả, như vậy tôi thành con khỉ đột mất.

— Như vậy ông làm sao mà đi làm được. Ai cũng sợ ông hết.

— Phải đó. Chỉ có nước vào trong bãi cát làm phu xúc đất. Tôi định mai mốt thì khởi hành.

— Ông làm như phải đi lâu lắm vậy.

— Cô tưởng gần sao ? Năm chục cây số là ít. Những cái ở phía ngoài thì không kể.

— Hồi này... Tôi nghe nói... Chỉ có bốn năm cây số...
Người đàn ông cười lớn :

— Tôi chỗ ấy thì không đi đâu hết. Bãi cát này rộng lắm. Cô thử tưởng tượng như một cái sa mạc. Hà, không ai nhận ra tôi hết.

— Nhưng tại sao ông cứ muốn như vậy ?

— Tôi đã nói. Có một chuyện. Tôi thích thế. Cô thấy không, bãi cát thật rộng vào đó như là một hành tinh khác.

Anh cúi xuống vuốt đầu con mèo. Con vật nhỏ bé nhúc nhích kêu yếu ớt mấy tiếng. Trong tay anh con vật không ra hình thù gì, hơn nữa nó còn nhỏ quá, lông tơ xù và lởm chởm. Anh đặt nó một cách gượng nhẹ xuống đất.

— Nó có vẻ đói bụng. Nhưng tôi chưa đi xuống chợ được,
Người đàn bà không nhìn anh. Nàng đang nhìn con mèo nhỏ, miệng hơi hơi cười. Hai tay nàng vẫn đề trên đùi.

— Cô thích nuôi không ?

Nàng đáp « thích lắm ». Con vật nhỏ bây giờ đang bò im lặng ra khỏi nền xi măng, ra mặt đường. « Ấy chết nó chạy mất ». Người đàn ông đáp :

— Không sao. Nó không đi nhanh đâu — Anh nhìn theo con vật lúc này đang

đi ngúc ngắc sang gần bên kia mé lộ giáp với bãi cát — Đề cho nó đi chơi một chút cho giãn gân cốt — Anh chợt nhìn vào mặt nàng và nói :

— Nom cô không thấy thích nuôi mèo.

Nàng nhìn lại anh một giây, im lặng và cúi xuống đất.

— Mà không sao. Hà, bây giờ nó đang vào bãi cát xa kia thì khó tìm lắm.

Đột nhiên người đàn ông kia nín bặt. Anh nhìn khuôn mặt nàng hình như đắm nước mắt. Anh giơ tay về phía nàng. Tiếng người đàn bà đứt quãng với những tiếng khóc trong cổ :

— Anh đem em vào bãi cát đi. Mai anh đem em vào bãi cát đi.

Anh buông nàng ra và đứng dậy. Con mèo đã mất trong những mô cát. Anh kêu meo meo và chạy sang bên kia đường. « Meo meo, đâu con ? »

Trong chòi bây giờ chỉ còn một mình nàng. Nàng bưng mắt, nước mắt khóc.

Bóng người đàn ông in rõ trên bãi cát. Anh cúi lom khom đi từ chỗ này sang chỗ khác miệng kêu meo meo. Đôi lúc anh có vẻ như thôi tìm kiếm, đứng thẳng người nhìn về phía cái chòi, nhưng rồi anh tiếp tục cúi đầu kêu meo meo. Bộ râu quai nón của anh đen đậm rất rõ trên khuôn mặt, và lúc này anh đã tháo cái kính đen xuống.

Đột nhiên anh kêu « Á » hai tay cử động, chạy nhanh vào cái, chòi anh ngồi xuống chiếc ghế cạnh người đàn bà thở hổn hển.

Nàng nói : « Tìm được chưa » nhưng nàng hét lên một tiếng đứng bật dậy từ tay người đàn ông, một vật lòng thông và đen đột nhiên phóng xuống đất, chui qua các cây cỏ thấp, như sợi chỉ và mất hút. Anh phều phào nói :

— Con rắn. Cứu tôi.

Anh giơ một tay lên cao, tay kia kéo mạnh đứt khuy áo rồi bỏ xuống. Anh giật cái khăn trên tay người đàn bà quấn một vòng trên cánh tay gần vai.

— Siết lại. Cột cho mau giùm tôi.

Nàng đã đứng trước mặt anh, vẻ sợ hãi đã hết, nàng cầm hai chéo vải xoắn lại rồi ghệt mạnh. Nàng xoắn thêm một vòng nữa. Người anh mềm lả. Chỗ cổ tay sưng vù và đen. Anh thở khó nhọc nằm xuống ghế trong tay đỡ của nàng. Khi nàng nói : « Có đau không anh », anh đã mê man.

— Có ai đó không — nàng kêu lớn ngó từ phía — Có người chết. Có người bị rắn cắn chết. Cứu tôi với.

Tiếng nàng thật lớn, vang động cùng khắp. Chung quanh vắng ngắt, bãi cát rộng lớn mờ trước mặt vẫn những tiếng động ỉ ỉ phía trong xa, con đường nhựa đen cong ở hai phía cũng không có một ánh đèn xe hơi nào. Nàng ngó thân thể thiêm thiếp của anh rồi lại nhìn từ phía.

Một tiếng động kéo dài phía xa. Nàng lắng tai nghe rồi chạy ra đường lộ.

— Có người gần chết.

— Em nói gì thế ? Ai chết ?

— Tức cười thật.

— A. Tức cười lắm. Sau khi tôi bôi thuốc được gần một tháng, tự nhiên tôi thấy buồn bã lạ lùng — Anh đeo cái móc thép trở lại vành tai, bỏ tay xuống giữ con mèo — Mỗi ngày tôi soi gương nhiều bận xem thuốc công hiệu thế nào. Tôi muốn không ai nhận ra tôi nữa hết.

— Có được không ?

— Tôi không đi ra ngoài bao giờ. Trong gần một tháng, tôi rút trong phòng kín, thỉnh thoảng buổi tối tôi đạp xe ra chợ uống rượu và hút thuốc.

— Có ai nhận ra ông không ?

— Tôi đeo râu này chứ. Không ai nhận ra hết. Tôi còn mang kính đen nữa cái to, che gần một phần năm khuôn mặt — Anh lấy trong túi ra cái bao kính mở bao và lấy kính đeo — Cô thấy không, lạ hẳn đi.

— Mặt anh trở thành vuông và ngắn nhiều.

— Đó, cô thấy không. Không ai nhận ra tôi hết.

Nàng ngó anh và cười nhẹ nhẹ. Anh cũng cười nói tiếp :

— Có một hôm cầm chai thuốc, định bôi luôn lên cả trán với má. Hả hả, như vậy tôi thành con khỉ đột mất.

— Như vậy ông làm sao mà đi làm được. Ai cũng sợ ông hết.

— Phải đó. Chỉ có nước vào trong bãi cát làm phu xúc đất. Tôi định mai mốt thì khởi hành.

— Ông làm như phải đi lâu lắm vậy.

— Cô tưởng gần sao ? Năm chục cây số là ít. Những cái ở phía ngoài thì không

kề.

— Hồi này... Tôi nghe nói... Chỉ có bốn năm cây số... Người đàn ông cười lớn :

— Tôi chỗ ấy thì không đi đâu hết. Bãi cát này rộng lắm. Cô thử trông tượng như một cái sa mạc. Hà, không ai nhận ra tôi hết.

— Nhưng tại sao ông cứ muốn như vậy ?

— Tôi đã nói. Có một chuyện. Tôi thích thế. Cô thấy không, bãi cát thật rộng vào đó như là một hành tinh khác.

Anh cúi xuống vuốt đầu con mèo. Con vật nhỏ bé nhúc nhích kêu yếu ớt mấy tiếng. Trong tay anh con vật không ra hình thù gì, hơn nữa nó còn nhỏ quá, lông tơ xù và lởm chởm. Anh đặt nó một cách gượng nhẹ xuống đất.

— Nó có vẻ đói bụng. Nhưng tôi chưa đi xuống chợ được. Người đàn bà không nhìn anh. Nàng đang nhìn con mèo nhỏ, miệng hơi hơi cười. Hai tay nàng vẫn để trên đùi.

— Cô thích nuôi không ?

Nàng đáp « thích lắm ». Con vật nhỏ bây giờ đang bò im lặng ra khỏi nền xi măng, ra mặt đường. « Ấy chết nó chạy mất ». Người đàn ông đáp : « Hồi nãy xi

— Không sao. Nó không đi nhanh đâu — Anh nhìn theo con vật lúc này đang

đi ngúc ngoắc sang gần bên kia mé lộ giáp với bãi cát — Đề cho nó đi chơi một chút cho giãn gân cốt — Anh chợt nhìn vào mặt nàng và nói :

— Nom cô không thấy thích nuôi mèo.

Nàng nhìn lại anh một giây, im lặng và cúi xuống đất.

— Mà không sao. Hà, bây giờ nó đang vào bãi cát xa kia thì khó tìm lắm.

Đột nhiên người đàn ông kia nín bật. Anh nhìn khuôn mặt nàng hình như đắm nước mắt. Anh giơ tay về phía nàng. Tiếng người đàn bà đứt quãng với những tiếng khóc trong cổ :

— Anh đem em vào bãi cát đi. Mai anh đem em vào bãi cát đi.

Anh buông nàng ra và đứng dậy. Con mèo đã mất trong những mô cát. Anh kêu meo meo và chạy sang bên kia đường. « Meo meo, đâu con ? »

Trong chòi bây giờ chỉ còn một mình nàng. Nàng bưng mắt, nước mắt khóc.

Bóng người đàn ông in rõ trên bãi cát. Anh cúi lom khom đi từ chỗ này sang chỗ khác miệng kêu meo meo. Đôi lúc anh có vẻ như thôi tìm kiếm, đứng thẳng người nhìn về phía cái chòi, nhưng rồi anh tiếp tục cúi đầu kêu meo meo. Bộ râu quai nón của anh đen đậm rất rõ trên khuôn mặt, và lúc này anh đã tháo cái kính đen xuống.

Đột nhiên anh kêu « Á » hai tay cử động, chạy nhanh vào cái chòi, anh ngồi xuống chiếc ghế cạnh người đàn bà thở hồn hển.

Nàng nói : « Tim được chưa » nhưng nàng hét lên một tiếng đứng bật dậy. Từ tay người đàn ông, một vật lòng thông và đen đột nhiên phóng xuống đất, chui qua các cây cỏ thấp, như sợi chỉ và mất hút. Anh phều phào nói :

— Con rắn. Cứu tôi.

Anh giơ một tay lên cao, tay kia kéo mạnh đứt khuy áo rồi bỏ xuống. Anh giật cái khăn trên tay người đàn bà quấn một vòng trên cánh tay gần vai.

— Siết lại. Cột cho mau giùm tôi.

Nàng đã đứng trước mặt anh, vẻ sợ hãi đã hết, nàng cầm hai chéo vải xoắn lại rồi ghệt mạnh. Nàng xoắn thêm một vòng nữa. Người anh mềm lả, Chỗ cổ tay sưng vù và đen. Anh thở khó nhọc nằm xuống ghế trong tay đỡ của nàng. Khi nàng nói : « Có đau không anh », anh đã mê man.

— Có ai đó không — nàng kêu lớn ngó từ phía — Có người chết. Có người bị rắn cắn chết. Cứu tôi với.

Tiếng nàng thật lớn, vang động cùng khắp. Chung quanh vắng ngắt, bãi cát rộng lơ mơ trước mặt vẫn những tiếng động li ti phía trong xa, con đường nhựa đen cong ở hai phía cũng không có một ánh đèn xe hơi nào. Nàng ngó thân thể thiêm thiếp của anh rồi lại nhìn tứ phía.

Một tiếng động kéo dài phía xa. Nàng lắng tai nghe rồi chạy ra đường lộ.

Người đàn ông trở lại với cái xe mô tô nổ ầm ầm. Nàng hét lớn :

— Có người gần chết.

— Em nói gì thế ? Ai chết ?

— Người lúc nãy đó. Hắn bị rấn cần,
Người đàn ông hỏi và xuống xe, gạt mạnh cái cần chống. Họ chạy vào chòi
trong tiếng nổ âm ỉ của cái xe mô tô.

— Em buộc nút cho anh ta rồi.

— Cột rồi sao lại chết được.

Người đàn ông loay hoay cúi xuống, cầm bàn tay của cái xác người nghe ngóng
rồi ghé tai lên ngực.

— Chưa có chết.

Nàng đặt tay lên mũi người nằm và nói:

— Rồi làm sao đây anh?

— Để anh chở xuống phố.

Họ khiêng cái xác người ra đường, đặt ngồi lên yên sau rồi người đàn ông trèo
tay vừa giữ vừa trèo lên xe.

— Rút hai cái thắt lưng của anh với hắn nối lại đi.

Người đàn bà yên lặng làm theo lời nhưng chậm chạp. Cuối cùng nàng cũng
nối được.

— Quàng sau lưng hắn rồi đưa anh hai đầu mối.

Nàng yên lặng quàng.

— Giữ hắn một tay, anh cột.

Cái xác người bị ghệt mạnh, chúi về phía trước, đụng vào lưng và gáy người
đàn ông.

— Sợ đồ mất nhưng cứ thử coi. Em chờ anh trở lại nghe.

Tiếng máy nổ mạnh hơn, cái xe từ từ chạy. Cái xác người phía sau gục đầu
và hơi lắc lư nhưng không thấy rớt. Ánh đèn đỏ chói hắt xuống mặt đường và
một khoảng mông đít của anh.

Nàng đứng yên lặng nhìn theo, chớp sau trở vào chòi ngồi. Ban đêm vắng vẻ,
bãi cát rộng rinh, ánh sáng lơ lửng và nhỏ. Đường lộ trở lại yên tĩnh không còn
vang tiếng máy nữa. Nàng ngồi ngã vào thành ghế, hai tay đặt ngang như cái
thập ác.

Bên mép lộ, phía bãi cát, con vật nhỏ đang tìm đường trở lại, nó kêu meo meo
yếu ớt. Hình như nó muốn sang phía cái chòi nhưng lại, bò tới rồi lùi về phía sau.

Nàng mở mắt nhìn con mèo nhưng bất động.

Con vật im lặng một lúc rồi lại kêu: meo meo. Tiếng nó khản và rè, càng thêm
yếu ớt. Bây giờ nó kêu ẹ ẹ. Nàng nhắm mắt và ngã hẳn đầu trên thành gỗ, thở dài

● *nguyên nghiệp nhượng*

ĐÁM TANG CÁ VOI



TRUYỆN DÀI NHẢ CA

Đoàng. Đoàng. Đoàng.

Con ngựa già chồm tới phía trước. Ba tiếng súng vang dội từ phía rừng dương.
Lão xà ích gõ cương. Chuyển xe lắc mạnh rồi dừng hẳn. Mấy người đàn bà
ngả nghiêng dựa vào nhau. Vai Tinh cũng nặng trĩu. Một người đàn bà
địa phương xô vào Tinh, làm nàng muốn ngã chúi.

— Cái chi rứa? Cái chi rứa?

— Cái chi mà tổn thần rứa.

— Chắc mấy ông Việt Cộng chờ ai.

— Cộng mô mà Cộng vô đây. Ông Phó Tổng bắn chim đó. Chi mà náo lên rứa
bà con.

Lão xà ích vừa nói vừa cầu nhàu. Lão phất ngọn roi về phía rừng
dương chửi tục rồi quay roi nhip vào lưng con ngựa già. Như còn sống sờ với
mấy tiếng súng bất ngờ, con ngựa bước đi chậm hơn trước. Rừng dương vẫn
trùng điệp vắng lặng, ngoài tiếng gió và những đợt dương đưa đưa, rạp theo
một chiều lên cao, như mặt phẳng của một ruộng lúa. Ngọn gió thổi hắt từ

phía đầu xe, mùi mồ hôi, mùi thuốc cầm lệ sặc vào mũi Tình, làm nàng muốn nôn thốc. Lão xà ích đang phi phà một chiếc thuốc cuốn to bằng ngón chân cái. Mùi thuốc làm chị đàn bà ngồi trước mặt Tình nhảy mũi liên hồi. Lão xà ích không quay lại nhưng lão cười khi khi đắc chí. Lão ngồi ngó mặt về phía trước, tay cầm roi nhịp theo tiếng chân ngựa bước và tiếng biển thổi trên đọt dương. Thật không tưởng tượng nổi lúc này Tình đang ngồi trên chuyến xe này.

Khoảng chừng hơn tiếng đồng hồ trước đây, một chuyến xe đồ từ Huế chạy về Tân Mỹ, Cồn Cỏ, đã thả Tình xuống một con lộ nhỏ. Con lộ, phải gọi là đập thì đúng hơn, bằng đất và đá xây, hai bên là nước xấp. Đây là vùng chi bác tài? Mú Đập đó, cô. Giữa cảnh hiu vắng ấy, rồi chuyến xe đồ bước xuống đường, Tình như người đang rơi xuống một khoảng không mênh mông, bát ngát, không có gì đón đỡ nàng cả. Người tài xế thả chiếc va ly của Tình xuống mé đường, rồi chỉ tay nói thêm với Tình: Đó, cô cứ bắt cái đập nì ma đi, xuống tới cột giây thép múi Đập đó mà đợi đồ sang bên kia cửa Thuận. Cái cột giây thép cao ngất đó, đây nì, cô nhìn theo tay tui nì. Cô thuê đồ riêng hay đợi đồ chuyển. Sang tới bên nờ còn đi dọc theo đê mới mới tới Eo. Ở đó buồn lắm cô xuống mần chi? Tình không trả lời và cũng không biết trả lời thế nào. Tình xuống đây làm gì? Trong lúc đứng trước đồng ruộng xanh hiu vắng Tình chỉ thấy độc một nỗi cô đơn bao la của mình. Một cuộc chạy trốn hay một cuộc bắt đầu? Không. Tình chỉ thấy mệt mỏi, thật mệt mỏi... Câu nói của Hữu như một nhát chém: Không thể làm thế nào khác được, khi yêu em anh không dấu anh đã có gia đình... anh thật vậy, bây giờ em xử thế nào anh cũng chịu... Nhưng Tình không xử thế nào hết. Tình tìm tới Tuấn, một bạn cũ, một người lúc nào cũng muốn cao thượng chỉ làm anh tình thần của Tình thôi. Tình nói: Anh có thể thu xếp cho tôi một việc làm không, thật xa, càng xa càng tốt. Được, nhưng tại sao phải xa thành phố - Tại tôi chán ở đây. - Mà tại sao lại chán ở đây? Tuấn vừa cười vừa hỏi lại ngờ vực. Tình muốn khóc: Chuyện đứng đắn mà anh... Cuối cùng Tuấn đưa nhiều đề nghị, nhiều việc làm, nhưng Tình đã bật reo lên khi nghe tới làng Hòa Duân: Hòa Duân được, Hòa Duân, tôi thích lắm. - Nhưng cô nhớ ở đây là vùng biên quê, không phải như Sầm Sơn hay Đồ Sơn đề cô tìm những chàng Vội đâu. - Bên cạnh tốt, tôi thích lắm. Thế nào tôi cũng tìm ra một anh chàng Vội cho anh coi. Tuấn thâm trầm: Tình về đó bao giờ thấy chán cứ biên thư cho tôi, tôi đưa về ngay. Bỏ đi là tại Hữu phải không? Tình cười: Hữu, đừng nhắc nữa. Một tuần lễ sau Tuấn đưa Tình ra xe với một bao thư giới thiệu: Thư này Tình bỏ vào xác dưới, tên Phó Tổng ở đó là quan, nhưng dưới quyền tôi. Tình bỏ xác chiếc xác của Hữu tặng nàng trong một buổi sinh nhật, bấy giờ chỉ còn là kỷ niệm.

Và rồi Tình qua phò, phò Tam giang... Thương em anh cũng muốn về, sợ chuông nhà Hò, sợ phò Tam giang. Phò Tam giang bao giờ mới cạn?.. Anh thương nàng

anh thương nàng...anh thương nàng...Chuyến xe ngựa đang mãi miết băng qua một rừng dương. Sau khi giật mình vì mấy tiếng súng lẻ, con ngựa già đã bình tĩnh, trở lại cái bồn phận lóc cóc của nó. Nhưng Tình thì không. Tiếng súng đó như vừa thức tỉnh lòng Tình, nàng mơ hồ thấy mình đại đột: nàng đang đi dần tới một đời sống thật xa lạ. Tiếng súng cũng bất chợt nhắc tới Tình bao nhiêu chuyện, nào tản cư, nào chạy loạn. Nhưng Tình vẫn bưng bình. Mặc nó, sống hay chết cũng vậy, sống không dễ mà chết cũng không dễ Tình nhủ thầm, và để tự trấn an, nàng khoanh tay trước ngực, nhìn ngắm phong cảnh... Xe vẫn chưa ra khỏi rừng dương, trời bỗng dịu lại và thật mát. Bây giờ chuyến xe đã lọt vào giữa rừng dương, bãi cát dài tri kéo làm con ngựa hết sức vất vả. Những đọt dương liễu non rạt hai bên thành xe, quệt vào cả mặt Tình khi mon man, khi rạt bỗng. Tình đưa tay ngắt một đọt dương bỏ vào miệng nhai cho đỡ buồn. Mấy người đàn bà trên xe lại chuyện như pháo nổ. Tiếng nói của họ thật khó nghe. Nhưng Tình đã thấy rõ rồi nàng cũng sẽ phải quen phải sống, phải sống với họ như họ, Tình góp chuyện:

- Gần tới chưa thím?
 - Tới mô?
 - Làng Hòa Duân.
 - Tui tui về Hòa Duân đi nì, ti nữa tới.
- Tình chỉ tay:
- Chắc ở sau lùm dương kia phải không thím?
 - Sau nờ rồi còn dọc xuống nữa chơ.
- Tình lại hỏi:
- Hồi nãy qua phá Tam Giang, chỗ tôi lên xe ngựa tên là gì?
 - Cửa Thuận, trên đó vui ghê rửa thê. Kỳ nghỉ ba căng người trên phố về tắm chặt nich.
 - Cửa Thuận có chi đặc biệt không?
 - Tui ít khi lên trên, tui chỉ vô tới cầu Thương Cuộc rồi ra, có bà con ở đó. Cầu Thương Cuộc, cái tên tình tứ đó làm Tình xúc động. Phá Tam Giang, cầu Thương Cuộc, Cửa Thuận, Hòa Duân, tất cả đều lạ hoắc.
- Im lặng một lát, chị đàn bà lại hỏi:
- Cô về Eo mần chi rửa?
 - Không, tôi về Hòa Duân mà.
 - Thì làng Hòa Duân là làng Eo đó chơ chi nữa...
 - Thì làng Hòa Duân là làng Eo đó chơ chi nữa...
 - Đang buồn, Tình cũng phải mỉm cười:
 - Vậy hả, tôi không biết. Tôi về dưới thăm bà con.
 - Chị đàn bà nhìn Tình thật thà:
 - Có về thăm ông phó Tổng?
 - Không.
 - Rửa thì chắc thầy ký Minh?
 - Không phải. Tình nói dối, một người bà con khác..

Lão Xà Ích nói:

— Tui ở đây mà chi mô không biết.

Tình lắng sang chuyện khác:

— Dưới có yên không thím.

— Yên chớ, ai mần nấy ăn... Cô về dưới lâu không?

— Tôi chưa biết thím ạ.

Chị đàn bà mở cái kim găm trên túi áo, lôi ra mấy lá thuốc. Chị trải và vuốt thẳng từng lá rồi cuốn hút. Mùi khói làm Tình ho sặc sụa, chị ta vội vàng phân trần.

— Tui quên, cô ngồi dang mặt ra tề đi.

Lão đánh xe lại cần nhẩn:

— Con mẹ Mùi hút thuốc hết cả tiền bán cá, hèn chi tối nào hai vợ chồng bày cũng cãi nhau om chòm om xóm. Tồ cha bày.

— Can chi lão già khỉ rừa hề, già rồi mà nhiều chuyện rừa...

Lão xà ịch im bật. Tình đưa tay che mặt và mỉm cười vu vơ. Xe đã đi lên một đường đê, phía dưới là mặt biển xanh thẳm. Tình thấy gió mặn mà hơn, về mặn mà dừng dừng... Bãi cát hoang vắng không một bóng người, những chiếc ghe rào than thở trong vẻ bao la của trời đất. Vẻ đẹp của biển đặc biệt đến làm Tình xao xuyến muốn khóc. Hữu. Hữu. Những nước mắt em đã rơi với anh đâu đã thấm gì với những giọt nước mắt của em sẽ tan trong biển kia. Tình nghe niềm nhớ xôn xao phai trong bầu trời tro xám, màu tro lan dần, lan dần pha tới tận cuối mắt nàng mờ mịt. Con ngựa vẫn kéo đều chiếc xe, dẫu đường vừa đi qua, những giầy nước đóng cục những hạt cát nhỏ, và chỉ một đoạn ngắn thôi. Tình nghĩ tới số phận con ngựa và từ con ngựa tới cuộc tình duyên ngắn ngủi của nàng,

— Sắp tới độ rồi cô ơi.

Tình nhào người nhìn tới phía trước, chòm xóm mỗi lúc một tới gần. Những mái nhà tranh thực lụp xụp xơ xác. Bắt đầu vào cổng làng là một cái chợ phía dưới cùng chợ có một dãy nhà gạch, cái tò vôi, cái bồ không nham nhỡ. Con ngựa như biết trước sắp tới đích, nó kéo những bước nhanh hơn, thoáng chốc đã tới, lão xà ịch nhẩy xuống cầm cương ngựa.

— Xuống mau lên bà con, để tui còn rước mối ghe nì.

— Thối tiền tui đi Gà Nòi

— Bỏ cái đòn gánh đôi giò xuống cho tui đi Gà Nòi ời.

— Bà con lấy đồ đi chợ, tui có mười hai tay sáu đầu mô mà nhờ dữ thần rừa. Lão xà ịch là Gà Nòi, cái tên lạ đặc biệt như một anh chàng cao bồi Mỹ. Nhưng ông già kh ng có chi đặc biệt hết. Cái tên Gà Nòi hẳn có một gai thoại gì đây. Tình thoáng ngạc nhiên rồi buồn cười. Nàng mở xác đưa cho lão xà ịch giấy mười đồng nói biểu hết. Lão Gà Nòi nghe răng cười. Những nếp nhăn xếp lại và thay đổi vị trí theo nụ cười co dãn. Một chuyến xe chỉ năm đồng bạc.

Năm đồng bạc với sức người còng sức ngựa. Tình hỏi.

— Bác biết trụ sở xã đâu không, chỉ dùm con đi.

Lối xung hô của Tình làm lão Gà Nòi nhìn lên chớp mắt. Lão đưa tay chỉ về phía dãy nhà gạch Tình đã trông thấy lúc nãy. Tình cảm ơn. Lão Gà Nòi cầm roi quất vút. Con ngựa quay trở lại và chạy theo lối đường cũ. Mấy người đàn bà cũng chào Tình rồi bỏ đi.

Tình đứng ngơ ngác một hồi, rồi nàng nhìn quanh chợ. Chợ rất rộng, lúc này chỉ xếp ngả nghiêng những sạp gỗ, những chậu bể, với những mái che bằng tranh hay lát bằng cây. Hai bên chợ là những dãy nhà tranh âm thấp xiêu vẹo, thỉnh thoảng chen vào một hai cái nhà gạch, tường vách đen đui hình như bao năm mới chỉ quét một lần với kỳ mới xây, rồi quên hẳn. Một vài sạp bán hoa quả còn bán chậm chiều, chợ rất vắng, nhưng khi Tình đi ngang qua thì người lớn chỉ trở và trẻ con chạy theo rần rần. Đất cát bần đen và rác rưởi cùng với mùi tanh trời làm Tình muốn nôn mửa. Tình lấy khăn tay bịt mũi, rồi như sợ mất lòng những đôi mắt đang tò mò kia, Tình bỏ tay xuống, đi tới phía căn nhà gạch. Tụi trẻ không tiến thêm mà chỉ đứng xa nhìn. Bước chân Tình bỗng như muốn lún sâu xuống đất. Tình khổ sở nhắc từng bước chân, đi tới ngôi nhà sẽ định đoạt thân phận nàng.

Căn nhà mà Tình đang đứng trước nó, đang đưa tay lên gõ cánh cửa gỗ, là những gian nhà liền chia làm ba, các cửa sơn xanh, nước sơn cũng đã cũ lắm. Lát sau mới có tiếng mở cửa, một thanh niên nhỏ nhắn, gương mặt hiền lành đi ra cúi đầu chào Tình. Tình nhìn thoáng vào trong. Giữa phòng rộng kê hai ba chiếc bàn. Một cái bàn lớn kê ở chính giữa, lót gương và hình như bên dưới có nhiều giấy tờ hình ảnh. Một lọ mực bằng sứ xanh, sô sách, bàn thắm và một vật chặn giấy tiện hình một người đàn bà da đen. Phía trong cùng kê một chiếc ghế bố. Tình đoán cậu nhỏ vừa ở ghế bố đây, vì vải bố còn sưng xuống một khoảng và một cuốn sách in mở sẵn. Tình ngập ngừng:

— Đây có phải là trụ sở xã không, em?

— Dạ phải, thanh niên hỏi tiếp. Có có việc chi không?

— Tôi muốn gặp ông Phó Tổng.

— Ông ta đi khỏi rồi. Ông đi bắn chim, chắc tới tám chín giờ đêm mới về.

— Tôi đợi ở đây được không. Tình băn khoăn. Tôi có việc cần gặp ông Phó Tổng ghê lắm.

Cậu bé nhìn Tình tò mò:

— Ông đi bắn chim rồi vô nhà luôn, nhà ông ở trông kia lặn. Cô là chi của ông Phó Tổng.

— Không, tôi có giấy giới thiệu xuống đây làm việc, em coi gì ở đây?

Cậu bé mỉm cười, hiền lành:

— Dạ, em phụ việc với thầy kỹ Minh. Mà cô về đây làm việc chi?

— Việc gì cũng được hết. Nhưng bây giờ tôi phải làm sao đây?

Cậu bé như chợt nhớ ra:

Lão Xà Ích nói:

— Tui ở đây mà chi mô không biết.

Tình lắng sang chuyện khác:

— Dưới có yên không thím.

— Yên chớ, ai mần nấy ăn... Cô về dưới lâu không?

— Tôi chưa biết thím ạ.

Chị đàn bà mở cái kim găm trên túi áo, lôi ra mấy lá thuốc. Chị trải và vuốt thẳng từng lá rồi cuốn hút. Mùi khói làm Tình ho sặc sụa, chị ta vội vàng phàn trần.

— Tui quên, cô ngồi dang mắt ra tê đi.

Lão đánh xe lại gần nhả:

— Con mẹ Mùi hút thuốc hết cả tiền bán cá, hèn chi tối nào hai vợ chồng bày cũng cãi nhau om chòm om xóm. Tô cha bây.

— Can chi lão già khỉ rừa hề, già rồi mà nhiều chuyện rừa...

Lão xà ịch im bật. Tình đưa tay che mặt và mỉm cười vu vơ. Xe đã đi lên một đường đê, phía dưới là mặt biển xanh thẳm. Tình thấy gió mặn mà hơn, về mặn mà dừng dừng... Bãi cát hoang vắng không một bóng người, những chiếc ghe nằm trên cát trơ vơ chịu đựng. Tiếng sóng vỗ bây giờ nghe thật rõ, như rì rào than thở trong vẻ bao la của trời đất. Vẻ đẹp của biển đặc biệt đến làm Tình xao xuyến muốn khóc. Hữu. Hữu. Những nước mắt em đã rơi với anh đâu đã thấm gì với những giọt nước mắt của em sẽ tan trong biển kia. Tình nghe niềm nhớ xôn xao phai trong bầu trời tro xám, màu tro lan dần, lan dần pha tới tận cuối mắt nàng mờ mịt. Con ngựa vẫn kéo đều chiếc xe, dưới đường vừa đi qua, những giầy nước đóng cục những hạt cát nhỏ, và chỉ một đoạn ngắn thôi. Tình nghĩ tới số phận con ngựa và từ con ngựa tới cuộc tình duyên ngắn ngủi của nàng.

— Sắp tới độ rồi cô ơi.

Tình nhào người nhìn tới phía trước, chòm xóm mỗi lúc một tới gần. Những mái nhà tranh thực lụp xụp xơ xác. Bắt đầu vào cổng làng là một cái chợ phía dưới cùng chợ có một dãy nhà gạch, cái tô vôi, cái bồ không nham nhỏ. Con ngựa như biết trước sắp tới đích, nó kéo những bước nhanh hơn, thoáng chốc đã tới, lão xà ịch nhẩy xuống cầm cương ngựa.

— Xuống mau lên bà con, đề tui còn rước mỗi ghe nì.

— Thối tiền tui đi Gà Nòi

— Bỏ cái đòn gánh đôi giồng xuống cho tui tí Gà Nòi

Lão xà ịch là Gà Nòi, cái tên lạ đặc biệt như một anh chàng cao bồi Mỹ. Nhưng ông già khờ có chi đặc biệt hết. Cái tên Gà Nòi hẳn có một gai nhọn ở đây. Tình thoáng ngạc nhiên rồi buồn cười. Nàng mở xác đưa cho lão xà ịch tờ giấy mười đồng nói biểu hết. Lão Gà Nòi nghe rằng cười. Những nếp nhăn xếp lại và thay đổi vị trí theo nụ cười co dãn. Một chuyến xe chỉ năm đồng bạc.

Năm đồng bạc với sức người còng sức ngựa. Tình hỏi.

— Bác biết trụ sở xã đâu không, chỉ dùm con đi.

Lối xưng hô của Tình làm lão Gà Nòi nhìn lên chớp mắt. Lão đưa tay chỉ về phía dãy nhà gạch Tình đã trông thấy lúc nãy. Tình cảm ơn. Lão Gà Nòi cầm roi quất vút. Con ngựa quay trở lại và chạy theo lối đường cũ. Mấy người đàn bà cũng chào Tình rồi bỏ đi.

Tình đứng ngơ ngác một hồi, rồi nàng nhìn quanh chợ. Chợ rất rộng, lúc này chỉ xếp ngả nghiêng những sạp gỗ, những chậu bễ, với những mái che bằng tranh hay lót bằng cây. Hai bên chợ là những dãy nhà tranh âm thấp xiêu vẹo, thỉnh thoảng chen vào một hai cái nhà gạch, tường vách đen đui hình như bao năm mới chỉ quét một lần vôi kỳ mới xây, rồi quên hẳn. Một vài sạp bán hoa năm mới chỉ quét một lần vôi kỳ mới xây, rồi quên hẳn. Một vài sạp bán hoa quả còn bán chậm chiều, chợ rất vắng, nhưng khi Tình đi ngang qua thì người lớn chỉ trở và trẻ con chạy theo rần rần. Đất cát bần đen và rác rưởi cùng với mùi tanh tươi làm Tình muốn nôn mửa. Tình lấy khăn tay bịt mũi, rồi như sợ mất lòng những đôi mắt đang tò mò kia, Tình bỏ tay xuống, đi tới phía căn nhà gạch. Tụi trẻ không tiến thêm mà chỉ đứng xa nhìn. Bước chân Tình bỗng như muốn lún sâu xuống đất. Tình khờ sở nhắc từng bước chân, đi tới ngôi nhà sẽ định đoạt thân phận nàng.

Căn nhà mà Tình đang đứng trước nó, đang đưa tay lên gõ cánh cửa gỗ, là những gian nhà liền chia làm ba, các cửa sơn xanh, nước sơn cũng đã cũ lắm. Lát sau mới có tiếng mở cửa, một thanh niên nhỏ nhắn, gương mặt hiền lành đi ra cúi đầu chào Tình. Tình nhìn thoáng vào trong. Giữa phòng rộng kê hai ba chiếc bàn. Một cái bàn lớn kê ở chính giữa, lót gương và hình như bên dưới có nhiều giấy tờ hình ảnh. Một lọ mực bằng sứ xanh, sỗ sách, bàn thăm và một vật chặn giấy tiện hình một người đàn bà da đen. Phía trong cùng kê một chiếc ghế bố. Tình đoán cậu nhỏ vừa ở ghế bố đây, vì vải bố còn sũng xuống một khoảng và một cuốn sách in mở sẵn. Tình ngập ngừng:

— Đây có phải là trụ sở xã không, em?

— Đây có phải là trụ sở xã không, em?

— Dạ phải, thanh niên hỏi tiếp. Cô có việc chi không?

— Tôi muốn gặp ông Phó Tổng.

— Ông ta đi khỏi rồi. Ông đi bắt chim, chắc tới tám chín giờ đêm mới về.

— Tôi đợi ở đây được không. Tình bần khoản. Tôi có việc cần gặp ông Phó Tổng ghê lắm.

— Tôi đợi ở đây được không.

Cậu bé nhìn Tình tò mò:

— Ông đi bắt chim rồi vô nhà luôn, nhà ông ở trông kia lặn. Cô là chi của ông Phó Tổng.

— Ông đi bắt chim rồi vô nhà luôn, nhà ông ở trông kia lặn. Cô là chi của ông Phó Tổng.

— Không, tôi có giấy giới thiệu xuống đây làm việc, em coi gì ở đây?

Cậu bé mỉm cười, hiền lành:

— Dạ, em phụ việc với thầy ký Minh. Mà cô về đây làm việc chi?

— Việc gì cũng được hết. Nhưng bây giờ tôi phải làm sao đây?

Cậu bé như chợt nhớ ra:

— Đề em đi gọi thầy Ký Minh, cô có giấy giới thiệu, thầy Ký lo cho cô cũng được. Cô cứ gọi em là Đa, tên em là Đa.

Dứt lời, Đa chạy đi ngay. Tình đi vào trong phòng, kéo ghế ngồi, nhìn quanh nhà, các vật dụng nghèo nàn. Lòng cũng không còn thấy buồn vui. Tình lại tò mò nhìn lên chiếc bàn lót kính. Một tấm ảnh chụp một người đàn ông béo phệ: mặt ngắn, cằm bạnh, miệng ngậm ống vớ, mắt đeo kính, gùm gùm. Tình thấy không có một chút cảm tình nào được với người trong ảnh.

— Thầy Ký nói cô đợi một lát.

Đa đã trở về, nó đứng dựa vào bàn, làm quen với Tình :

— Chà, cô về đây buồn lắm, cô chịu há ?

— Chịu được mới về, em không tin tôi ở đây làm việc sao ?

Đa cười ngổn ngổn :

— Dạ, cô nói thì em tin, nhưng cô chịu không nổi mô... ,

— Rồi cũng chịu dần chứ em.

— Hà... nghe nói ở trên phố vui lắm, phải không cô ?

Tình gật đầu. Nàng nhận ra giọng nói cậu bé có vẻ nhẹ hơn những người vừa gặp. Đa lại nói tiếp :

— Chà, trên phố sao vui quá, hồi nhỏ em có lên trên đó.

Tình thấy vui lây theo vẻ hồn nhiên của Đa. Đa có nụ cười hết sức chất phác, nó khoảng mười sáu tuổi, nhưng to cao, lực lưỡng, nước da ngăm đen và mái tóc húi rất ngắn, ngắn đến như cúp ca rê.

Có tiếng giày lộp cộp, một người đàn ông tuổi khoảng ba mươi bước vào, thấy Tình thì cúi đầu chào. Đa nói : Thầy Ký Minh đó cô. Và thầy Ký Minh kéo một chiếc ghế, ngồi đối diện với Tình :

— Cô vừa ở trên phố xuống.

Tình đáp :

— Vâng, tôi về gặp ông Phó Tổng ở đây, có người giới thiệu tôi về đây làm việc. Đôi mắt thầy Ký Minh mở to, ngơ ngác. Thầy ngạc nhiên là phải, một người con gái như Tình, tự nhiên bỏ thành phố về đây, nếu không là một kẻ loạn óc ? Tình hiểu sự ngạc nhiên của thầy Ký Minh, giả dụ như nàng, thấy một người con gái nào bỏ phố về đây Tình cũng phải cười và chê là điên, là thất

tình, muốn đi tu mà không có can đảm. Tình nhìn thoáng qua khuôn mặt thầy Ký Minh rất nhanh. Đôi mắt đen vẻ đa tình như Hữu. Nhưng mặt nhỏ và dài hơn. Chiếc miệng đỏ và đáng đáp ẻo là như con gái. Thầy Ký mở to mắt và nói :

— Cô về đây làm việc.

— Vâng.

— Tôi tưởng cô nói đùa.

Tình chia lá thư của Tuấn ra, nhưng thầy Ký Minh lắc đầu :

— Khởi cô. Thư của ông Phó, để sáng mai ông ấy đọc. Bây giờ thì tối quá rồi, để tôi thu xếp chỗ ở cho cô, ngày mai hãy hay.

Rồi, thầy quay sang Đa :

— Đa, em ra phía sau dọn căn buồng bỏ trống để dành cho cô... đây. Xin lỗi, cô tên là chi ?

— Tôi tên là Tình.

— Em nhớ dọn căn thận và đưa cô Tình ra đó hộ tôi nghe.

Đa dạ một tiếng, bỏ đi ngay. Thầy Ký Minh nói với Tình :

— Phòng cô ở trước cửa thầy Huê, thầy ấy trước làm ở đây, lấy vợ và xin đổi đi chỗ khác. Ở đây không ai chịu thấu, chẳng có gì ngoài muối mặn, cát và gió. Rồi thầy Ký Minh nói chuyện về thầy Huê cho Tình nghe, câu chuyện đang nửa chừng thì Đa trở vào, nó lảng xảng :

— Đề em xách va ly cho cô.

Thầy Ký Minh đứng lên :

— Tôi xin phép cô trở về phòng. Cô cứ yên tâm, đến ngày mai gặp ông Phó Tổng, mọi chuyện sẽ xong hết.

Tình cảm ơn thầy Ký Minh, theo Đa bước đi. Vòng ra phía sân sau là một dãy nhà nhỏ, hẹp hơn và thấp hơn. Căn phòng của Tình ở cuối dãy, khá dài chiều sâu và hẹp chiều ngang, được ngăn hai sẵn bằng một lớp tôn mỏng. Gian phòng có cửa sổ trông ra một bãi cát trồng dương liễu. Ở đây nhiều bãi cát và dương liễu quá. Tình bỗng thấy yêu màu xanh cây lá dị thường, nàng phải có một cái gì để yêu thích, dù yêu thích giả dối đi nữa... Ý nghĩ đó làm lòng

Tình dịu lại. Vừa nãy khi bước chân vào căn phòng Tình muốn trào nước mắt, nhưng khi nàng nhìn thấy hàng liễu xanh, nghe thấy nổi u tịch tẻ điệp của buổi hoàng hôn nhà quê, lòng Tình bỗng trầm tĩnh hẳn. Rồi Hữu như một hình ảnh mĩa mai, chua xót, tan biến trong nàng, đến nỗi

nàng không tưởng tượng ra được. Tình lấy làm bằng lòng căn phòng của mình, nơi khi ho có gáy này, có một căn phòng cỡ này cũng lịch sự chán. Khéo tay làm mấy màn cửa, thu dọn gọn ghẽ, buổi sáng có chim kêu, buổi chiều có liễu rủ, thử giam mình ở đây biết đâu mình sẽ thay đổi

hắn... Nhưng thay đổi như thế nào ? Điều đó làm nàng hoang mang, lo sợ, rất có thể một thời gian sau Tình không phải là Tình, Tình sẽ trở thành một con người nguy hiểm... Thật là bậy, Tình đi lại phía Đa đang cúi húi thấp ngọn đèn dầu, nó ngẩng lên, nói với Tình :

— Trên phố đèn điện sáng trưng há cô.

Tình cười dịu dàng :

— Em tử tế quá.

Đa lại nhẹ nhàng cười, nó vặn sáng ngọn đèn, đi tới bên cửa sổ :

— Ở giữa bãi dương này có một cái đầm nhiều ma lắm cô.

Rồi như lơ lửng và ngại Tình sợ lúc ban đêm, Đa nói tiếp :

— Nhưng đầm ở xa lắm cô đừng sợ.

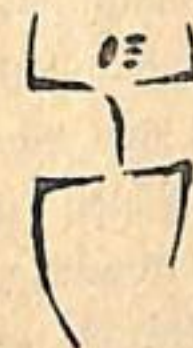
Một lát nó chào Tình đi về, Tình hỏi nó ngủ ở đâu. Đa nói ngủ ở ngay phòng giấy nơi chiếc ghế bố. Tình đợi cho Đa đi xa rồi, nàng gài cửa lại, trở vào. Tình không biết mình phải làm gì, nàng soạn mãi chiếc

đi ra đi vô, đứng bên cửa sổ. Lúc này Tình bỗng nhiên thấy mình lạc lỏng bơ vơ, và sự sợ hãi bỗng nhiên đè ngập tâm hồn nàng. Tình nhìn chiếc giường con trải chiếu hoa phẳng phiu và không thể tưởng tượng được có ngày mình sống như thế. Tình đi lại ngồi lên giường và với tay khêu to ngọn đèn thêm nữa. Nàng lắng tai nghe, nhưng chỉ thấy sự im vắng rợn người, lúc này Tình bỗng thấy nhớ thành phố nồn nao, nhớ từng con đường, từng ánh điện, từng bước đi, từng viên gạch... Tất cả đều trở nên chìm ngấm xa xôi như đã từ muôn đời. Vừa mới buổi sáng nàng đi trên những con đường đó, mà bây giờ đã xa hàng dặm, như tình yêu, như Hữu... Tình nằm vật xuống giường : Như thế là hết. Hữu chỉ còn là một cái tên để làm đẹp cho mỗi tình dang dở. Hữu chỉ còn là một cái bóng để cho kỷ niệm, cho đậm sự sâu hận của nàng. Hữu bây giờ đang nghĩ gì về nàng? đang nhớ gì về nàng? Chắc không đâu, còn vợ, còn con, còn thành phố với bao cuộc vui đủ làm rộn chàng suốt ngày đêm. Hết thật rồi. Đời Tình bắt đầu lại bằng những con đường đất, những bãi hoang, cát trắng. Và rất nhiều con đường nhỏ bỏ ngoằn nghèo trong hồn Tình, chia cắt Tình ra từng vũng buồn tối. Những cảnh dương liễu lắc lư qua lại ngoài cửa sổ như những cánh tay ai vươn dài tuyệt vọng quờ quắn lả xa ra rồi lại chờn vờn đến... Tình bỗng nhiên sợ hãi đến lạnh toát người và thấy sự đại đột của mình. Nhưng đã lỡ rồi, rồi nàng đi bằng những bước chân run rẩy. Cố lấy hết can đảm, Tình mới đóng được hai cánh cửa sổ. Con mắt của đêm lạ đã thôi không nhìn ngó cách gì hơn. Tình úp mặt xuống chiếu, khóc một mình, khóc mùi mẫn. Nhưng Tình bỗng ngồi vụt dậy, nàng vừa nghe tiếng tăng hắng ở phòng bên, rồi một giọng hát : *Người về trong đêm tối ôm cành hoa tả tơi, bóng in dài ...* Tiếng hát lặp lại mãi câu đó, một lát, rồi tắt quãng và chìm ngấm.

● *nhã ca*

(Còn tiếp)

HOẠT CẢNH



DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Hai người đàn ông bước vào quán, không còn một chiếc bàn trống nào cả. Hai người đứng tần ngần ngay chỗ tôi ngồi, một người đẩy đà, mặt vuông vắn đầy đặn, mặc chiếc áo sơ mi màu nâu nhạt cụt tay bỏ ra ngoài chiếc quần đen; một người nhỏ nhắn, mặt choắt và gầy với nước da hơi tái, mặc chiếc sơ mi trắng dài tay, khuy áo cổ đóng kín, cả hai đều vào khoảng trên ba mươi tuổi. Tôi phác một nụ cười không rõ ràng, bàn tôi có ba chiếc ghế trống, hai chiếc phía ngoài nhìn vào và một chiếc phía trong áp với tường. Người đẩy nói với tôi : xin lỗi ông. Tôi nói : ông tự tiện, không có ai cả. Người gầy ngồi vào chiếc ghế đối diện với tôi, ông ngồi xuống và bỏ lên một cái cà-mèn nhỏ chỉ có một ngấn cuối cùng. Người kia ngồi cùng phía tôi nơi áp với tường, ông ta nói : gọi chưa? người gầy nói rồi, tái mồm. Hai người đàn ông bàn quán đi ra đứng ngay ra đầu bàn chỗ tôi, tay cầm chiếc lau đưa lên lau mặt bàn : hai cụ dùng gì, người đẩy : như thường lệ, bàn hàng : hai cà-phê sữa, vừa nói người đó vừa đi vào trong.

Đèn đường đã bật sáng cùng với ánh đèn từ trong những cửa tiệm hắt ra ánh sáng trên nền trời chưa hết hẳn khiến cho ánh sáng trong con đường mờ hồ, chập choạng. Xe cô lướt qua liên hồi, những người đi làm xa bây giờ mới trở về, bụi mù mịt ngọt ngào, tiếng xe cộ và tiếng người không lúc nào ngừng, âm thanh đều đều một vẻ xáo trộn bằng phẳng. Trước kia tôi không bao giờ nghĩ được là có một lúc con đường trở nên đông đúc như hiện nay, cách không đầy một năm trời con đường lầy lội, khu cư xá còn vắng tanh không có người ở, nhiều đêm tiếng kêu trộm vang lên và mọi nhà thức dậy cầm đèn pin ra đường khiến cho nhiều người mới đến ngủ không yên tâm. Qua đi một thời gian, những con đường được tráng nhựa đèn điện được mắc, con đường bắt đầu những sinh hoạt mới, nhiều nhà ở biến thành cửa tiệm buôn bán lật vạt, rồi hàng ăn, tiệm nước mở ra cùng với những hàng phở gánh, hàng chè, đặc biệt trên con đường ngắn ba quán thịt chó được mở, một quán mang tên Nai Đồng-Quê, một quán mang tên Kỳ-Lân, và một quán mang một tên lãng mạn: Quán Nửa Khuya quán cuối cùng này khởi đầu là một quán nhậu lai rai với những cô gái nhà quê đầy đà đánh phấn, uốn tóc ngồi canh chừng khách hàng, quán này có một cái chuông chim lớn nuôi rất nhiều chim mà phía dưới được kê lờn mấy hàng chữ: nơi dừng cánh chim bắt gió, nơi tâm sự của những tâm hồn cô đơn, nơi hẹn hò của những tao nhân mặc khách.

Nhưng tới khi quán bắt đầu bán thịt chó những câu quảng cáo trên cũng không còn nữa cùng với cái chuông chim, thế là những cánh chim bắt gió và những tao nhân mặc khách cũng không còn chỗ hẹn hò gặp gỡ. Cũng chỉ trong một thời gian, tiệm cà phê tàu lụp sụp đã đủ làm gianh nước tháng cho những gia đình trong xóm trở thành một bà chủ số những hàng phở gánh, khô mực, bò viên, hủ tiếu bánh sèo kéo tới đóng đô ven hai bên đường không có lẽ khiến cho con đường đã hẹp lại càng hẹp thêm. Quán nước tôi đang ngồi năm nơi khoảng đầu của khu buôn bán đó. Thật không ai có thể ngờ rằng tới một lúc con đường lại trở thành như hiện nay.

Một chú nhỏ khoảng mười tuổi bụng đeo mặt bàn hai tô phở để trong một chiếc khay bằng nhôm, trong lòng khay có một ít rau thơm, hai miếng chanh và ít khoanh ớt, cùng với hai đôi đũa tre, hai chiếc muỗng. Người này nói: sao không có nước béo này. Chú nhỏ hơi cúi đầu nhìn vào tô phở dò xét. Mày ngó lại coi, lấy cho chút nước béo và rắc trần. Chú nhỏ đi khỏi. Người này gầy cho đũa vào trong tô phở khoảng lên cho đũa lên miệng xem chừng, ông ta chợt nhìn xuống dưới chân rồi đậm đậm, một con chó lại nằm dưới chân nhóm đứng lên nghe cồ

nhìn ông không có thái độ trên khuôn mặt. Ông ta lấy đũa gấp những ọi bánh trắng bốc hơi nghi ngút vào trong chiếc cà mèn rồi khoảng ở trong đó rất lâu, mỗi lần ông ngừng ông lại đập đầu đũa lên thành cà mèn, ông làm như thế nhiều lần, rồi đưa vào miệng nhiều lần chừng như thăm dò sức nóng. Sau khi áp miệng vào ngửi ông ta để chiếc cà mèn xuống dưới chân và con chó cho đầu vào ăn. Bên này người này vẫn cầm đũa trong dáng chờ đợi. Người bán bưng hai ly cà-phê sữa để về phía từng người. Người này đẩy bỏ muỗng vào trong ly khuấy cho tan đều rồi lấy tay đẩy ly cà-phê vào phía trong tường. Người này gầy lại mang chiếc cà mèn để lên mặt bàn, con chó đã nằm xuống, ông ta vẫn chưa ăn, đôi đũa cử động trong tô phở, chừng như ông muốn thấy những miếng thịt trong đó. Ông vớt bánh vào chiếc cà-mèn, ông gấp lên đũa từng miếng thịt và xé nhỏ, có lúc ông bỏ hết vào, có lúc ông phân chia miếng thịt ra hai phần, một phần bỏ vào trong bát, một phần bỏ vào chiếc cà-mèn, sau đó ông bỏ xuống dưới chân. Ông đứng lên rồi khỏi ghế đi ra đường, tô phở còn một chút hơi phảng phất trên miệng. Ông ta đi đâu vậy.

Thằng nhỏ trở lại tay bưng một chiếc bát con, nó đứng áp vào bàn nghiêng chiếc bát đổ chút nước béo vào tô phở cho ông khách, ông ta đưa đôi đũa lên gạt từ trong chiếc bát nhỏ xuống tô phở hai cọng hành và đập đập đầu đũa xuống mặt tô phở một cách đều đặn. Thằng nhỏ đi khỏi, ông khách bắt đầu cúi xuống ăn một cách ngon lành, ông ta gấp bánh lên chiếc muỗng một cách thận trọng gọn ghẽ rồi đưa chiếc muỗng lên miệng, khi những sợi bánh đã gần hết ông bưng cả chiếc tô lên húp từng ngụm nước, mỗi lần ngừng lại ông tép tép miệng với vẻ ngon lành. Tôi chợt nhận thấy con chó đã đổi chỗ, nó đã sang phía tôi, ở giữa hai chiếc ghế tôi với ông người này, nó nghe cồ có vẻ châu chực, có lúc nó thè lưỡi ra liếm liếm hai bên mép, cái lưỡi loang lổ những mảng đen và đỏ tươi. Ông gầy đã trở lại, tay ông cầm một mẫu bánh mì nắn nắn trong hai bàn tay, ông ta ngồi vào ghế mắt nhìn vào tô phở:

— Cái-con-mẹ-quốc-tế nó diện ghê quá trời đất, trông cũng hừng hực, tối qua nó đã lục đục cả đêm như thế mà bây giờ nó vẫn phây phây, còn có vẻ khỏe mạnh ra nữa.

— Ngày hôm nay tôi thấy nó tắm đến hai lần, thằng đen ở lại cả ngày mãi chiều tôi thấy nó đi ra mới biết, bây giờ nó đi với thằng nào nữa

— Một em nhỏ.

— Nó mang hàng lên phố.

Vừa nói chuyện người này gầy vừa bẻ bánh mì ra thành từng miếng nhỏ cho vào tô phở, bẻ hết độ một nửa miếng bánh ông ta bắt đầu cúi xuống ăn. Thằng nhỏ trở lại mang theo hai tô phở trong chiếc khay, nó để xuống bàn, nhắc hai tô phở ra ngoài. Những miếng mỡ bò béo

ngây màu ngà ngà lập lòe trên mặt nước :

— Lại không có hành trần mây.

Người đẩy nhìn lại thẳng nhỏ ra ý chờ đợi, nó không có một vẻ gì trên mặt, nước da đen, trên trán dán một miếng thuốc cao, tóc cắt ngắn, chiếc cổ áo quần queo, nó cầm nghiêng lấy cái khay.

— Thêm ớt với chanh nữa mây.

— Hồi này bắt đầu bán ầu rồi, cứ khá lên một chút là trở chừng, lúc trước còn mời khách, nay không thèm mời nữa, ai ăn thì ăn, mà có ăn thì cũng coi thường, thiếu đủ thứ hết, rồi có lúc người ta không ăn cho nữa rồi biết, năm đồng, rồi sáu đồng, bây giờ bảy đồng, cứ lên vùn vụt chạy không kịp.

Người gầy giọng hơi chua chát [một cách bâng quơ. Thằng nhỏ nhặt hai miếng chanh đã vắt hết nước trên mặt bàn vứt đi, nó cầm lấy chiếc khay rời khỏi quán đi về phía chiếc xe phở. Ngọn đèn nê-ông bắc ngay đầu chiếc xe chiếu xuống chiếc bàn nối liền với đầu xe những người đang ngồi châu đầu ăn. Tiếng nói nhiều giọng xen vào nhau, những cử chỉ mơ hồ trong ánh sáng nhọt nhọt. Người gầy bùng tỏ phở lên húp nốt chỗ nước còn lại trong bát, để bát xuống bàn ông cầm đọc đôi đũa quệt ngang lên miệng như gạt đi những mỡ màng còn bám trên mép. Người đẩy tiếp tục ăn tô phở thứ hai, ăn hết nửa chừng ông cầm lấy nửa miếng bánh mì trên bàn bỏ vào bát chấm ăn một cách chậm rãi, ông ta nhai với vẻ khoan thai hơn người gầy. Hết chỗ bánh mì ông cầm lấy cái cà-mén và đồ hết chỗ phở còn lại vào đó. Người gầy vừa ăn vừa đưa mắt nhìn lên như canh chừng khi đang ăn sang tô phở thứ hai, lần này ông ăn một cách chăm chú và mau hơn lần trước. Con chó nằm im dưới gầm bàn. Ông ta không ăn hết phở, ông dành lại cả nửa tô đồ vào trong cà-mén, bỏ đũa vào khoảng, gõ đầu đũa vào thành sắt trước khi để cà-mén xuống dưới đất, ngay mõm con chó, con chó nằm im thực mồm vào ăn không đứng dậy. Người gầy vừa sủa răng vừa khua chiếc muỗng trong ly cà-phê, người đẩy lau miệng một cách kỹ càng bằng chiếc khăn tay màu xanh nhàu nát vo tròn. Bỏ khăn vào trong túi quần trong lúc ông khịt khịt lỗ mũi như thử lại con đường hô hấp.

— Con-mẹ-quốc-tế hồi này bỗng nhiên trông nó hay ra, thế mới biết, có một chút tiền, một chút giống đực vào nó ghê thật, thế nào rồi cũng có một thằng Mỹ con nữa.

— Sao lại một, cái đà này còn ba bốn thằng nữa cho mà coi, cái máy của con mẹ còn khỏe mà. Ông với tôi toi bời như thế rồi mà nó còn kêu ít cái nữa, ít cái nữa một cách tỉnh bơ như chưa hề hấn gì, như thế mình cũng đã xum xương sống rồi còn cái nữa, cái nữa thì chỉ có cách bỏ lê.

— Chuyện bọn mình còn chó gì nữa, chứ bọn kia, đánh giặc cả mấy tháng sức nó ứ lên tận cổ, to con, cứ bít tết, rượu mạnh hàng ngày sức nó đâu phải vừa gì — ông ta vừa nói vừa lắc đầu — cứ nghĩ mà khiếp đảm. Cái khi hậu ngày nóng, nửa đêm về sáng hơi gây lạnh to thì thịnh âm, đó coi, đàn bà cứ mập ra còn ông như bọn mình thì teo dần đi khi hậu này lại cà-phê, thuốc lá chịu gì thấu, không đau gan thì đau dạ dày; không dạ dày thì tim với lại trĩ, khiếp thật... Khiếp thật, hai tiếng cuối được nhấn mạnh một cách cứng rắn như cố gắng diễn tả ý kiến đối với một việc mà ông đã thấy. Nói hết câu ông người đẩy bùng cà-phê lên uống, khi bỏ ly khỏi môi ông tép tép miệng như để hưởng cho hết cái hương vị của ngum cà-phê vừa uống. Một người bước vào quán, tiếng ông kéo dài hương về hai người ngồi cùng bàn :

— Chào hai cụ.

— Chào cụ.

— Chào cụ.

Ông gia này cắt tóc ngắn, những sợi tóc bạc lốm chớm trên chiếc đầu nhỏ hơi nhọn, da mặt hồng ửng như mới uống rượu, ông ngậm cái tàu thuốc ngắn. Người bán hàng từ trong ra :

— Nội nghỉ hàng rồi ạ.

— Nghỉ gì mà nghỉ, hôm nay đâu có bán, bán ngoài cho chết à, lại rai thôi chứ — ông nhìn vào người mập — phải thế không cụ, mình còn sống bao lâu nữa mà làm khổ cái thân, đáng ra bây giờ không làm gì hết chớ, chờ để cho con cháu nó nuôi mình chứ, già rồi mà còn phải làm, già làm gì, thôi không đành được thì lại rai đủ thôi, làm chi cho nhiều. Ông già nói giọng lè nhè, Ông nhìn quanh tìm một chỗ ngồi, không còn chỗ trống nữa ngoài chiếc ghế phía trong, đối diện với tôi. Ông tiến đến đó, nhích cái ghế và ngồi xuống, thay vì dựa lưng vào thành ghế ông dựa lưng vào tường nhìn nghiêng ra ngoài. Người bán hàng nói :

— Nội dùng gì đây ?

— Cái 33 chứ còn hỏi gì nữa, vừa uống nhưng uống nữa, hai cụ dùng gì thêm, ông, ông dùng la-ve với tôi — ông ngập ngừng — trông ông quen quá không biết đã gặp ở đâu ?

Tôi phác một nụ cười và ngẩng nhìn ông :

Gặp cụ ở trong xóm này chứ đâu nữa ai cũng quen mặt nhau hết, — Có thể, xã hội mình đâu có rộng rãi gì, mà thế giới đâu có rộng rãi gì, chật hẹp phát chết, ai đòi hỏi tôi đi lính cho Pháp, sang tận bên Mác-xây gặp một người ở đó sau này tôi lại gặp ông ta ở Saigon. Ai cũng biết nhau mà.

Người bán hàng mang ra chiếc ly cối, chai 33, tiếng nút chai nổ ròn, ông già ngó sang tôi :

— Dùng một chai ông.
 — Cám ơn cụ, tôi đang dùng cà-phê đây.
 —Ồ ăn thua gì, còn trẻ mà, la-de có ăn thua gì.
 Nói xong ông già cười cúc cúc trong cổ họng như tự táp đương ý kiến của mình, ông hất cái đầu lên làm một cử chỉ đòi xác định:
 — Phải thế không ông?
 — Dạ vâng.
 — Ý kiến của tôi có gì là quấy không?
 — La-de có gì đâu, ăn thua gì, tôi cũng thấy vậy, nào cả gì là quấy?
 — Ấy thế mà có những đứa nó cứ nói tôi nát rượu với thế này thế khác, mẹ tiên sư chúng nó, ông biết tôi làm nghề bán thịt chó từ thời ông Diệm kia chứ đâu phải ít gì, ông có thấy cái thời buổi bây giờ... Tôi giật mình, lại một người có tâm sự cô trung, ông ta cũng lại bán thịt chó nữa sao, tôi chợt nhớ ra, phải rồi, đúng là cái ông bán ở phía ngoài kia, sao lúc trước tôi thấy ông tóc dài kia mà, ông ta cắt lại cái đầu hồi nào vậy. Lần đó ăn thịt chó với mấy người, ông ta đã đặc biệt mời ăn thêm một món mà không tính thêm tiền, món tim chó, ông già nhăn nhó: cậu biết tim gì đây không, tôi nói tim chó chẳng lẽ tim người sao, à hà biết đâu... biết đâu tôi không đi ăn trộm được một trái tim nào đó về thết mấy ông... Ông già gật gù khoái trá sau khi hớp một ngụm la-de, hai người ngồi bên lạng lẽ vừa nhấp từng ngụm cà-phê nhỏ vừa sĩa răng, ông già nói tiếp:
 — Ông có thấy không, thời này cái gì cũng giả, cũng đánh tráo, cũng bịp hết đó ông coi, giả hết mà, người ta có coi ai ra gì, chẳng một chút luật pháp nào cả, luật pháp số không mà, người ta giả rõ ràng mà cứ vênh mặt, tôi đã bảo cho biết rồi, nếu không thay đi tôi kêu mấy thằng đàn em nó tán cho tau xác, mẹ nó chứ, có cái nghề bán thịt chó mà nó còn giả nhân hiệu thì những cái khác làm sao không giả, chúng nó giả tuốt luật không tha cái gì hết, mà nào có khăm khở gì cho cam, cái thời còn ông Diệm kia... Ông già bập bập tàu thuốc, bây giờ tôi mới hiểu ông già định nói gì và tại sao ông lại có vẻ hăng trong việc chửi bới thế, cái hàng thịt chó mới mở đây đã lấy một cái hiệu của ông ngoài kia là *Nai đồng quê*, trong này cũng là *Nai đồng quê*, mà trong này kẻ bảng hiệu hàng hoàng không như tiệm của ông già này. Tôi nói:
 — Sao cụ không đổi bảng hiệu đi, cụ cứ gọi thằng nó ra là hiệu thịt chó chứ gọi khác đi?
 — Gọi khác thì nó vẫn là chó chứ nó có khác đi được đâu. Ông thấy không chó dù gọi thế nào thì nó cũng vẫn cứ là chó, một thằng tôi tặc thì có gọi là thánh nó vẫn là thằng tôi tặc mà.
 — Sao cụ không đặt tên hiệu là Cờ Tây?

— À cái tên đó bây giờ dùng không được nữa, bây giờ làm gì còn cờ tây mà hạ, giả lúc trước khi chúng ta còn kháng Pháp thì cái tên đó hay lắm với lại bây giờ làm gì có cày tơ, toàn những chó già ông ơi.
 Ông già quay sang phía hai người đàn ông kín đáo ở bên:
 — Hai cụ thấy mình nên đặt một tên hiệu như thế nào, một tên hiệu vừa có ý nghĩa, vừa cho người ta thấy được một cách kín đáo đó là hàng thịt chó, các cụ chắc có nhiều ý kiến hay, muốn có một cái tên hay đầu phải dễ gì, phải là người thông minh sáng trí, có suy nghĩ, cái óc tôi thì nó không khác gì óc chó.
 — Sao người ta nói óc chó ngon và bồ lắm.
 — Ngon chó, và bồ nữa, nhưng bồ cho cái khác kia, bồ cái thứ làm cho mụ cả người ra, cái món bồ đương ấy mà.
 — Sao lại mụ người ra là thế nào, không có cái món âm đương ấy thì làm gì có cụ có tôi, làm gì có...
 Tiếng nói lẽ nhè của một người vừa bước vào, đứng ngay lối đi làm mọi người nhìn lên, ông già tóc bạc mỉm cười:
 — Mụ và không mụ, cái tự nhiên nó khác với cái không tự nhiên, ý tôi muốn nói cái thứ quá lắm, cái thứ quá độ kia chứ không có âm đương thì loạn mất toi rồi, thì tuyệt diệt từ lâu rồi.. là cái món óc chó kia, ông thấy vậy không?
 — Tôi không dùng được cái món ấy.
 — Ông không soi được thịt chó?
 — Nói khế chứ.
 Người lạ mở mắt tròn xoe, tay đưa lên miệng có ý nói đừng nói nữa.
 — Nói khế chứ, nó đang theo dõi đó.
 Ông già tóc bạc phá lên cười khoái trá, mặt ông đỏ bừng, tôi nghĩ cái ông kia chắc là say, có khi đàn ông đang có những ý nghĩ khác với điều ông muốn nói. Những người trong quán bỗng nhiên lặng đi theo dõi diễn biến của một câu chuyện kỳ lạ. Ông già nói:
 — Ông anh say rồi hay sao vậy, này tôi là chủ hàng thịt chó đây mà, tôi có cửa tiệm hàng hoàng tôi đóng môn bài cho chính phủ, tiệm tôi đủ các hạng người không thiếu một ai, nào công chức, các nhà văn nhà báo, có ông vừa ăn thịt chó vừa ngâm thơ, rồi cả những giáo sư, chính khách... Ăn thịt chó chứ ăn thịt người đâu.
 Người lạ ngó quanh một hồi vẻ nhón nhác, ông ta đứng im một lúc lâu rồi đi vào đứng ngay nơi chỗ ông già:
 — Thoát rồi?
 — Thoát cái gì?
 — Bà chủ nợ của tôi ăn chay trường.
 — Thì cần gì tôi mình

— Sao lại không ?
 — Ông say thật đấy à ?
 — Sao lại say nếu bà ta biết tôi cũng ăn thịt chó thì tôi không vay được tiền nữa, ông nghe chưa, bà ấy vừa đứng kia là chủ nợ của tôi. Bà ăn chay, chút nữa thì chết tôi, bà ghét những ai ăn thịt chó lắm, nghe nói đến thịt chó là bà ấy phát đau ốm rồi, thế mà tôi lại tham dự vào cái việc bàn luận về thịt chó thì thật nhảm.
 Ông già lại phá lên cười. Hai người đàn ông, người gầy và người đầy đặn đứng lên, người gầy không quên xách theo chiếc cà-mên, ông già nhìn lên ngạc nhiên :
 — Hai cụ về sớm vậy ?
 — Dạ xin phép cụ.
 — Hai cụ không chấp chúng tôi đó chứ, có gì mong hai cụ tha lỗi cho còn cái chuyện tôi nhờ hai cụ xin đề khi khác vậy.
 Hai người lặng lẽ đi ra, con chó theo sau. Người lạ ngồi vào một chiếc ghế trống, chỗ ngồi của người đầy, ông già quay sang tôi, ông hơi nhô đầu gần lại phía tôi :
 — Ông biết không - ông nháy mắt, hất mặt về phía hai người đang đi ra - quan viên nghiện đấy, bần lắm...
 Người mới đến nghe thấy hơi nhăn mặt :
 — Thật sao ?
 — Tôi biết mà sai sao được, có đứa con gái lấy Mỹ nó nuôi cho hút đấy.
 — Sao tôi không gặp.
 Ông già khựng lại :
 — Xin lỗi ông nhà.
 Người kia mỉm cười :
 — Có gì đâu, tôi đâu có nghiện.
 Ông già vui tươi :
 — Thật sao, tôi tưởng ông cũng...
 Người kia nhìn vào trong kêu :
 — Cho tôi cái cà-phê đen ông chủ ơi.
 Không khí trong quán lắng xuống không còn vẻ ồn ào lúc trước, ông già nói với người bán hàng vừa ra đến đầu bàn :
 — Cho thêm một cái nữa rồi tính tiền luôn.
 — Dạ.
 Tôi rót một ly nước trà, đốt điếu thuốc mới rồi đứng lên, trả tiền, ông già nói :
 — Ông về sao ?
 — Dạ.
 — Hôm nào ra ngoài tôi làm một bữa.
 — Nhất định rồi, đề hôm nào tôi dẫn mấy ông bạn tới thăm cụ.
 ● dương nghiêm mặt

THƠ
 TRẦN ĐỨC UYÊN. TRẦN DẠ TỪ



NÓI CHUYỆN VỚI SAO MAI.

Cuối chân trời có một ngôi sao
 Lấp lánh niềm hy vọng.

Từng buổi sáng thức dậy ta nhìn em
 Rồi vươn vai và ngáp
 Đôi cánh tay mở tràn hạnh phúc
 Này nắng mai và gió hồng ơi
 Không khí căng phòng ngực

Em đang gửi tôi ta những lời ái ân
 Nguồn tư tưởng thâm trầm và bất diệt
 Những ước mơ thâm kín một đời
 Đưa đẩy ta sâu vào cõi chết

Nhưng sự chết đã trở thành vô nghĩa
Như tiếng kèn đồng
Từ xa xôi lắm
Có phải đó là tiếng kèn rạng đông
Hay tiếng kèn hồi thúc
Nhắc nhở ta tôi cõi vô cùng
Hỡi vì sao nhỏ bé.

Đêm nay ta muốn được ngủ yên
Một giấc dài không mộng mị
Rồi sáng mai thức dậy ta nhìn em
Ngửa mặt hứng những giọt nồng ân ái.
• trần đức uyên

MỘT TÌNH CA VIẾT TẶNG TRÁI ĐẤT

Tôi bé bỏng xinh đẹp. Tôi có con keo lộng lẫy trên giải mũ. Tôi có đủ sinh vật kỳ thú trên thân thể. Có đủ hoa lá lạ lùng trên tóc dài. Có đủ những sóng lớn trên lưng, những núi lớn trên ngực; những bài hát hay trên môi, vời hương thơm pha cùng khắp da thịt. Và đủ thứ ở rải rác khắp chốn. Tôi đáng hưởng hạnh phúc lắm chứ. Phải không. Nhưng đâu rồi, những hạnh phúc tôi đáng được hưởng ấy.

Như con mura đến cùng lộc non rồi tạnh. Tôi muốn đi đứng bình thường. Ăn ngủ bình thường. Sống bình thường. Chết bình thường. Như tất cả. Nhưng vô ích. Hoàn toàn vô ích. Bởi tôi đã được mặt trời chọn. Mặt trời chọn tôi để thiêu đốt. Mặt trời chọn tôi để va chạm. Mặt trời chọn tôi để đầy dọa. Đầy dọa vĩnh viễn trong cuộc lao mình rồ dại của chàng về sao Vega, về vô tận. Mặt trời. Ôi mặt trời. Ôi chàng. Hãy nói vì sao em bị chọn.

Vì sao tôi bị chọn. Tôi bé bỏng, xinh đẹp, Tôi sức mảy đẻ nhờ. Chỉ biết mặt trời đã đến đó. Đến rực rỡ ngoài khơi xa. Đến yên tĩnh trên các lối đi. Đến thì thầm trên đồng gạch vụn. Đến rỉ rào trong vườn cây. Đến vời những thảm lá vàng cháy. Đến vời đôi mắt thâm khốc nhìn theo tôi không rời. Đến vời cánh tay hung hãn ôm riết tôi không tha. Đến vời những tiếng nùng nàn kêu réo tôi không ngớt. Mặt trời đến. Mặt trời đã đến đó. Đến trên cùng khắp tôi. Đến và tôi khỏi sự quay. Quay tit.

Tôi đã quay. Thấy không. Quay không nghĩ ngợi không ăn uống. Quay trong buổi trưa nồng nực những cơn gió và cát, những núi lớn và mây tiếng ầm ầm và gió. Tôi đã quay. Quay không thở than. Quay trong buổi chiều tan loãng những tiếng chuông những tôn giáo những hồi tiếc. Tôi đã quay. Quay không mệt nhọc những đêm tối những biển cả những cuồng nộ. Vinh quang thay và tội nghiệp thay tôi. Tôi đã quay. Quay dừng cảm, quay mãi.

Tôi phải nói gì đây về tôi. Tôi đó. Tôi bé bỏng xinh đẹp. Thấy không. Nhưng rồi đó. Mặt trời đến. Đến và để lại trong hơi thở tôi những băng giá của mùa đông. Đến và để lại trong tóc tôi những cây cối trụi của tháng chạp. Đến và để lại trên nhan sắc tôi những cuộc chiến dai dẳng. Đến và để lại trong đêm tối tôi những thương tiếc bất tận. Đó, mặt trời đó.

Tôi phải nói gì đây về mặt trời. Mặt trời đến và đi. Mặt trời xa xôi và tại ác. Mặt trời nùng nàn và tàn nhẫn. Mặt trời hung hãn và bất lực. Mặt trời hân hoan và khô ải. Mặt trời, thẳng ăn mày. Mặt trời, thẳng lưỡi biếng. Mặt trời, thẳng bạc tình, ngu ngốc. Mặt trời, đồ phải gió. Ôi giá gì ta được ngừng quay như bắc đầu. Giá gì ta được tan và rơi như những sao vô danh. Được đi đứng ăn ngủ sống và chết bình thường như kẻ khác. Ôi, mặt trời. Mặt trời của ta. Tình lang của ta. Tôi phải nói gì thêm nữa đây. Em phải nói gì thêm nữa đây.

Thôi, nói yêu anh và tiếp tục quay nhé.

• trần dạ từ

CHÚNG TÔI SỐNG • NGHĨ • VIẾT



NGUYỄN MẠNH CÓN • ĐỖ QUÝ TOÀN • PHAN TÙNG MAI • VIÊN LINH

NGHỆ THUẬT VÀ SỨC KHỎE



Không phải tôi chỉ muốn nói đến sức khoẻ với ý nghĩa là khoẻ mạnh là không ốm đau. Nhà nghệ sĩ nào, cũng biết khoẻ mạnh là sướng, ốm là khổ. Nhưng, hình như thế, các nghệ sĩ Việt Nam — hoặc những người có tâm hồn hay muốn sống như những nhà nghệ sĩ — đều không bao giờ nghĩ đến, không bao giờ chấp nhận một ý nghĩ nào đó về sức khoẻ, với ý nghĩa sức khoẻ là tập tành đều đặn chơi các thứ thể thao, làm các công việc thuộc lao động nặng, để trở thành những người thật khoẻ mạnh, có thân hình nở nang đẹp đẽ — vai rộng ngực vuông bụng có múi nách có gờ quật.

Có lẽ một quan niệm từ thời cụ Tổ Như đề lại, đã làm cho nhà nghệ sĩ có cảm tưởng mặc nhiên rằng nghệ sĩ là những người có các đặc tính:

Thứ nhất : đa tình và thất tình
Thứ nhì : đa sầu đa cảm và nghèo

Thứ ba : mình hạc, vóc mai, đề hợp với 2 đặc tính trên.

Riêng tôi thì tôi không bao giờ có những ý nghĩ tương tự. Tôi bắt đầu không tin rằng nhà nghệ sĩ phải có một thân hình lứt thướt, ốm o, mới làm được những câu thơ ước sững những nước mắt, khi, hồi còn ít tuổi, tôi đọc được một tài liệu nói về Lamartine và Victor Hugo. Lamartine viết *Graziella* thật mơ mộng yếu đuối, trong khi ông ta chơi *pétanque* — môn giải trí gần như ném tạ — rất khoẻ. Còn Hugo thì, ôi thôi, khỏi nói, ông ta là một thứ Casals, Charlot cách đây một thế kỷ: sức khoẻ sinh lý của Hugo cũng nổi tiếng khắp thế giới như văn chương của ông. Cứ ngay thẳng mà nói, thì trong suốt tuổi trẻ của tôi, cho đến khoảng 25 tuổi chẳng bao giờ tôi dám có hy vọng có ngày sống được bằng nghề viết lách. Hình như có lúc tôi ao ước được làm tham tá lục sự tại tòa án. Cho thứ phụ tá cho các vị lục sự tại tòa án. Cho nên không có gì ngăn cản tôi tập thể thao thật nhiều. Tôi chuyên nhất về tập các bắp thịt bụng và lưng. Tôi có thể đề cho bạn đếm năm bảy quả vào bụng mà không thấy đau gì lắm. Tôi định ninh cần phải có sức khoẻ đề trả lời cho những kẻ vũ phu có thể hạ nhục

mình trước công chúng. Trường hợp này thật ra chỉ đến với tôi có một lần, khi tôi còn là một cậu bé nhà quê mới ra tỉnh học. Hôm bị đòn tôi đau lòng lắm, và luôn luôn nghĩ rằng tôi sẽ không sống được nếu còn bị đá vào đít một lần thứ hai nữa.

Tôi tập riết, rồi ra những người bạn nổi tiếng «tay chơi» như Lại Nhà thờ, Kính què, Kim ô tô cũng không muốn dấy vào tôi làm gì. Tôi những tưởng sự tập tành chỉ tác dụng như thế thôi. Không ngờ, mới cách đây mấy hôm, tôi than phiền từ năm ngoái bị yếu đau luôn, thì một bạn tôi làm y sĩ, bảo tôi rằng :

— Chính anh mới là một thứ quái tượng về sức chịu đựng. Tôi chưa thấy ai có thể nói thức trắng cả tháng giời, mà đêm nào ngồi viết đến sáng cũng không mỏi lưng, không đi tiêu tiện vật. Anh sống một cuộc sống trái hẳn nếp sống của người bình thường từ mười năm nay rồi anh lại không tầm bở gì cả, mà anh không thối phôi không loạn óc, đau tim là may mắn lắm rồi !

Nghe bạn nói. tôi mới tỉnh ngộ, và thấy rõ sự may mắn của tôi. Không phải may vì tuổi trẻ có tập thể dục, thể thao ít lâu, mà may vì nhờ có sức từ năm 1947 tản cư, tôi đã phải làm ruộng hơn 2 năm, công tác hơn 2 năm, mà chịu đựng được. Cái may mắn lớn nhất của tôi là khi cầm cái cây theo con bò nhỏ xuống ruộng lần đầu, tôi mới biết người lao động cần nhất có bụng và lưng phải khoẻ. Ngày đầu tôi mới cấy được độ ba luống thì đau như bắp thịt bụng bị xé ra. Tôi phải làm đến nửa tháng mới quen. Nhưng còn đau lưng thì vụ làm mùa nào tôi cũng bị đau lưng như dần suốt đêm không ngủ được; vì phải cúi lưng gặt lúa hàng ngày. Còn công tác thì không có gì khó lắm. Chỉ phải đeo nặng và đi xa, đi nhiều thôi. Đeo độ ba chục ký lô trên lưng, độ tám ký lô gạo thắt ngang bụng, đi ngày khoảng 40 cây số thôi

nhưng có thể nói ngày nào cũng phải đi. Đi đến đứt cả giềp quai bằng xăm ô tô, rồi gót chân thành chai; dẫm phải loại gai nhỏ không thấy đau nữa. Tất cả vẫn là vấn đề của bụng và lưng. Thì ra bây giờ tôi còn chút sức lực đề viết được nhiều, đủ sống được, là nhờ có bụng và lưng được luyện nhiều từ thuở ấy.

Nhưng tôi còn được một cái lợi lớn hơn nhiều : cho đến nay, tôi vẫn quả quyết tin rằng không có gì sung sướng cho bằng một người tự làm lấy mà ăn. Người kiếm được tiền đề sống tự lập, tự do đã đáng hãnh diện lắm. Nhưng niềm hãnh diện của hãnh chưa thấm đâu với niềm hãnh diện của người nông dân, khi, buổi chiều xuống trên cánh đồng, anh ta ngồi trên bờ ruộng, ngắm nhìn những bó lúa vàng tươi sắp được gánh về đập trong sân ấp. Anh ta thật tự do, thật hãnh diện. Đời sống thật ngay thẳng, lương thiện, suốt cả năm có lẽ không phải nói một lời nào trái với ý mình.

Tôi cũng còn yêu thiên nhiên. Một đêm đi liên lạc từ Giốc Điep về Bình Ca, giữa mùa rét. Tôi có một mình lủi thủi qua Cao Văn, vào đến Đèo Khế. Đèo thật dài, tôi đi nhanh cho ấm. Đến đỉnh đèo thì vừa mệt, tôi ngồi xuống một thân cây đồ đề hút một điếu thuốc cuộn tay. Hút hết điếu thuốc, tôi bất chợt nhìn lên, thấy bầu trời mùa đông mà trong sáng một cách lạ lùng. Những ngôi sao xuống thật thấp, thân mến như bạn cũ lâu ngày. Gió thoáng lạnh, nhưng không giá buốt, mở cửa cho sự cảm thông giữa người và cảnh. Tôi nhận ra rằng ở giữa Trời và Đất, tôi đang ở trên đỉnh đèo cao, tiếp giáp với vô cùng. Từ hôm ấy, tôi lại càng tin ở chung quanh tôi có một tinh thần rộng lớn vô biên sẵn sàng chờ đón tôi trở về...

Tôi viết thế xin bạn đọc đừng bảo tôi thần «kẻ kia» có chính sách bắt trí thức đi cấy. Sự

thật, tôi nghĩ nếu chỉ được đi cày thôi, mà không mất tự do thì giới trí thức nên làm kiến nghị mà cảm ơn họ. Tôi, sự thật vẫn phục mà vẫn có phần nào khinh những người có học cao nơi thành thị. Vì tôi biết họ, một phần lớn không được và cũng không dám sống thật với lòng. Những người đó khéo léo đùn đẩy; càng lừa lọc để kiếm được nhiều lợi mà ít có nhọc đến thân thì càng tốt. Thét rồi cả cuộc sống của họ là một sự điên đảo kéo dài. Như thế, các bạn thử nghĩ xem, chúng ta phải giao vận mệnh mình cho họ thì đau khổ đến chừng nào?

Trở lại vấn đề nghệ thuật. Tôi nhớ có đọc một truyện ngắn của Pierre Louys (?) thuật truyện một họa sĩ trói một tên nô lệ da đen có thân hình tuyệt mỹ vào cột rồi nung những thanh sắt đỏ dí vào người y. Tên nô lệ vùng vẫy, nhà họa sĩ vẽ: Prométhée (1) bị hành hạ trên đỉnh núi. Dân chúng nghe tin nhà họa sĩ tàn nhẫn quá, kéo đến định phá nhà. Nhưng bức vẽ vừa xong — tên nô lệ cũng vừa chết — họa sĩ mở cửa; đưa bức tranh ra bao lớn. Dân chúng kinh ngạc trước nghệ thuật kỳ diệu bèn rút đi. Nghệ thuật trong trường hợp này, cũng đa cảm nhưng không nghèo nàn, yếu đuối. Tôi không tin ở một nghệ thuật yếu đuối, và nếu có người yếu mà làm được nghệ thuật, thì người đó chắc chắn còn làm được hơn nếu mạnh khỏe. Bản thân tôi cũng có một tác phẩm «ruột» thuộc loại tưởng tượng, mà tôi ôm ấp đã lâu. Sau khi viết xong cuốn «Mối tình màu hoa đào» thì không còn muốn viết bình luận nữa. Nhưng dù sao tôi cũng phải dành số ngày sáng còn lại để viết một cuốn tiểu luận sau này — mà hiện tôi đã viết xong một nửa rồi sau đó, tôi sẽ chỉ viết sáng tác không thôi. Sau khi cuốn «Lạc đường vào lịch sử» được in xong hai tập «1945» và «1946» tôi viết một cuốn về người nông dân trong kháng chiến.

Người nông dân ấy không theo Việt Minh không theo Quốc-gia, không theo Pháp, không theo ai hết. Như trong phim «Les sept mercenaires», kẻ thắng trận sau cùng bao giờ cũng là người nông dân. Vì sao? — Vì họ gần gũi nhất với Sự Thật.

Người nông dân vừa là cá nhân, vừa là tập thể. Tôi cần có tự do cá nhân, nhưng sẵn sàng tuân theo kỷ luật của tập thể, sẵn sàng làm mọi việc về sản xuất, với điều kiện độc nhất là tập thể không bắt tôi phải suy nghĩ theo bất cứ kẻ nào khác. Tôi đã vào quân đội, kỷ luật quân đội rất tốt cho tôi. Tôi nghĩ nó cũng rất tốt cho Thanh Tâm Tuyền, vì từ ngày đi lính, anh viết hay hơn trước nhiều. Đó, những lý do khiến cho tôi muốn cho tôi được thấy tất cả mọi người đều rất khỏe. Người tập thể dục nhiều có một đặc điểm là bắp thịt trên xương quai xanh chóng nở, làm cho cò chóng to ra và cúi đầu rất khó. Thành hoặc đó là điều làm cho các nhà văn nghệ còn muốn «hoạt động» thấy tập thể dục là bất lợi chăng?!

NGUYỄN MẠNH CÔN

3-LXVI

[1] Theo thần thoại Hy Lạp Prométhée là Thần Lửa Thiên Cung. Prométhée tạo ra người bằng đất bùn, rồi đánh cắp Lửa đặt vào người làm sự sống. Sau bị Thượng Đế phạt, trói trên đỉnh núi Caucase cho một con kền kền đến xé bụng moi ruột ra. Prométhée được Hercule đến cắt xích và giải con kền kền, cứu thoát.

NGƯỜI LÀM THƠ LÚC NÀY



Trước đây chừng 5, 7 năm chi đó, có lần nói chuyện với anh em, có mặt Viên Linh ở đó, tôi có nói rằng «Người làm thơ bao giờ cũng nói thiệt».

Không chịu điều đó, Viên Linh nói ngược lại rằng: người làm thơ là người nói dối.

Sở dĩ tôi nhớ chuyện đó là vì từ bấy tới nay tôi vẫn tiếp tục nghĩ ngợi đến, tự hỏi rằng: Làm thơ là nói thiệt hay nói dối? Trong khi đặt câu hỏi đó, nhiều lúc tôi đi rất xa trên các đường lý luận, tôi đã đụng tới nhiều ý kiến của các người sống trước mình. Nhưng bỏ qua tất cả các lý luận, trong thâm tâm tôi vẫn thấy rằng: Làm thơ là nói thật, nói điều thật bừa nay tôi vẫn còn nghĩ như thế. Nói thật không có nghĩa là nói những điều mà ai ai cũng thấy như thế, nhưng còn quan trọng hơn một bậc nữa, là nói những điều mà người khác không thấy; hoặc không chịu thấy. Trước năm 1963, một người mang in tập thơ, sở kiểm duyệt đã cắt bỏ 2 chữ «gái điếm» trong một bài thơ. Hỏi tại sao? Họ trả lời rằng: Hiện nay không có gái điếm; dưới chế độ lãnh mệnh, đạo đức như vậy làm chi có gái điếm? Do vậy, không được nói tới 2 tiếng đó.

Không phải chỉ có 1 chính quyền độc đoán và sở kiểm duyệt của nó mới ngoan cố, không chịu nhìn sự thật, như vậy. Có khi cả 1 xã hội, suốt 1 thời đại đồng tình và thực tình ngoan cố, ôm khư khư một thành kiến như vậy nữa.

Thời đại chúng ta, lại còn có những bộ máy nói dối khổng lồ chuyên môn làm công việc nhồi sọ người ta bằng một số thành kiến; cò động cho việc sống theo những thành kiến nữa

Càng ngày người ta càng háng hái sống theo những ý kiến của người khác, những ý kiến công cộng, và càng ngày người ta càng sợ những ý kiến cá nhân, khinh rẻ những ý kiến cá nhân.

Có lúc cả xã hội nhất loạt cho rằng một vấn đề gì đó là quan trọng hết sức, một điều, nào đó là đúng là hay nhất, khó lòng nói ngược lại mà khiến người ta tin. Có khi phải đợi hàng thế kỷ hay nhiều hơn nữa mới giúp người ta nhìn thấy mặt khác của sự việc được. Nhưng người làm thơ bẩm sinh với tinh thần phóng khoáng tự do, với bản năng mạnh mẽ hơn, miễn huệ hơn mọi người khiến hẳn yêu sự sống, sự sống chân thực linh động, nhờ đó hẳn có thể thoát ra khỏi những xúc động giả dối, những âu lo giả dối mà các khẩu hiệu kèm theo thành kiến của chúng tạo nên khích động mọi người. Vượt khỏi những thành kiến công cộng, hẳn chợt thấy rõ đâu là điều cốt yếu, đâu là điều hệ trọng hơn cả cho sự sống và hẳn nói những điều đó ra, những điều mà người khác không thấy, hoặc không dám thấy.

oOo

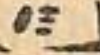
Trong mấy năm gần đây, thơ chúng ta đã vượt qua một thời khủng hoảng. Sự xuất hiện của những từ ngữ mới, của lối cấu mới đã gây sôi nổi một thời, bây giờ đã lắng dịu. Chúng ta đã thấy vấn đề hình thức mới hay cũ không còn là quan trọng nữa; nhưng điều quan trọng là những thứ chúng ta viết có phải là thơ hay không, chúng ta có tự do cảm hứng có tự do diễn tả bằng ngôn ngữ của mình không.

Mặt khác, người làm thơ cũng vượt qua được những «vấn đề giả» những vấn đề giả do những cảm hứng mượn tạo ra vì các khẩu hiệu tuyên truyền, hoặc vì những loại văn chương nhập cảng. Những cảm hứng giả tạo đó khiến cho người làm thơ không trung thực sống với mình, lơ lửng giữa trời, không liên hệ gì với mặt đất, với người và vật chung quanh mình. Dứt ra khỏi những vấn đề giả tạo về hình thức dứt ra khỏi những cảm hứng giả tạo vay mượn

Và tôi vẫn nghĩ rằng ở nơi nào mà thi sĩ được phép nói những gì mình xúc động thì nơi đó mới gọi là có tự do.

ĐỒ QUÝ TOÀN

NGƯỜI VIẾT
THOẠI KỊCH



Tình cảnh hết sức giản dị cho
số đông người viết kịch ở đây:
không viết nữa. Lý do nhiều
lắm, nhiều lắm... Nhưng mà...
không nghĩ đến làm gì. Những
người viết kịch ở đây đang
sống trên đất chết.

Nhưng không chỉ các buổi « cù léc » là thứ giết kịch. Còn nữa. Quan trọng nhất là ý kiến không khách quan của một số người thích và có cơ hội truyền bá tư tưởng. Những người đó có người có trách nhiệm với thoại kịch và có người không — đã nhìn và kết luận, hết sức chủ quan về sân khấu thoại kịch. Phần đông đề một chân lên mặt trắng, không chịu hiểu đa số khán giả ở đây thuộc thành phần nào. Từ đó họ cho là kịch hiện nay rất kém, và đôi khi còn cho là hiện không có thoại kịch. Chúng tôi đã gặp một số những « người giết kịch » trên và quá nhiều lần được biết họ không định nghĩa nòi Kịch là gì nữa. Thêm vào đó họ không ở vào giới tích cực hoạt động thoại kịch. Họ không biết được là một số những người viết ở đây chắc chắn có khả năng đề đề cập đến những đề tài sẽ làm cho vở

Sống không nổi ở đất chết sân khấu, người viết kịch nào còn hơi sẽ cố chạy qua địa hạt ẩn phàm. Nếu không có chỗ diễn thì mang kịch in thành sách vậy. Nhưng ai cũng rõ kịch là thứ ế nhất trong các ẩn phàm. Vì thế có mang bản thảo chạy mòn giày, người viết kịch cũng khó mong tìm được một nhà xuất bản nhận ẩn hành cho. Nếu muốn tiếp tục « góp tiếng với đời », người viết kịch chỉ còn cách tự kiếm tiền in lấy. Tiền ! Bức rào này ngăn cản không biết bao nhiêu người. Tính sơ

3— *Lần sóng điện*
In được một quyền kịch, người viết sẽ không khi nào nghĩ đến chuyện in lần thứ hai nữa. Sân khấu không có, in sách không nổi, đến thử thời vận ở đài phát thanh xem.
Những người muốn thử phải biết rằng tuy quyền tác giả mỗi buổi kịch 45 phút chỉ có 6 trăm đồng (trừ 2 đồng tiền tem) song khi nào một ban diễn cho mình một vở kịch là cả một sự hy sinh to tát của ông trưởng ban đó. Vì đó là nỗi cơm của mấy ông ấy. Do đó, nếu người ta nhường mình thì mình phải nhường lại người ta. Nhường lại bằng cách viết giống theo lối họ đang viết. Hoặc là những câu chuyện nhạt kéo dài lê thê với văn bí hiểm (các loại này đã được «cảm ơn» cả rồi) hoặc là nham nhở nghèo nàn không có một tí kỹ thuật nào của Kịch Vô Tuyến. Họ xài kịch xướng âm (xin dịch giọng gạo chữ «pièce dictée»). Nếu ai mang một vở kịch vô tuyến lại họ cũng sẽ làm nó hết tính cách vô tuyến (radiophonique) ngay và bào chữa là không đủ phương tiện. Chúng tôi có lần được ông Tổng Giám Đốc Cục Vô Tuyến Truyền Thanh nhờ nghiên cứu đề cải tiến các chương trình kịch của đài Saigon. Sau khi chúng tôi quan sát tất cả cách làm việc và nghe hết chương trình của các ban một thời gian, chúng tôi xin rút lui: lý do: Khi tiếp xúc với vài ban, thấy kỹ thuật xử dụng âm thanh và nhạc của họ còn thiếu sót chúng tôi hỏi họ muốn Đài giúp đỡ gì. Thay vì trả lời một tiếng cần thiết là âm thanh (đủ thứ), một ban đã xin đặt một chiếc cầu thang để làm tiếng chân lên xuống và một ban xin một cái tủ để làm tiếng cửa mở.

PHAN TÙNG MAI

PHAN TÙNG MAI

GHI NHẬN LẦN CUỐI VỀ ẢNH HƯỞNG CÁC NHÀ VĂN LỚP TRƯỚC



Nhận định một cách tổng quát, ảnh hưởng của các nhà văn lớp trước đối với những năm 50 60 ở miền Nam không còn rõ rệt nữa. Có tính lại người ta chỉ thấy sự có mặt của nó thu hẹp vào một nhà xuất bản và một hoặc hai tạp chí hàng tháng.

So sánh với những nhà xuất bản mới, so sánh với những tạp chí văn học mới, rõ ràng là ảnh hưởng của những nhà văn lớp trước — thể hiện qua một số tác giả trẻ tuổi, qua một số truyện ngắn bố cục lớp lang với những tâm lý nhân vật khẳng định — chỉ còn như sự có mặt của những mái tóc búi bên những kiểu tóc mới. Khi bước chân vào một khu chợ tôi thường nhớ đến những nhà văn tiền chiến và ảnh hưởng của họ. Chính ở trong những khu chợ người ta mới chợt thấy lại những mái tóc búi, những cái đầu vấn, những người đàn bà của hàng xách, hàng tấm, những cái trung niên cuối cùng của một thế hệ đang về già. Trong chợ, còn có sự djem dúa của dung nhan đậm đang, của điệu bộ dửng dăng. Một nơi khác cũng cho tôi nhớ tới ảnh hưởng của các nhà văn tiền chiến là những viện mồ côi, từ các trẻ nhỏ cho đến những Dì Phước, hình ảnh một xã hội neo nhóc hay lương thiện, cái đích của Văn chương tiền chiến. Văn chương tiền chiến và các tác giả của nó đáng kể ở chỗ làm việc thiện, chú ý và phô trương việc thiện. Trong những năm 50, 60, ảnh hưởng ấy bị thu hẹp. Lý do là cái cơ tâm — tôi dùng một danh từ cổ trong các bài bình luận văn học xưa — cái cơ tâm của người ta ngày một

thêm phát triển: Và như thế có nghĩa là việc thiện mất dần đi, thành một hành động bố thí một việc nghĩa chỉ xảy ra trong một xã hội già đang đi đến chỗ tiêu diệt. Sự sống, sinh hoạt, không có chỗ cho những hành động như vậy. Những năm 50, 60, lại là những năm mà sinh hoạt chung đi đến chỗ mảnh liệt và tàn nhẫn, đúng như sự cần thiết của nó trong một vận động hủy diệt, đề khai sinh từ đây những cái mới) những thế hệ mới. Bởi vậy ảnh hưởng của những nhà văn lớp trước gần như hoàn toàn biến mất trong tinh thần những nhà văn lớp sau này, một tinh thần hoạt động, đánh phá. Có nghĩa là ảnh hưởng ấy chỉ còn về mặt kỹ thuật. Một kỹ thuật đặt được thành chương trình và chỉ còn sống trong phạm vi kiểm soát của những nhà giáo những lớp bình giảng Tiểu hay Trung học, Nếu đi vào chi tiết, phân tích từng cuốn truyện hay kê ra những tác giả, có thể nói ảnh hưởng của văn chương tiền chiến còn đáng kể. Nhưng theo tôi làm như thế không ích gì. Cái đáng kể là chủ đích của một nền văn chương. Chủ đích của những nhà văn lớp trước là gì nếu không là gây dựng hay lật đổ một ít phong tục vốn đề nặng lên nếp sống của họ và thế hệ đương thời. Chủ đích của Thơ Tiền chiến cũng là đề cao ngợi ái tình và phóng túng tâm sự. Tôi cho người điền hình nhất trong tinh thần lớp trước không phải Nhất Linh Khái Hưng Xuân Diệu hay Trần Tiêu Họ chỉ là những nét khác biệt trong một toàn thể đồng tính. Những cái dị nhỏ trong một cái đồng lớn Người điền hình nhất cho chủ đích lớp trước là họa sĩ Cát Tường một cái tên không lấy gì làm nổi lắm. Về mặt nghệ thuật Cát Tường không đề lại những tác phẩm lớn, không được nhắc đến như những Nguyễn Gia Trí hay Tô Ngọc Vân. Nhưng về mặt thực hiện chủ đích của Tự Lực Văn đoàn thì chính Cát Tường đúng cách hơn cả. Như đã nói, chủ đích văn nghệ lớp trước

là cải thiện phong hoá xã hội mà Cát Tường là người đã cải thiện đương thời bằng nhiều sáng tác phẩm Như kiều áo Le Mur một kiều áo mới tung ra ở Hà-nội và sau này hầu hết phụ nữ đều dùng, tuy lúc đầu chỉ được phở. biến trong giới cô đầu và nữ sinh. Kiều nhà Ánh Sáng cũng là một sáng tác khác trong chủ đích văn chương thế hệ đó. Vậy rõ ràng là chủ đích văn chương ấy không cao hơn mái nhà, không rộng hơn bề mặt sinh hoạt của một gia đình: Khi viết những điều này, tôi càng tin như vậy. Quả là chỉ có như vậy mà thôi. Do đây, tôi lại tin yêu Lê Văn Trương, Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng hơn lên gấp bội mỗi khi thấy họ ở ngoài chủ đích của nền văn nghệ đã qua.

Vấn đề đặt ra là ảnh hưởng của các nhà văn lớp trước đối với những năm 50, 60. Như tôi vừa trình bày, vấn đề cần giải quyết là ảnh hưởng của chủ đích ấy. Vậy chủ đích ấy quả thật là không còn ảnh hưởng gì hết đối với những năm 50, 60, nghĩa là đối với những nhà văn của những năm 50. 60. Nói như thế là nói rằng những nhà văn những năm 50 60 là những nhà văn trẻ, bùng lên và ở mũi dùi của vận động tiến bộ. Bên cạnh người này, còn những tên tuổi khác thường là nổi tiếng hơn, được nói đến nhiều hơn, nhưng tôi không gọi họ là những nhà văn của lớp 50 — 60. Họ hoạt động trong những năm này, nhưng đích thực họ thuộc lớp trước. Sinh hoạt văn học nghệ thuật những năm 50 — 60 không trông cậy gì ở họ, không cần có mặt họ. Họ có mặt đấy, nhưng sự có mặt ấy chỉ là để làm một thứ mốc, không ăn thua gì đến sức tiến tới. Nói cách khác, chủ đích văn chương lớp trước không có ảnh hưởng gì tới chủ đích của văn học ngày nay, nếu không nói là đối nghịch. Một đằng về, một đằng đi, một đằng lên, một đằng xuống. Cái chiều sống của con người trong văn chương

tiền chiến khác với cái chiều sống của con người trong văn chương hôm nay. 'Dimention humain không chỉ chạy tròn không chỉ có ba chiều như không gian kỷ hà học, Nó có chiều thứ tư, và tại sao không là thứ năm nữa. Những chiều sau này không có trong văn chương tiền chiến, nhưng có trong thế hệ cầm bút hôm nay: vậy nó không thừa tự gì ở chủ đích trước.

Tôi có thể nói ngược lại: Chính văn học nghệ thuật những năm 50 — 60 ảnh hưởng ngược trở lại chủ đích của lớp trước. Tôi tạm trình bày như sau đây:

Độc giả của chúng ta ngày hôm nay đã đọc Văn nghệ mới. Đã chấp nhận hội họa mới. Những tạp chí văn học nghệ thuật mới như Sáng tạo, Hiện Đại, Thế kỷ 20, Nghệ thuật, bán chạy hơn bất cứ một tạp chí nào có mặt những chủ đích của nền văn chương trước. Các bạn sinh viên học sinh cho ra những tạp chí đều thuộc giòng chủ đích mới. Các văn thơ được chọn đăng trên mục thơ các nhật báo đều là thơ của giòng Tự Do. Và độc giả đọc. Điều ấy được giải thích thế nào khác hơn chính chủ đích lớp trước đã bị ảnh hưởng của chủ đích sau. Tôi tin rằng nếu các tác giả tiền chiến còn sống đầy đủ, chắc họ sẽ hài lòng chúng ta hơn là những cây viết của Tự Lực Văn Đoàn Nói Dài. Nhiều bạn tôi, hiện nay là giáo chức, cho tôi hay rằng học sinh bây giờ đòi hỏi phải nói về những tác giả mới. Đại khái là như vậy, dù chúng ta còn có thể nói nhiều hơn nữa. Nhưng công việc ấy của các nhà biên khảo, phê bình, mà tôi chỉ đang viết một bài ghi nhận nhỏ.

● viên lĩnh

TIẾNG NÓI TRONG MƯA GIÓ HỖN LOẠN

Số Tiếng Nói ra mắt này, lẽ phải phát hành đúng ngày đã hẹn là mừng 1 tháng 4. Nhưng lời hẹn, cũng như bao nhiêu lời hẹn khác mà chúng ta thường nghe, đã lỡ. Thành thử ngày phát hành của Tiếng Nói sẽ dời lại vào mừng mười mỗi tháng.

Dù sao là người trông coi phần trị sự của tờ báo, tôi xin thay anh em nhận lỗi sai hẹn cùng bạn đọc. Nhận lỗi rồi, cũng xin kèm theo đây một lời bào chữa. Rằng: sở dĩ số báo này phải phát hành chậm, ấy là tại mưa gió và hỗn loạn.

Về khoản mưa gió, các bạn ở thủ đô chắc đều đã nhận thấy năm nay mùa mưa đã báo động hơi sớm. Mưa tới sớm, nhắc chúng ta sự chuyển tiếp tàn nhẫn của thời gian, sự tối tăm hoài hủi chưa xê xích, và làm ai nấy bùi ngùi quá nên lười biếng chậm chạp. Ấy là nói về mưa gió. Còn khoản hỗn loạn thì chắc hẳn khỏi nói. Trong phần chủ đề số này, anh chủ nhiệm của chúng tôi đã nhắc tới khoảng cách khó khăn từ các tác phẩm nghệ thuật tới người đọc. Sự cách biệt ấy, trong những tuần lễ vừa qua, nhờ ơn thời sự, càng tăng lên gấp bội. Mọi liên lạc giao thông với miền Trung đã bị cắt đứt. Mọi người, ở bất cứ đâu, đều chỉ còn chú ý tới chuyện xuống đường xuống phố, chứ ai đủ sức nhìn tới những chuyện xảy ra ở ngay trong lòng mình. Số độc giả, nhất là của các tuần san, tạp chí nghệ thuật do đó đều biến mất quá nửa. Chọn tình cảnh ấy để phát hành số ra mắt cho một tờ báo mà số độc giả vốn đã rất giới hạn, là một chuyện liều lĩnh. Chính vì thế, số báo ra mắt này, dù đã đủ điều kiện để xong, buộc phải lui ngày phát hành lại ít bữa. Nhưng mà

lui thì lui, «ngày định mệnh» ấy cũng nhất định phải tới. Và số phận tờ tạp chí này đã tới lúc phải gửi vào tay bạn đọc. Tình hình chung của chúng ta chưa khá gì hơn, và chắc hẳn ngày khá hơn cũng còn xa lắm. Trong cảnh khó khăn chung ấy, vẫn với bồn phận trông coi phần trị sự, tức là phần làm sao cho bản thảo của anh em thành giấy, thành mực để đến tay người đọc, tôi xin thưa đôi chút về số phận tạp chí.

Tờ tạp chí Tiếng Nói này, như các bạn hữu chúng tôi đã viết, bây giờ và mãi mãi, không nhận một khoản trợ cấp vào, bất cứ từ đâu đến. Vốn xuất bản nó là tiền túi (những cái túi vốn rỗng) của các anh em góp lại. Vì vậy, số vốn ấy phải được gìn giữ, cũng như tờ tạp chí này phải còn, phải sống, không lệ thuộc vào bất kỳ một biến cố đảo chính, chỉnh lý nào, như trường hợp những tạp chí đã có và mất, trong dĩ vãng. Với quyết tâm ấy, tôi xin được báo cáo:

— Thứ nhất, tạp chí này không có một số báo nào dành vào việc biểu không:

Các thân hữu của chúng tôi, thay vì chờ những số báo biểu thường lệ, xin hãy vì việc chung, trở thành những độc giả danh dự đóng góp phương tiện cùng chúng tôi trong việc duy trì cho tạp chí có mặt.

— Với những bạn đọc cùng chung một ý hướng về văn học nghệ thuật, như lời mở đầu của số báo này đã trình bày, cũng xin tiếp tay với chúng tôi bằng cách: 1) trở thành độc giả danh dự hay dài hạn. 2) giới thiệu cho những người bên cạnh cùng mua và cùng đọc tạp chí.

Một Tiếng Nói nhỏ nhoi: giữa mưa gió, hỗn loạn, số phận của nó mong manh lắm chúng tôi xin long trọng kêu gọi các thân hữu và bạn đồng tình, cùng với chúng tôi, gìn giữ cho Tiếng Nói ấy không tắt không bao giờ tắt.

NGUYỄN KHẮC GIẢNG

80
TIẾNG NÓI

Trường Trung Học

HUNG-ĐẠO

115 - 125 Cống Quỳnh — Saigon

Đ.T: 24.797



Từ Đệ Thất đến Đệ Nhất

TỔNG KHAI GIẢNG 1.7.1966

Ghi tên nhập học 1-5-1966

NHỮNG NGƯỜI THANH LỊCH NHẤT

của { **SAIGON HOA LỆ**
SAIGON ĂN ĐIỆN

ĐỀU CHỈ MAY QUẦN ÁO Ở

CAN

110.— Tự Do

SAIGON

• GIAO ĐÚNG HẸN

• HỢP THỜI TRANG

TIẾNG NÓI GIỚI THIỆU SÁCH BÁO BẠN

Mỗi ngày mời các bạn tìm đọc

NHẬT BÁO SỐNG

CHU TỬ. ĐĂNG GIAO. NGUYỄN THUY LONG. DUYÊN ANH.

TRẦN TỬ. TỬ KẾU

TỜ BÁO CỦA NHỮNG NGƯỜI MUỐN SỐNG
CHO RA SỐNG

Mỗi tuần mời các bạn tìm đọc

NGHỆ THUẬT

MAI THẢO. THANH NAM. VIÊN LINH. VŨ KHẮC KHOAN.
TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT MỚI

Mỗi nửa tháng mời các bạn tìm đọc :

VĂN

TRẦN PHONG GIAO. NGUYỄN MẠNH CÔN. THANH TÂM TUYỀN
**BÁN NGUYỆT SAN CỦA NHỮNG NGƯỜI
HAM ĐỌC, HIỂU HỌC ỮA SUY NGHĨ**

Mỗi nửa tháng mời các bạn tìm đọc :

VĂN HỌC

CHỦ NHIỆM: PHAN KIM THỊNH
BÁN NGUYỆT SAN VĂN HÓA XÃ HỘI CHÍNH TRỊ

K.D số 797 ngày 9-4-66
giấy phép xuất bản 1306/BTLC/BCII 15-3-66

TIẾNG NÓI SỐ NÀY

3. TIẾNG NÓI

Tiến Tới Một Văn Học Văn Học Thật Lực

7. TÌNH CẢNH NHÀ VĂN VIỆT NAM NHỮNG NĂM 50 VÀ 60

Một thế hệ nhà văn không đàn anh. Nhà văn giữa các hiệp hội văn hóa. Nhà văn trên thang giá trị xã hội. Nhà văn trong cuộc chiến hiện tại. Nhà văn với chính quyền. Từ nhà văn đến người đọc. Nhà văn với đề tài và tác phẩm.

41, 69. THƠ

Đỗ Quý Toàn. Trần Tuấn Kiệt. Viên Linh. Trần Đức Uyển. Trần Dạ Từ

47. VĂN

Nguyễn Nghiệp Nhượng : Buồn Rầu Và Cảnh Vật
Dương Nghiễm Mậu : Hoạt Cảnh

53. TRUYỆN DÀI

Nhã Ca : Đám Tang Cá Voi

73. CHÚNG TÔI SỐNG NGHĨ VIẾT

Nguyễn Mạnh Côn : Nhà văn và sức khỏe. Đỗ Quý Toàn : Người làm thơ hôm nay. Viên Linh : Ghi nhận lần cuối về ảnh hưởng văn chương tiền chiến. Nguyễn khắc Giảng : Tiếng Nói trong mưa gió hỗn loạn.

BAN CHỦ BIÊN

Dương Nghiễm Mậu. Đỗ Quý Toàn. Hoàng Văn Đức
Lý Hoàng Phong. Nguyễn Sa. Nguyễn Mạnh Côn. Nguyễn
Nghiệp Nhượng. Nguyễn Thụy Long. Nguyễn hữu Đông. Nguyễn
Trung. Nhã Ca. Nghiêu Đề. Trần Dạ Từ. Trần Đức Uyển.
Trần Tuấn Kiệt. Phan Tùng Mai. Viên Linh. Lê Xuyên.

Chủ nhiệm : Trần Đức Uyển. Thư ký : Trần Dạ Từ. Quản lý : Nguyễn Khắc Giảng
Tòa soạn : 225. PHẠM NGŨ LÃO. SAIGON. ĐIỆN THOẠI : 25.863

NHÃ CA PHẠM THÁI THUY, NG. NGHIỆP NHƯNG TRẦN TUẤN KIẾT DƯƠNG NGHIÊM MẬU NGUYỄN KHẮC NHÀN

HÀ XUẤT BẢN TIẾNG NÓI ĐÃ PHÁT HÀNH

THƠ NGUYỄN SA

bản in lần thứ hai, bìa Đăng Giao giá 48đ

VÁC NGÀ VOI

tập truyện Nguyễn Thụy Long, bìa Nguyễn Trung.
Tựa Trần Dạ Từ giá 42đ

NHÃ CA MỚI

tập thơ đầu tay của Nhã Ca. Trình bày: Nghiêu-Đề,
Duy Thanh, Nguyễn Trung, Cù Nguyễn. Viên Linh
Tựa, bạt Nguyễn Sa, Dương Nghiễm Mậu.

CHUYỆN NGƯỜI MUA MỘNG

kịch thỉnh phòng của Phan Tùng Nguyên
bìa Nghiêu Đề.

THƠ ĐEN TÚ KẾU

tựa, bạt: Nguyễn Mạnh Côn. Chu Tử. Trần Dạ Từ.
Viên Linh. Bìa Đăng Giao.

TỎ TÌNH TRONG ĐÊM

thơ Trần Dạ Từ. Bìa Nguyễn Trung. 48đ

NÀNG

Đoàn Quí Toản

hạm Duy. Bìa Nguyễn Trung

giá
12
đồng